

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN HỒNG THẬT

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP
Ở TỈNH TÂY NINH HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN HỒNG THẬT

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP
Ở TỈNH TÂY NINH HIỆN NAY

Chuyên ngành: Triết học

Mã số : 9229001

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS, TS. Trương Ngọc Nam
TS. Nguyễn Thị Ngọc

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực chưa được công bố trong các công trình khác, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Nghiên cứu sinh

NGUYỄN HỒNG THẬT

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CBCCVC:	Cán bộ, công chức, viên chức
CNH, HĐH:	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
CNXH:	Chủ nghĩa xã hội
HĐND:	Hội đồng nhân dân
HTX:	Hợp tác xã
KT- XH:	Kinh tế- xã hội
LLSX:	Lực lượng sản xuất
NNL:	Nguồn nhân lực
UBND:	Ủy ban nhân dân
XHCN:	Xã hội chủ nghĩa

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	8
1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp	8
1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.....	20
1.3. Những công trình nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh	32
1.4. Đánh giá chung về những công trình đã nghiên cứu và những vấn đề luận án tiếp tục giải quyết.....	37
Chương 2: PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH TÂY NINH - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN.....	44
2.1. Cơ sở lý luận về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp	44
2.2. Chủ thể, nội dung, phương thức phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp	68
2.3. Những yếu tố tác động đến phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.....	80
Chương 3: PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH TÂY NINH - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	91
3.1. Khái quát về tình hình phát triển nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh	91
3.2. Thực trạng phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.....	99
3.3. Một số vấn đề đặt ra đối với phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh hiện nay	136

Chương 4: BỐI CẢNH, QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH TÂY NINH TRONG THỜI GIAN TỚI.....	142
4.1. Bối cảnh mới tác động đến phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.....	142
4.2. Một số quan điểm cơ bản phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.....	146
4.3. Những giải pháp phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới	154
KẾT LUẬN.....	173
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN	176
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	177
PHỤ LỤC.....	198

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Đảng ta luôn quan tâm chú trọng đến phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển nguồn nhân lực là yếu tố then chốt trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Tại Đại hội XIV, Đảng đã xác định nguồn nhân lực là một trong ba khâu đột phá chiến lược: “đột phá về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao gắn với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”[59; 37-38].

Đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, nguồn nhân lực không chỉ quyết định năng suất lao động mà còn đảm bảo quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hội nhập quốc tế. Đảng và Nhà nước ta đã xác định phát triển nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ chiến lược, đặc biệt trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, Nghị quyết số 85/NQ- CP, ngày 04-04-2026 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19- NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết nhấn mạnh mục đích “tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương trong phát triển nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị, bảo đảm đồng bộ với vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp”[33]. Điều này nhằm rút ngắn khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị, đồng thời tạo động lực thúc đẩy kinh tế địa phương. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân

lực cho ngành nông nghiệp tại các tỉnh thành, bao gồm Tây Ninh, trở thành một nhiệm vụ quan trọng để đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH.

Tỉnh Tây Ninh, nằm ở vùng Đông Nam Bộ, có vị trí chiến lược quan trọng khi là cửa ngõ giao thương giữa Việt Nam và Campuchia. Là tỉnh có nhiều tiềm năng, thế mạnh trong phát triển nông nghiệp, cùng với sự phát triển nhanh chóng của các ngành công nghiệp chế biến và dịch vụ, Tây Ninh đang đứng trước cơ hội chuyển mình mạnh mẽ. Tuy nhiên, để đạt được các mục tiêu CNH-HĐH trong nông nghiệp, phát triển nguồn nhân lực vẫn là một thách thức lớn. Hiện trạng nguồn nhân lực nông nghiệp tại Tây Ninh đang còn nhiều hạn chế, trong đó trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp của lao động còn thấp, tỷ lệ lao động qua đào tạo chỉ đạt 20-30%, chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và công nghệ hiện đại; cơ cấu lao động bất hợp lý, chủ yếu tập trung vào nông nghiệp truyền thống, trong khi thiếu hụt nhân lực cho các ngành công nghiệp chế biến và dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp; sự chuyển dịch lao động từ nông thôn đến các thành phố lớn và khu công nghiệp đã làm gia tăng áp lực thiếu hụt lao động tại địa phương; và các chương trình đào tạo nghề hiện tại chưa phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường lao động, dẫn đến lãng phí nguồn lực và hiệu quả sử dụng thấp.

Những vấn đề trên đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nghiên cứu và xây dựng các giải pháp toàn diện để phát triển nguồn nhân lực ngành nông nghiệp tại Tây Ninh có trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ không chỉ đáp ứng yêu cầu sản xuất truyền thống mà còn sẵn sàng tiếp cận công nghệ cao và đổi mới sáng tạo trong phát triển nông nghiệp. Điều này không chỉ giúp giải quyết các hạn chế hiện tại mà còn tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại địa phương. Đây là nền tảng để nông nghiệp địa phương chuyển dịch lên chuỗi giá trị cao hơn, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh toàn cầu, sản xuất hàng hóa cho xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, với yêu cầu chuẩn mực mới, chất lượng cao.

Xuất phát từ những yêu cầu trên, nghiên cứu sinh lựa chọn ***“Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh hiện nay”*** làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ. Kết quả nghiên cứu sẽ đóng góp vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy CNH-HĐH, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, và phát triển toàn diện tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển NNL công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh; thực trạng phát triển NNL công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và đề xuất những quan điểm và giải pháp nhằm phát triển NNL công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu đề tài tập trung vào thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu như sau:

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến vấn đề phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.

Hai là, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh hiện nay.

Ba là, đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra với phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh

Bốn là, đề xuất những quan điểm, giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung vào đối tượng nghiên cứu là phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về mặt nội dung:* Luận án đi vào nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh theo hai nội dung sau:

Một là, nghiên cứu về cơ cấu, quy mô, số lượng phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Tây Ninh.

Hai là, nghiên cứu vấn đề chất lượng phát triển nghiên cứu vấn đề phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.

- *Về không gian:* Luận án đi vào khảo sát thực tiễn trong địa bàn tỉnh Tây Ninh về vấn đề phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp. Do đó, luận án đánh giá thực trạng phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh cũ và đề xuất những giải pháp nhằm phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp cho tỉnh Tây Ninh mới sau khi thực hiện sáp nhập với tỉnh Long An theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương của Quốc hội ban hành số 72/2025/QH15, ngày 16-6-2025. Vì vậy, các giải pháp nhằm phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp cho tỉnh Tây Ninh phải căn cứ vào điều kiện thực tiễn phát triển KT- XH của tỉnh Tây Ninh mới sau khi thực hiện sáp nhập với tỉnh Long An.

- *Về thời gian:* Luận án nghiên cứu vấn đề phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020- 2025 và đề xuất những giải pháp đến năm 2030. Vì giai đoạn này Tỉnh ủy Tây Ninh có ban hành và thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực của tỉnh và giai đoạn trước khi thực hiện sáp nhập tỉnh và thực hiện vận hành theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp. Đồng thời, kế thừa, vận dụng các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án để thực hiện mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Luận án chú trọng kế thừa những kết quả nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nói chung và trong nông nghiệp nói riêng. Đồng thời, căn cứ vào báo cáo, đề án phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Tây Ninh. Ngoài ra luận án tập trung phân tích thực trạng phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; đồng thời sử dụng các phương pháp cụ thể như:

Phương pháp khái quát hóa: được sử dụng để thực hiện trong quá trình tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án và khái quát những nội dung các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu trong chương 1, chương 2 và chương 3 của luận án.

Phương pháp phân tích, tổng hợp được thực hiện để phân tích các báo cáo, số liệu phục vụ quá trình phân tích, đánh giá thực trạng phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh. Đồng thời, tổng hợp các nội dung nghiên cứu và thực hiện các nội dung cơ sở lý luận, thực trạng và giải pháp phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp tỉnh Tây Ninh. Do đó, phương pháp này được sử dụng trong suốt quá trình thực hiện mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

Phương pháp logic- lịch sử: được sử dụng để tiếp cận nội dung vấn đề cơ sở lý luận về nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực; chỉ ra những yếu tố tác động đến phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh. Phương pháp này được sử dụng nhiều trong chương 2 và chương 4 của luận án.

Phương pháp quy nạp, diễn dịch: được sử dụng trong quá trình triển khai các nội dung trong các chương của luận án nhằm đa dạng cách thức triển khai nội dung luận án. Phương pháp này được sử dụng trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ luận án.

5. Đóng góp mới của luận án

Luận án với đề tài phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp tỉnh Tây Ninh đem lại một số đóng góp như sau:

- *Thứ nhất*, luận án góp phần làm rõ hơn những vấn đề lý luận về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp. Luận án tập trung làm rõ một số khái niệm công cụ: nguồn nhân lực, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, NNL CNH, HĐH, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.

- *Thứ hai*, luận án tập trung phân tích, đánh giá thực trạng phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh trên cơ sở đánh giá những thành tựu, hạn chế; nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra đối với phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.

- *Thứ ba*, luận án làm rõ bối cảnh mới tác động đến phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp; từ đó đề xuất một số quan điểm và giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Về lý luận

- Ở một mức độ nhất định, luận án góp phần làm sáng tỏ lý luận về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nhằm hướng đến mục tiêu phát triển nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại.

- Luận án có những đóng góp cơ bản vào khoa học chuyên ngành Triết học trong nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển nguồn nhân lực- yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất; phát huy nhân tố con người.

6.2. Về thực tiễn

- Luận án đã có đánh giá khách quan về vấn đề phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh và đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở Tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới.

- Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc xây dựng, hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở Việt Nam nói chung và ở tỉnh Tây Ninh nói riêng. Đồng thời, có thể sử dụng cho việc nghiên cứu, giảng dạy, tài liệu tham khảo cho chuyên ngành Triết học.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án có kết cấu gồm 4 chương, 13 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp

1.1.1. Các công trình nghiên cứu quốc tế về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) là vấn đề được các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng quan tâm nghiên cứu. CNH, HĐH là yếu tố đảm bảo cho sự phát triển bền vững của các quốc gia, tạo điều kiện cho sự thay đổi về nền sản xuất xã hội, tăng năng suất lao động, tạo tiền đề vật chất để không ngừng củng cố và phát triển kinh tế- xã hội của các quốc gia. Do đó, có rất nhiều công trình nước ngoài nghiên cứu về vấn đề CNH, HĐH ở dưới những góc tiếp cận khác nhau nhằm làm rõ vai trò, ý nghĩa của CNH, HĐH đối với sự phát triển của các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá. Cụ thể:

Cuốn sách của tác giả Thomas O.Daveport (1999), *Human capital: What it is and why people invest it*, Jossey- Bass Publishing House, San Francisco [207] đã tập trung làm rõ các vấn đề: Nguồn lực con người là gì? Cuốn sách làm rõ khái niệm, vai trò, đặc điểm của NNL; những phương hướng phát triển NNL góp phần phát triển KT- XH của các quốc gia. Bên cạnh đó, công trình: “The Effect of Human resources development on Organizational Productivity” (Tác động của phát triển nguồn nhân lực lên năng suất của tổ chức) [205] của tác giả P.V.C Okoey và Raymond A.Ezejifor (2013) đã chỉ ra những yếu tố tác động đến phát triển nguồn nhân lực và những đề xuất nhằm phát triển nguồn nhân lực trong đó chú trọng đến công tác giáo dục, đào tạo, tuyển dụng lao động.

Bài viết của tác giả Anastasia A. Katou và tác giả Priyanka Rani, M. S. Khan với bài viết (2009) : “*Impact of Human Resource Development on*

Organisational Performance” (Tác động của phát triển NNL đến hiệu năng của tổ chức) [206], đã tập trung nghiên cứu tác động của NNL đến hiệu quả hoạt động của các tổ chức; những yếu tố tác động đến phát triển NNL và đến hiệu quả hoạt động của tổ chức.

Bài viết của tác giả Adeyemi O. Ogunade (2011): “*Human capital investment in the developing world: an analysis of praxis*”- “Đầu tư vào vốn nhân lực ở các nước đang phát triển: một phân tích của tập quán” [202], tập trung làm rõ vai trò của NNL và phát triển NNL đối với sự phát triển của các quốc gia; trong đó, trọng tâm là công tác giáo dục đào tạo có vai trò quan trọng đến phát triển NNL của các quốc gia.

Công trình nghiên cứu của tác giả Niveen M. Al-Sayyed (2014) với bài viết: “*Critical Factors affecting Human Resource Development in the Arab World*” (Các yếu tố quan trọng tác động đến phát triển NNL trong Thế giới Ả rập) [204] tập trung làm rõ khái niệm, những yếu tố tác động đến phát triển NNL, trong đó, tập trung vào những rào cản tác động đến phát triển NNL ở Ả Rập. Từ đó, đề xuất những giải pháp nhằm khắc phục những rào cản, nâng cao hiệu quả phát triển NNL ở Ả Rập.

Cuốn sách của tác giả Trương Bồi Cương (2019), “*Nông nghiệp và Công nghiệp hóa*”; (农业与工业化) [35]. Nội dung chính của cuốn sách tập trung vào vấn đề then chốt mà Trung Quốc sẽ phải đối mặt sau Chiến tranh Thế giới thứ hai - làm thế nào để thực hiện công nghiệp hóa, từ góc độ toàn cầu để thảo luận về những vấn đề mà các nước nông nghiệp hoặc đang phát triển sẽ gặp phải trong quá trình công nghiệp hóa, đặc biệt là mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa nông nghiệp và công nghiệp cùng các vấn đề điều chỉnh và tương tác. Tác giả đã nghiên cứu kinh nghiệm và bài học từ các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Nhật, Liên Xô trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa kể từ "Cách mạng Công nghiệp" thông qua nhiều tài liệu và số liệu thống kê; đồng thời dựa trên thực tế và đặc điểm của các nước nông nghiệp để phân tích,

nhấn mạnh ảnh hưởng quan trọng của công nghiệp hóa đối với “công nghiệp nông thôn”.

Trung tâm Nghiên cứu Hiện đại hóa Trung Quốc thuộc Viện Khoa học Trung Quốc (2020) với cuốn sách: *“Tiền tuyến mới của Công nghiệp Hiện đại hóa”*; (工业现代化的新前沿) [187]. Cùng với sự hoàn thành xã hội khá giả toàn diện và sự phát triển của công cuộc hiện đại hóa ở Trung Quốc, công nghiệp hiện đại hóa là một lĩnh vực phát triển quan trọng của hiện đại hóa Trung Quốc. Cuốn sách giới thiệu phân tích chiến lược công nghiệp hiện đại hóa, công nghiệp hóa và công nghiệp hiện đại hóa, mô hình và kinh nghiệm công nghiệp hiện đại hóa, cách mạng khoa học công nghệ và hiện đại hóa Trung Quốc, phản ánh sự phát triển tiên phong mới của công nghiệp hiện đại hóa Trung Quốc.

Trương Lập, Trình Nam, Thiều Lập Quốc (2023) với cuốn sách: *“Công nghiệp Hiện đại hóa - Con đường xây dựng cường quốc sản xuất trong thời đại mới”*; (工业现代化——新时代的制造强国之路) [98]. Cuốn sách đã tập trung làm rõ mục tiêu Trung Quốc đã đề xuất thực hiện công nghiệp hiện đại hóa từ năm 1954. Trong bối cảnh thời đại mới, cách hiểu về công nghiệp hiện đại hóa và làm thế nào để hiện đại hóa công nghiệp là điểm xuất phát của cuốn sách này. Sách nghiên cứu và trả lời ba vấn đề: một là nội hàm và đặc điểm của công nghiệp hiện đại hóa trong thời đại mới là gì; hai là vị trí và vai trò của công nghiệp hiện đại hóa trong tư tưởng trọng yếu về sự nghiệp phục hưng dân tộc vĩ đại theo con đường hiện đại hóa Trung Quốc; ba là nhiệm vụ và con đường của công nghiệp hiện đại hóa trong thời đại mới là gì.

Cuốn sách của tác giả Jeffrey Rissman (2024): *“Công nghiệp không carbon: chuyển đổi công nghệ và chính sách để đạt được thịnh vượng bền vững”* [69] đã phân tích vai trò của công nghiệp không carbon là một vấn đề

trọng tâm góp phần làm giảm lượng phát thải khí nhà kính và biến đổi khí hậu. Do đó, việc chuyển đổi sang quy trình sản xuất không carbon không chỉ giúp giảm lượng phát thải khí nhà kính, mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững và kinh tế sạch, tạo ra những công nghệ mới như năng lượng tái tạo và sản phẩm tiết kiệm năng lượng... Đồng thời, tập trung phân tích rõ về lượng khí thải từ công nghiệp toàn cầu và các công nghệ có thể chuyển đổi để đạt được mục tiêu giảm lượng khí thải công nghiệp xuống bằng 0 cũng như các chính sách bảo đảm những công nghệ đó được nghiên cứu, thương mại hóa và triển khai trên quy mô lớn.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Bên cạnh những công trình nghiên cứu quốc tế, vấn đề CNH, HĐH cũng được các nhà nghiên cứu trong nước quan tâm nghiên cứu những nội dung, khía cạnh và lĩnh vực khác nhau nhằm làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của quá trình đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH đất nước; góp phần phát triển kinh tế-xã hội đất nước bền vững. Liên quan đến đề tài luận án nghiên cứu phải kể đến các công trình nghiên cứu cụ thể như sau:

-Các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá:

Cuốn sách của tác giả Phạm Minh Hạc (1996): “*Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*”[74] đã tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn của con người trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Con người đóng vai trò quan trọng trong quá trình cải tạo hoạt động thực tiễn, có thể cải tạo hoàn cảnh, biến đổi hoàn cảnh phục vụ nhu cầu tồn tại và phát triển của mình. Qua đó, nghiên cứu sinh có thể tham khảo và tiếp cận phân tích nguồn nhân lực xuất phát từ con người, vị trí và vai trò của con người đối với hoạt động thực tiễn để làm rõ cơ sở lý luận của phát triển NNL.

Các tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Thế Nghĩa, Đặng Hữu Toàn (2002) với cuốn sách: *“Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam lý luận và thực tiễn”*[28] tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận về CNH, HĐH, vai trò của CNH, HĐH; những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta về tất yếu phải phát triển CNH, HĐH ở Việt Nam. Đồng thời, đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH ở nước ta. Qua nghiên cứu này, tác giả luận án có thể tham khảo một số nội dung để phục vụ quá trình nghiên cứu luận án: những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta nhằm đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH đất nước.

Tác giả Lê Cao Đoàn (2008) với cuốn sách: *“Công nghiệp hoá, hiện đại hoá rút ngắn những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới”*[64] đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong nước và quốc tế về CNH, HĐH; quy luật phát triển mới trong điều kiện thời đại ngày nay. Trong đó, tập trung phân tích một số kinh nghiệm thực hiện quá trình CNH, HĐH của các quốc gia trên thế giới. Qua công trình này, tác giả luận án có thể tham khảo tiếp cận vấn đề lý luận về phát triển NNL một cách có hệ thống, lô gic; từ đó làm cơ sở làm rõ vấn đề phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.

Cuốn sách của các tác giả Trần Thị Vân Hoa, Đỗ Thị Đông (2024): *“Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo”*[87] tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn CNH, HĐH trong bối cảnh đẩy mạnh khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; phân tích thực trạng, của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH ở Việt Nam trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo từ năm 1990 đến năm 2023. Đồng thời, đề xuất các quan điểm, giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thời gian tới. Cuốn sách là tài liệu để tác giả luận án có thể tham khảo, kế thừa những nội dung về CNH, HĐH trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới

sáng tạo để thấy được vai trò của ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quá trình phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.

Tác giả Lã Trọng Đại (2022) với bài viết: *“Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá: phương thức quan trọng xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường”*[43] đã làm rõ vai trò của đẩy mạnh CNH, HĐH được coi là phương thức quan trọng để Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường, phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Tác giả đã làm rõ vai trò của CNH, HĐH đối với sự phát triển kinh tế của đất nước và là điều kiện cơ bản để phát triển kinh tế đất nước bền vững; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ có ý nghĩa chiến lược đối với Việt Nam; tạo ra sự thay đổi toàn diện trong nền sản xuất xã hội theo hướng hiện đại.

Bài viết của tác giả Phạm Thị Kim Anh (2023): *“Giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo Nghị quyết số 29- NQ/TW”*[3] đã khái quát một số kết quả đạt được và những hạn chế trong quá trình thực hiện CNH, HĐH đất nước thời gian qua. Từ đó, đề xuất một số giải pháp để thực hiện thắng lợi mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 29- NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tiếp tục khẳng định: *“Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, lấy con người là trung tâm, doanh nghiệp là chủ thể, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động”*[5]. Qua bài viết, nghiên cứu sinh có thể tham khảo một số giải pháp đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH gắn với mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết số 29- NQ/TW đề ra để phục vụ nghiên cứu, đề xuất những giải pháp phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới sao cho thống nhất với những mục tiêu, chiến lược mà Đảng ta đề ra trong tình hình mới.

Bài viết: *“Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”*[144] của tác giả Bùi Ngọc Quỳnh, Phạm Quốc Quân (2023) đã tập trung phân tích kết quả của quá trình thực hiện CNH, HĐH ở nước ta và những tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Đồng thời, tác giả bài viết cũng đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cụ thể: *Một là*, xây dựng, đổi mới và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thúc đẩy CNH, HĐH đất nước nhanh, bền vững; *Hai là*, xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, tự lực, tự cường; *Ba là*, đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; *Bốn là*, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong tình hình mới; *Năm là*, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa nhanh và bền vững gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Qua bài viết, nghiên cứu sinh có thể nghiên cứu làm rõ những yếu tố tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tham khảo một số giải pháp nhằm đẩy mạnh CNH, HĐH trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở nước ta nói chung và đối với tỉnh Tây Ninh nói riêng.

Tác giả Đặng Thị Tố Tâm (2023) với bài viết: *“Những vấn đề đặt ra với công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam”*[156] đã làm rõ quan niệm về CNH, HĐH; vai trò của CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức và kinh tế số ở Việt Nam là con đường tối ưu nhất để đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH ở Việt Nam. Trên cơ sở phân tích thực trạng thực hiện CNH, HĐH với những thuận lợi và khó khăn nhất định; tác giả đã chỉ ra những vấn đề đặt ra đối quá trình CNH, HĐH ở Việt Nam hiện nay và đề xuất một số giải pháp cơ bản đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH ở Việt Nam hiện nay. Bài viết là tài liệu để tác giả luận án hiểu thêm về thực trạng CNH, HĐH; đặc biệt là những vấn đề đặt ra

đối với quá trình CNH, HĐH ở nước ta từ đó có cái nhìn bao quát, đầy đủ hơn về những vấn đề thực tiễn đối với quá trình CNH, HĐH ở nước ta hiện nay để phục vụ cho nghiên cứu luận án.

Bài viết: *“Điều kiện để hiện thực hoá mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta”* [83] của tác giả Vũ Lệ Hằng, Phùng Thế Đông (2024) đã khái quát những nội dung cơ bản của quá trình CNH, HĐH ở nước ta. Trên cơ sở đó, chỉ ra những điều kiện thực hiện CNH, HĐH đến năm 2030. Do đó, tác giả luận án có thể tham khảo bài viết để luận giải, nắm bắt những điều kiện thực hiện quá trình CNH, HĐH ở nước ta để phục vụ cho hướng nghiên cứu luận án. Tuy nhiên, bài viết cần làm rõ thực trạng CNH, HĐH ở nước ta trong giai đoạn hiện nay để thấy rõ hơn những thành tựu và hạn chế của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH trên cơ sở đó chỉ ra những điều kiện để hiện thực hoá mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta sẽ bảo đảm tính logic.

Tác giả Nguyễn Hồng Sơn (2024) với bài viết: *“Một số nội dung chủ yếu trong đường lối, chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá liên quan đến chuyển đổi công nghiệp”* [153] đã làm rõ những chủ trương, đường lối của Đảng ta về CNH, HĐH nói chung và liên quan đến chuyển đổi công nghiệp nói riêng. Bài viết tập trung vào một số điểm cơ bản về chủ trương, đường lối của Đảng ta đề ra đối với quá trình CNH, HĐH liên quan đến chuyển đổi công nghiệp. Qua bài viết, tác giả luận án có thể thấy rõ hơn được những chủ trương, đường lối của Đảng về CNH, HĐH trong lĩnh vực công nghiệp. Đây có thể làm cơ sở để tác giả luận án nghiên cứu những chủ trương, đường lối của Đảng về CNH, HĐH trong lĩnh vực nông nghiệp để phục vụ luận án.

Như vậy, các công trình nghiên cứu những vấn đề cơ bản về CNH, HĐH đất nước ở những khía cạnh khác nhau tạo nên tính thống nhất trong nghiên cứu về vấn đề CNH, HĐH đất nước. Qua đó, làm rõ hơn các nội dung về CNH, HĐH đất nước; làm cơ sở để tác giả luận án xác định hướng nghiên cứu, triển khai về vấn đề CNH, HĐH trong luận án.

- Các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong nông nghiệp là một lĩnh vực cũng cần được quan tâm đầu tư góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững đem lại hiệu quả cao. Có rất nhiều công trình nghiên cứu, bài viết đề cập đến vấn đề CNH, HĐH nông nghiệp cụ thể như:

Cuốn sách của tác giả Đặng Kim Sơn (2008): *“Nông thôn, nông dân, nông nghiệp Việt Nam- Hôm nay và mai sau”* [152] đã tổng kết quá trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Việt Nam; phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa ba yếu tố nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Việt Nam với những nét đặc thù tác động đến sự phát triển KT- XH của đất nước. Bên cạnh đó, cuốn sách *“Một số vấn đề cấp thiết trong phát triển xã hội và quản lý xã hội ở nông thôn nước ta hiện nay”* của tác giả Nguyễn Chí Dũng [2010] cũng làm rõ những vấn đề lý luận về vai trò, những yếu tố tác động đến phát triển xã hội và quản lý xã hội ở nông thôn Việt Nam. Đồng thời, còn có những bài viết đề cập đến vai trò của phát triển nông thôn như: bài viết *“Về phát triển nông thôn và vai trò của văn hóa trong phát triển nông thôn ở nước ta”* [188] của tác giả Trương Xuân Trường; tác giả Nguyễn Văn Quyết với bài *“Xây dựng nông thôn mới- Một số vấn đề đặt ra hiện nay”* [145]; tác giả Nguyễn Thị Ánh với bài viết *“Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững ở nước ta”* [2]. Các bài viết đều làm rõ những vấn đề cơ bản khẳng định vai trò của phát triển nông thôn, xây dựng NTM đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của đất nước nói chung. Đồng thời, cũng chỉ ra những hạn chế, yếu kém đang tồn tại và đề xuất những giải pháp nhằm phát triển, thay đổi bộ mặt xã hội nông thôn. Qua bài viết tác giả cũng hiểu rõ hơn về vấn đề phát triển nông thôn, vai trò và sự cần thiết của xây dựng nông thôn mới đối với phát triển kinh tế- xã hội ở nước ta và những thách thức đang tồn tại để có thể đi sâu tìm

hiểu những điều kiện cụ thể vấn đề đặt ra của nông nghiệp, nông thôn nước ta nói chung và ở tỉnh Tây Ninh nói riêng.

Cuốn sách của tác giả Phạm Ngọc Dũng (2014): *“Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay”* [42] đã tập trung làm rõ vai trò quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đối với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đồng thời, phân tích, đánh giá thực trạng của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông thôn. Qua đó, làm cơ sở đề xuất những giải pháp phù hợp với điều kiện, thực tiễn quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông thôn ở nước ta để hướng tới thực hiện mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp phát triển hiện đại, bền vững; góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng và phát triển KT- XH đất nước.

Cuốn sách: *“Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long”* của các tác giả Vũ Văn Phúc, Phạm Việt Dũng, Phùng Ngọc Bảo (2015)[133] đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; những yếu tố tác động đến quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời, các tác giả tập trung đi vào phân tích thực trạng trên cơ sở chỉ ra những thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra của quá trình thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Từ đó, đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tác giả Hoàng Ngọc Hoà (2018) với cuốn sách: *“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá ở nước ta”* [88] đã chỉ ra tầm quan trọng của đẩy mạnh CNH, HĐH nói chung và đối với vấn đề phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nói riêng; CNH, HĐH là điều kiện cơ bản để thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Qua đó, tác giả luận án có thể tham khảo luận giải vai trò của

phát triển nông nghiệp trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước nói chung và đối với tỉnh Tây Ninh nói riêng; đồng thời, có cơ sở để đề xuất những quan điểm, giải pháp phát triển nông nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Cuốn sách: *“Cẩm nang xây dựng nông thôn mới chính sách phát triển ngành nghề, nông nghiệp, nông thôn”*[136] của Nguyễn Phương (2018) (hệ thống); Các cuốn sách đều trình bày những nội dung về cơ chế, chương trình hành động của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; các quy chế, quy định về cơ chế quản lý, giám sát xây dựng NTM; bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM. Qua đây, tác giả luận án có thể tham khảo những nội dung về phát triển nông nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước nói chung và đối với tỉnh Tây Ninh nói riêng. Bên cạnh đó, tác giả Đỗ Xuân Tuất với bài viết: *“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam chuyển mình trong đổi mới và phát triển”*[180], đã nhấn mạnh vai trò của phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong tiến trình phát triển đất nước. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu mà nước ta đã đạt được trong quá trình thực hiện Nghị quyết TW 7 khóa X về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; bài viết đã phân tích những kết quả, hạn chế và nguyên nhân của kết quả, hạn chế từ đó làm cơ sở để đề ra những giải pháp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn mới.

Bài viết: *“Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và những vấn đề đặt ra hiện nay”* [68] của tác giả Nguyễn Văn Giàu (2015) tập trung khái quát quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn thời gian qua. Trên cơ sở phân tích thực trạng, chỉ rõ những khó khăn, hạn chế của quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhanh hơn, bền vững hơn. Trong đó, tập trung vào các giải pháp cụ thể: tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp;

nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch sản xuất; về hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường; về ứng dụng khoa học công nghệ; về phát triển các mô hình liên kết; về phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; về chính sách hỗ trợ tài chính; về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Qua bài viết, tác giả luận án có thể tham khảo trong việc đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm phát triển NNL trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp.

Tác giả Việt Tùng (2016) với bài viết: *“Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam”* [186] đã nêu bật vai trò của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; những nội dung cơ bản của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở nước ta. Bài viết tập trung làm rõ một số vấn đề đặt ra đối với quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở nước ta. Đồng thời, nhấn mạnh đến những yêu cầu trong quá trình thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn: yêu cầu tăng năng suất, hiệu quả của các ngành kinh tế và lao động nông thôn; yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng trưởng, hiện đại, bền vững; yêu cầu phát triển nông nghiệp nông thôn gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ nông nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu đẩy mạnh CNH, HĐH nông thôn. Qua bài viết, tác giả luận án có thể tham khảo để triển khai những nội dung về phát triển NNL nông nghiệp gắn với những mục tiêu, yêu cầu phát triển kinh tế nông thôn hướng đến xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, bền vững.

Tác giả Phan Ngọc Quỳnh (2019) với bài viết: *“Một số kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá”* [143] đã tập trung phân tích một số chính sách trong phát triển nông nghiệp bền vững của các quốc gia trên thế giới: Thái Lan, Nhật Bản. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số khuyến nghị để phát triển kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Qua bài viết tác giả có thêm tài liệu tham khảo kinh nghiệm một số nước trên thế giới trong phát

triển nông nghiệp và vận dụng trong phát triển nông nghiệp ở Việt Nam trong đó có yếu tố NNL trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH.

Có thể nói, các bài viết của các tác giả tập trung đi vào nghiên cứu, tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trên cơ sở làm rõ vai trò, những yếu tố tác động đến phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; các bài viết tập trung đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn với những thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra. Qua đó, làm cơ sở đề xuất những giải pháp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn góp phần đáp ứng đòi hỏi thực tiễn; và thực hiện mục tiêu phát triển KT- XH đất nước trong tình hình mới.

1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp

1.2.1. Các công trình nghiên cứu quốc tế về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Cuốn sách của tác giả Thẩm Vinh Hoa - Ngô Quốc Diệu do Nguyễn Như Diệm (2008) dịch: *"Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài kể lớn trăm năm chấn hưng đất nước"*[86] tập trung làm rõ tư tưởng của Đặng Tiểu Bình về tầm quan trọng của tôn trọng trí thức, nhân tài có ý nghĩa quan trọng đối với vấn đề xây dựng và phát triển đất nước. Trong đó, nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, những chính sách đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, thu hút cán bộ và chính sách trọng dụng nhân tài ở Trung Quốc. Qua đó, tác giả có thể tham khảo đối những chính sách đối với việc đào tạo, xây dựng, thu hút, tuyển dụng nhằm phát triển đội ngũ NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.

Trần Gia Quý, Hoàng Quân Tuệ (2009), *"Nghiên cứu Vấn đề Công nghiệp hóa và Công nghiệp Hiện đại hóa Trung Quốc"*; (中国工业化与工业现代化问题研究) [142]. Cuốn sách giới thiệu các vấn đề về phát triển công nghiệp, công nghiệp hóa và công nghiệp hiện đại hóa của Trung Quốc. Cho

rằng sau 30 năm cải cách mở cửa, Trung Quốc đã tạo ra kỳ tích phát triển kinh tế. Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Trung Quốc là nhờ sự phát triển của công nghiệp và quá trình công nghiệp hóa được đẩy mạnh, Trung Quốc đã hoàn thành chuyển đổi từ một nước nông nghiệp lớn thành một nước công nghiệp lớn, trở thành cường quốc về sản xuất công nghiệp và ngoại thương công nghiệp.

William J.Rothwell, Robert K.Prescott và Maria W.Taylor do Vũ Thanh Vân (2010) dịch Cuốn “*Chuyển hoá nguồn nhân lực: Thể hiện tầm lãnh đạo chiến lược nhằm thích ứng với các xu hướng tương lai*”[209], tập trung làm rõ vấn đề về nguồn nhân lực và những vấn đề nhằm thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực gắn với mục tiêu chiến lược phát triển của các tổ chức, doanh nghiệp.

Lưu Tiểu Bình (2011) (Trung Quốc) với cuốn sách: “*Lý luận và phương pháp đánh giá nguồn nhân lực hiện nay*”, [12] tập trung phân tích vai trò của nguồn nhân lực. Do đó, cần phải khơi dậy và phát triển nguồn nhân lực nhằm phát triển kinh tế- xã hội của các nước. Để đạt được mục tiêu phát huy vai trò nguồn nhân lực đóng góp vào sự phát triển của mỗi quốc gia thì cần phải có lý luận và phương pháp đánh giá chất lượng NNL. Tác giả cũng chỉ rõ, để xây dựng lý luận và phương pháp đánh giá NNL cần phải căn cứ đúng vào thực trạng NNL để đưa ra những quan điểm, giải pháp phát triển NNL phù hợp.

Bài viết của tác giả Nhiệm Trọng Bình (2004) (Trung Quốc): “*Sự thăng hoa của thực tiễn xây dựng toàn diện xã hội khá giả - bàn về quan điểm phát triển, quan điểm thành tích, quan điểm nhân tài, quan điểm quần chúng*” [11] đã làm rõ tầm quan trọng của việc trọng dụng nhân tài và những tiến bộ trong thực hiện công tác trọng dụng nhân tài nhằm phát triển nguồn nhân lực của Trung Quốc trong thời kỳ cải cách, mở cửa. Bài viết cũng tập trung phê phán bệnh thành tích và những biểu hiện sai lệch trong công tác trọng dụng nhân tài.

Bài viết của tác giả Xiao Z. (2008), “*Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Chính phủ Trung Quốc*”, Nguyễn Diệu Tú dịch, Hội thảo Cải cách hành chính dành cho các nước châu Á, Bộ Thương mại Trung Quốc từ ngày

03/4-22/4/2008, Trung Quốc[208] đã tập trung làm rõ những nội dung cơ bản NNL; trong đó, làm nổi bật lên thực trạng, chiến lược phát triển NNL của Chính phủ Trung Quốc. Với nghiên cứu này, tác giả luận án có thể tham khảo những giải pháp chiến lược để đề xuất giải pháp phát triển NNL trong điều kiện cụ thể của đất nước nói chung và đối với tỉnh Tây Ninh nói riêng.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu trong nước về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực (NNL) là vấn đề quan trọng là điều kiện cần thiết đối với sự phát triển bền vững của các quốc gia nói chung và đối với Việt Nam nói riêng. Phát triển nguồn nhân lực tạo ra nguồn lực cho góp phần phát triển đất nước nhanh và bền vững, đáp ứng đòi hỏi thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước đặt ra. Mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn phát triển của xã hội đều đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ mới đối với phát triển NNL của mỗi quốc gia. Vì thế, vấn đề nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực luôn trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà khoa học; có vai trò quyết định đến sự phát triển của mỗi quốc gia. Trong đó, có các công trình nghiên cứu cụ thể như:

Cuốn sách: “*Phát triển nguồn nhân lực kinh nghiệm thế giới và thực tiễn ở nước ta*”[185] của tác giả Trần Văn Tùng, Lê Ái Lâm (1996) tập trung làm rõ vấn đề phát triển NNL ở nước ta và kinh nghiệm của các nước trên thế giới. Từ đó, làm cơ sở để đề xuất những mục tiêu, giải pháp nhằm phát triển NNL đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Qua cuốn sách có thể cung cấp nguồn tài liệu tham khảo cho nghiên cứu sinh để làm rõ vai trò của phát triển NNL; từ đó có thể vận dụng để đề xuất những giải pháp phát triển NNL của tỉnh Tây Ninh trên cơ sở căn cứ vào tình hình thực tiễn của tỉnh.

Công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hữu Dũng với cuốn sách (2003): *“Sử dụng hiệu quả nguồn lực con người ở Việt Nam”*[40] đã phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển, sử dụng, phân bổ nguồn lực con người ở Việt Nam. Cùng nội dung nghiên cứu đó còn có cuốn sách của tác giả Đoàn Văn Khải: *“Nguồn lực con người trong quá trình CNH, HĐH ở Việt Nam”*[92] cũng tập trung nghiên cứu vấn đề lý luận về phát triển nguồn lực con người trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH ở Việt Nam. Qua các nghiên cứu, tác giả luận án có thể kế thừa về mặt lý luận về phát triển con người trong quá trình CNH, HĐH để phục vụ cho nghiên cứu luận án.

Cuốn sách của tác giả Phạm Công Nhất (2007): *“Phát huy nhân tố con người trong phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay”* [122] đã làm rõ vai trò, tầm quan trọng của phát huy nhân tố con người – yếu tố hàng đầu của lực lượng sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước. Qua đó, đặt ra yêu cầu cơ bản đối với phát triển nguồn nhân lực nhằm mục tiêu phát triển LLSX đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Cuốn sách của tác giả Nguyễn Ngọc Phú (2010): *“Nguồn nhân lực và nhân tài cho phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam trong tiến trình đổi mới- những vấn đề lý luận”*[130], tập trung nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung về NNL tiếp cận từ những khái niệm, đặc điểm, vai trò của phát triển NNL; từ đó, đề xuất những giải pháp phát triển NNL đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong nước. Qua đó, tác giả luận án có thể tham khảo và có những cách tiếp cận để đưa ra hệ thống khái niệm, cơ sở lý luận phục vụ cho việc nghiên cứu, hoàn thiện luận án.

Cuốn sách của tác giả Nguyễn Văn Khánh (2010): *“Xây dựng và phát huy nguồn nhân lực trí tuệ Việt Nam”*[95] đã tập trung làm rõ một số vấn đề cơ bản về xây dựng và phát huy NNL trí tuệ Việt Nam trên cơ sở đưa ra một loạt khái niệm cơ bản: trí tuệ, NNL trí tuệ; mục tiêu của xây dựng và phát huy

NNL trí tuệ; từ đó, đề xuất những giải pháp phát huy NNL trí tuệ Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Cuốn sách: *“Khai thác và phát triển tài nguyên nhân lực Việt Nam”*[134] của các tác giả Nguyễn Văn Phúc, Mai Thị Thu (2012) đã phân tích tầm quan trọng của phát triển NNL đối với sự phát triển của đất nước; làm rõ những yếu tố tác động đến phát triển NNL; đồng thời, phân tích thực trạng của khai thác và phát triển NNL ở Việt Nam. Theo đó, bên cạnh những kết quả đạt được, chất lượng NNL của Việt Nam còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước đặt ra; việc sử dụng và khai thác còn nhiều hạn chế, chưa phát huy được hiệu quả phát triển NNL. Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng NNL ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Tác giả Lưu Song Hà với cuốn sách (2015): *“Nguồn nhân lực nữ thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”*[71] đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn; những yếu tố tác động đến phát triển NNL nữ; đánh giá thực trạng phát triển NNL nữ trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Từ đó, đề xuất giải pháp phát triển NNL trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế.

Bài viết: *“Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao qua thực tiễn công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở một số nước”*[107] của tác giả Vũ Thị Phương Mai (2004) đã làm rõ vấn đề phát triển NNL chất lượng cao trong thời kỳ CNH, HĐH qua thực tiễn phát triển của một số nước: Mỹ, Nhật...; từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm về phát triển NNL. Liên quan đến thực tiễn phát triển NNL của một số quốc gia trên thế giới còn có các công trình: *“Kinh nghiệm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của một số nước trên thế giới”*[135] của tác giả Lê Văn Phúc; Cuốn sách: *“Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực tài năng- kinh nghiệm của thế giới”* [184] của tác giả Trần Văn Tùng. Các công trình đều đề cập đến vấn đề phát triển NNL, trong

đó, tập trung vào vấn đề đào tạo, sử dụng, và đãi ngộ NNL nhằm nâng cao chất lượng NNL. Qua các công trình, nghiên cứu sinh có thể tham khảo để triển khai những vấn đề nhằm nâng cao chất lượng NNL của tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới.

Bài viết: *“Đổi mới chính sách để thu hút nguồn nhân lực trẻ”* [168] của tác giả Nguyễn Thanh Thịnh (2014) đã làm rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết của vấn đề phát triển NNL trẻ đối với sự phát triển của mỗi quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong đó, bài viết tập trung nhấn mạnh đến đổi mới cơ chế, chính sách nhằm thu hút NNL trẻ liên quan đến cơ chế, chính sách về sử dụng, đãi ngộ, thu hút NNL. Qua bài viết, tác giả luận án có thể tham khảo trong việc đề xuất những giải pháp nhằm phát triển NNL trong điều kiện mới.

Bài viết: *“Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam trong điều kiện cách mạng 4.0 hiện nay”* [89] của tác giả Nguyễn Hữu Hồi (2024) tập trung làm rõ tầm quan trọng và tính tất yếu của phát triển NNL chất lượng cao ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Bài viết cũng chỉ ra những tác động của cách mạng 4.0 đến phát triển NNL và yêu cầu cần phải phát triển đội ngũ NNL chất lượng cao. Từ đó, đề xuất những giải pháp phát triển NNL chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu cách mạng 4.0 đặt ra đối với sự phát triển KT- XH đất nước. Qua bài viết, nghiên cứu sinh có thể tham khảo và có cái nhìn toàn diện về những tác động của cuộc cách mạng 4.0 đến yêu cầu phát triển NNL chất lượng cao nói chung và tác động đến phát triển NNL tỉnh Tây Ninh nói riêng.

Đề tài khoa học cấp Nhà nước: *“Những vấn đề cơ bản về phát triển nguồn nhân lực Việt Nam”* [105] của tác giả Nguyễn Lộc (2010) làm rõ những vấn đề cơ bản của phát triển NNL: cơ sở lý luận và thực tiễn, vai trò, những yếu tố tác động đến phát triển NNL; những vấn đề đặt ra và cơ sở đề xuất những giải pháp phát triển NNL. Qua đó, nghiên cứu sinh có thể tham khảo

tiếp cận một cách hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển NNL một cách cơ bản để làm cơ sở triển khai những nội dung trong luận án.

Luận án của tác giả Nguyễn Ngọc Tú (2013): *“Nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế”*[179] đã nghiên cứu một cách hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề NNL chất lượng cao của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế; luận án phân tích thực trạng phát triển NNL chất lượng cao ở Việt Nam; từ đó, đề xuất những giải pháp phát triển NNL chất lượng cao của Việt Nam trong thời gian tới. Qua đây, nghiên cứu sinh có thể tham khảo hướng tiếp cận và triển khai các vấn đề cơ bản của phát triển NNL để triển khai nội dung luận án.

Các công trình nghiên cứu có liên quan đến phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Nghiên cứu về vấn đề phát triển NNL luôn được xem là vấn đề trọng tâm đặc biệt là trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Trong đó, phải kể đến các công trình tiêu biểu như: Cuốn sách của tác giả Phạm Minh Hạc (1996): *“Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”*[74] đã triển khai nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề phát triển con người trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Trong đó, con người đóng vai trò quan trọng, là mục tiêu, động lực của sự phát triển đất nước. Qua đây, nghiên cứu sinh có thể tham khảo để triển khai tiếp cận vấn đề phát triển NNL từ vấn đề nguồn lực con người, coi con người là trung tâm, là mục đích, động lực của sự phát triển. Bên cạnh đó, cuốn sách: *“Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá”*[76]; cuốn sách *“Phát triển văn hoá, con người và nguồn nhân lực thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”*[78] của tác giả cũng tập trung làm rõ vấn đề lý luận về con người, phát triển con người, nguồn lực con người. Các nghiên cứu đều tiếp cận nghiên cứu từ cơ sở lý luận và thực tiễn của phát triển con người; thực trạng phát triển con người trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH; từ đó, làm cơ sở để

xuất những giải pháp phát triển con người, NNL trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Như vậy, qua các công trình nghiên cứu, có thể thấy tác giả có nhiều cách tiếp cận, những khía cạnh khác nhau về NNL nhưng đều chỉ rõ vai trò, tầm quan trọng của phát triển NNL đối với sự phát triển của đất nước. Đó là cơ sở để tác giả luận án có thể tham khảo các công trình nghiên cứu của tác giả để làm rõ vấn đề phát triển NNL nông nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH ở nước ta nói chung và ở tỉnh Tây Ninh nói riêng.

Đề cập đến nội dung nguồn lực con người và phát huy nguồn lực con người còn có các công trình của các tác giả như: Cuốn sách của tác giả Đoàn Văn Khải (2005) : *“Nguồn lực con người trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam”* [92]; Cuốn sách: *“Phát huy nguồn lực con người để công nghiệp hoá, hiện đại hoá: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam”* [167] của tác giả Vũ Bá Thê (2005). Các công trình đều tập trung nghiên cứu về vấn đề nguồn lực con người và phát huy nguồn lực con người dưới góc độ tiếp cận từ cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu sự nghiệp CNH, HĐH đất nước; những yếu tố tác động đến phát huy nguồn lực con người; phân tích những kinh nghiệm quốc tế về phát huy nguồn lực con người từ đó làm cơ sở đề xuất những giải pháp phát huy nguồn lực con người sao cho phù hợp với thực tiễn đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước ở Việt Nam. Qua các công trình nghiên cứu này, nghiên cứu sinh có thể tham khảo những vấn đề cơ sở lý luận và những kinh nghiệm phát huy nguồn lực con người của các nước trên thế giới nhằm đề xuất những giải pháp có tính khả thi phù hợp với điều kiện, thực tiễn phát triển KT- XH của tỉnh Tây Ninh nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

Nghiên cứu về vấn đề phát triển NNL đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước có các công trình của các tác giả như: Cuốn sách của tác giả Nguyễn Thanh (2005): *“Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”* [161]; Cuốn sách: *“Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế”* [132] của

các tác giả Vũ Văn Phúc và Nguyễn Duy Hùng (2012) đều tiếp cận nghiên cứu từ những vấn đề cơ bản của phát triển NNL trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước: cơ sở lý luận, thực trạng và giải pháp phát triển NNL đáp ứng yêu cầu sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Qua các công trình này, nghiên cứu sinh có thêm những tài liệu tham khảo và tiếp cận nghiên cứu về phát triển NNL một cách hệ thống.

Cuốn sách của tác giả Nguyễn Tấn Vinh (2015): *“Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam”* [198] đã khẳng định tính cấp thiết của phát triển NNL chất lượng cao là điều kiện cơ bản nhằm chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế nói chung và đối với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng. Từ cơ sở lý luận của phát triển NNL chất lượng cao, cuốn sách tập trung nhấn mạnh đến các điều kiện để nâng cao chất lượng NNL chất lượng cao: Giáo dục, đào tạo; thu hút, trọng dụng và đãi ngộ NNL chất lượng cao. Qua khảo sát thực trạng phát triển NNL chất lượng cao tác giả cũng đề ra những giải pháp để phát triển NNL chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của Vùng.

Tác giả Nguyễn Thị Giáng Hương (2016) với cuốn sách: *“Phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá”* [91] tập trung nghiên cứu vấn đề phát triển NNL nữ chất lượng cao trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Theo đó, tác giả tiếp cận và nghiên cứu một cách hệ thống từ cơ sở lý luận; phân tích thực trạng và đề xuất những giải pháp nhằm phát triển NNL nữ chất lượng cao; giải quyết được những vấn đề đặt ra trong phát triển NNL nữ chất lượng cao đáp ứng yêu cầu sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Liên quan đến các bài viết về phát triển NNL, các tác giả cũng nghiên cứu vấn đề phát triển NNL đặt trong nhiều bối cảnh khác nhau. Trong đó phải kể đến các bài viết của các tác giả như: Bài viết của tác giả Tuấn Minh (2007): *“Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại*

hoá đất nước”[115]; Bài viết: *“Phát triển, nâng cao nguồn nhân lực trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”*[81] của tác giả Phạm Thị Hạnh (2020); các bài viết đều tập trung làm rõ vai trò của phát triển NNL đối với sự phát triển của đất nước, đất nước muốn phát triển nhanh và bền vững cần phải có đội ngũ NNL có chất lượng, trình độ chuyên môn, phẩm chất tốt. Các bài viết đều tập trung phân tích cơ sở lý luận, thực trạng và đề xuất những giải pháp nhằm phát triển đội ngũ NNL chất lượng cao đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước.

Bài viết của tác giả Nguyễn Thái Hà (2022): *“Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghệ 4.0”*[72] đã chỉ rõ tầm quan trọng của phát triển NNL trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghệ 4.0; trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển NNL của Việt Nam, tác giả đề xuất 5 giải pháp trọng tâm nâng cao chất lượng NNL Việt Nam: đẩy mạnh phát triển NNL thông qua nâng cao chất lượng giáo dục- đào tạo; đẩy mạnh đào tạo nhân lực trẻ có kỹ năng nghề cao, đáp ứng yêu cầu nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa; dự báo nhu cầu nhân lực cho các địa phương và các lĩnh vực ngành nghề; cơ cấu, phân bố lại nhân lực từng vùng, từng khu vực, địa phương; tăng cường công tác phối hợp, liên kết với các trường, viện, học viện, cơ sở đào tạo của trung ương, các trường ở địa phương. Qua đó, nghiên cứu sinh có thể tham khảo những giải pháp cơ bản, phù hợp với yêu cầu, thực tiễn đặt ra để đề xuất những giải pháp phát triển NNL ở Tây Ninh trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, còn có các bài viết của các tác giả như: bài viết: *“Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá”* [25] của tác giả Lê Thị Chiên, Thành Thu Trang (2023); tác giả Nguyễn Văn Nghi với bài viết: *“Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước”*[121], đã đánh giá thực trạng phát triển NNL chất lượng cao ở Việt Nam; những vấn đề đặt ra và xu

hướng phát triển của xã hội; từ đó, đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả phát triển NNL đáp ứng đòi hỏi thực tiễn. Qua các bài viết của các tác giả, nghiên cứu sinh có thể tham khảo để có hướng tiếp cận tổng thể, sâu hơn về vấn đề phát triển NNL trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; từ đó, có thể thuận lợi cho việc triển khai nghiên cứu vấn đề phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.

Các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tác động mạnh mẽ và sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó, nông nghiệp được xem là lĩnh vực cơ bản đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng. Ở Việt Nam xuất phát từ nền sản xuất nông nghiệp và nông nghiệp đã và đang đóng một vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. Tuy nhiên, thực tế cũng đòi hỏi sản phẩm nông nghiệp phải đáp ứng được nhu cầu của thị trường, phải đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn. Do đó, cần phải có NNL chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Vì vậy, liên quan đến vấn đề phát triển NNL trong nông nghiệp có rất nhiều công trình nghiên cứu, trong đó phải kể đến những công trình như:

Bài viết của tác giả Đào Quang Vinh (2006): *“Phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn”* [197] đã tiếp cận làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển NNL phục vụ cho CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển NNL, tác giả đề xuất những giải pháp nhằm phát triển NNL cho CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Tác giả Chu Thị Thảo (2014) với bài viết: *“Giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho ngành nông nghiệp Việt Nam”* [166] đã phân tích những vấn đề nổi bật của ngành nông nghiệp Việt Nam; thực trạng của ngành nông nghiệp Việt Nam qua việc phân tích những thành tựu, hạn chế; từ đó, tác giả đề ra

những giải pháp phát triển NNL cho ngành nông nghiệp Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Qua bài viết, tác giả luận án có thể tham khảo và có cái nhìn tổng thể về thực trạng phát triển NNL trong lĩnh vực nông nghiệp. Qua đó, phục vụ cho quá trình hoàn thiện nghiên cứu luận án.

Tác giả Cấn Anh Vũ (2022) với bài viết: *“Phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp chất lượng cao”* [201] đã làm rõ vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn đối với sự phát triển kinh tế- xã hội. Dưới tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã đặt ra cho ngành nông nghiệp Việt Nam những thời cơ và thách thức to lớn. Vì vậy, để xây dựng một nền nông nghiệp Việt Nam phát triển hiện đại, bền vững cần xây dựng và phát triển đội ngũ NNL có chất lượng trong lĩnh vực nông nghiệp đáp ứng được những đòi hỏi thực tiễn đặt ra. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp phát triển NNL nông nghiệp đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Qua bài viết, nghiên cứu sinh có thể tham khảo thêm nội dung và những giải pháp phát triển NNL nông nghiệp phục vụ cho nghiên cứu luận án.

Bài viết: *“Phát triển nguồn nhân lực cho ngành nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế”* [36] của tác giả Lê Khánh Cường (2023) đã đưa ra những nhận định khái quát cơ bản về nông nghiệp công nghệ cao, đặc điểm của nông nghiệp công nghệ cao. Tác giả phân tích thực trạng của phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam; từ đó, đề xuất những giải pháp phát triển NNL nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và tập trung vào 4 giải pháp chủ yếu như sau: *Thứ nhất*, về phía cơ quan quản lý Nhà nước; *thứ hai*, về phía doanh nghiệp; *thứ ba*, về phía cơ sở đào tạo; *thứ tư*, về phía người lao động. Qua bài viết, tác giả luận án có thể tham khảo những giải pháp để phát triển NNL CNH, HĐH trong lĩnh vực nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh sao cho phù hợp với tiềm năng và thế mạnh phát triển nông nghiệp của vùng.

Bài viết của tác giả Hoàng Văn (2023): *“Nguồn nhân lực cho nông nghiệp 4.0: Thực trạng và giải pháp”* [195] đã phân tích rõ vai trò của chất lượng NNL

là yếu tố sống còn trong phát triển nông nghiệp dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; đồng thời phân tích thực trạng của NNL trong lĩnh vực nông nghiệp; đặc biệt chỉ ra những hạn chế đối với NNL trong lĩnh vực nông nghiệp. Tiếp đó, tác giả cũng nghiên cứu tiếp loạt bài 2: “*Nguồn nhân lực cho nông nghiệp 4.0: Cần thay đổi tư duy về nghề nông*” [196] đã nhấn mạnh cần phải đổi mới tư duy trong lĩnh vực nông nghiệp. Để phát triển nông nghiệp thực chất cần phải được đào tạo, phải coi nghề nông là một nghề; cần phải đổi mới tư duy và trí thức hoá nông dân. Do đó, nông dân đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn; bởi, họ là lực lượng trực tiếp tham gia vào sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế, tham gia vào quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; góp phần quyết định vào thành công của công cuộc phát triển nông nghiệp, nông thôn. Do đó, phát triển NNL trong nông nghiệp là một yêu cầu cấp thiết xuất phát từ đòi hỏi thực tiễn quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

1.3. Những công trình nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh

1.3.1. Các công trình nghiên cứu về phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh

Tác giả Võ Văn Phương (2012) với bài viết: “*Tây Ninh đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh*” [137] đã phân tích, làm rõ những ưu điểm của đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn với những điều kiện thuận lợi, tiềm năng và thế mạnh của tỉnh. Từ đó, tác giả luận giải những mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của Tây Ninh tập trung vào vấn đề: *thứ nhất*, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng khai thác tốt các lợi thế phát triển; *thứ hai*, tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp- tiểu, thủ công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh. Tác giả cũng đề xuất 06 giải pháp cơ bản nhằm

thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội đã đề ra trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH.

Tác giả Đinh Chung (2018) với bài viết: *“Tây Ninh phấn đấu trở thành tỉnh phát triển công nghiệp hiện đại”* [29] đã phân tích thực trạng phát triển công nghiệp tỉnh Tây Ninh và đề xuất những phương hướng, giải pháp phát triển công nghiệp tỉnh, phấn đấu đến năm 2030 Tây Ninh cơ bản hoàn thành mục tiêu CNH, HĐH và đến năm 2045 trở thành tỉnh phát triển công nghiệp hiện đại, đạt mức độ khá trong khu vực Đông Nam Bộ. Để thực hiện mục tiêu đưa Tây Ninh trở thành tỉnh phát triển công nghiệp hiện đại tác giả cũng đề xuất một số giải pháp nhằm tập trung phát triển một số ngành công nghiệp quan trọng tương ứng với từng giai đoạn phát triển của tỉnh.

Bài viết: *“Đến năm 2030, Tây Ninh phấn đấu trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại”* [99] của tác giả Đinh Thị Bích Liên (2020) đã phân tích thực trạng một số ngành công nghiệp trong địa bàn tỉnh, đặc biệt là một số ngành công nghiệp chế biến, nhất là những sản phẩm chế biến xuất khẩu có sức cạnh tranh quốc tế. Từ những kết quả đã đạt được và những hạn chế còn tồn tại; tác giả cũng tập trung đề xuất những quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển trong các giai đoạn tiếp theo để Tây Ninh phát triển theo hướng công nghiệp hiện đại, phấn đấu đến năm 2030 trở thành tỉnh cơ bản hoàn thành mục tiêu CNH, HĐH.

Tác giả Huỳnh Văn Xô (2024) với bài viết: *“Tây Ninh: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”* [194] đã nêu rõ mục tiêu, chiến lược về tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đồng thời, tác giả cũng đề xuất một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH của tỉnh Tây Ninh: nâng cao nhận thức và hành động quyết liệt, thực hiện các chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển ngành công nghiệp bền vững; đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn;

tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ; phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa; quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác đối ngoại; phát huy giá trị văn hoá và con người Việt Nam trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bài viết: *“Tây Ninh: Công nghiệp và dịch vụ du lịch là động lực chủ yếu cho tăng trưởng”* [123] của tác giả Vũ Phương Nhi (2025) đã tập trung khái quát tình hình phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Tây Ninh. Bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của công nghiệp và dịch vụ du lịch là động lực chủ yếu cho tăng trưởng của tỉnh Tây Ninh; góp phần thay đổi diện mạo của tỉnh, đưa tỉnh Tây Ninh trở thành một trong những trung tâm phát triển của Vùng Đông Nam Bộ và của cả nước. Đồng thời hướng đến thực hiện đồng bộ các mục tiêu phát triển KT- XH của tỉnh: nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại; góp phần phát triển Tây Ninh theo hướng bền vững, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế, du lịch, và dịch vụ.

1.3.2. Các công trình nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh

Tác giả Nhi Trần (2021) với bài viết: *“Tìm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong sản xuất nông nghiệp”* [129] đã tập trung phân tích thực trạng nguồn lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh và lực lượng tham gia sản xuất nông nghiệp. Căn cứ vào thực trạng NNL trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng NNL

trong sản xuất nông nghiệp nhằm phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của vùng, tiến tới hình thành tầng lớp công nhân trong lĩnh vực nông nghiệp.

Tác giả Thanh Thanh (2023) với bài viết: *“Phát triển nguồn nhân lực, góp phần đưa Tây Ninh phát triển bền vững”* [162] đã phân tích những điều kiện, vị trí, tiềm năng của Tây Ninh để phát triển NNL. Đồng thời, phân tích, tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27- NQ/TW ngày 06-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá X) về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”. Trên cơ sở phân tích những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế; đồng thời, đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển NNL đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi thực tiễn phát triển của tỉnh.

Bài viết: *“Tây Ninh: Phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao”* [118] của tác giả Hương Ngát (2024) đã khái quát vai trò của phát triển NNL đối với sự phát triển kinh tế- xã hội và hướng đến thực hiện mục tiêu đến năm 2030, Tây Ninh trở thành địa phương phát triển khá của vùng Đông Nam Bộ và cả nước. Đồng thời, phân tích mục tiêu, chiến lược phát triển NNL trẻ ở tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022- 2025; phương hướng phát triển NNL trẻ đến năm 2030. Qua bài viết, tác giả luận án có thể tham khảo một số nội dung về chiến lược phát triển NNL tỉnh nhằm phục vụ cho nghiên cứu luận án.

Bài viết: *“Tây Ninh quan tâm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực công”* [149] đã tập trung nhấn mạnh phương hướng, nhiệm vụ phát triển NNL tỉnh Tây Ninh và việc triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất lượng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030.

Tác giả Đặng Thanh Tuấn, Nguyễn Tuấn Khanh (2024) với bài viết: *“Thực trạng và giải pháp thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài trong khu vực công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”* [177] đã làm rõ cơ sở lý luận của chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài; nhận thức về vai trò của nhân tài

trong khu vực công. Từ đó, đi vào phân tích thực trạng thu hút, trọng dụng nhân tài trong khu vực công tại tỉnh Tây Ninh trên cơ sở phân tích thực trạng NNL khu vực công tỉnh Tây Ninh. Qua đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu hút, trọng dụng nhân tài trong khu vực công tại tỉnh Tây Ninh cụ thể như sau: *thứ nhất*, cần hoàn thiện thể chế chính sách; *thứ hai*, tăng cường nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao; *thứ ba*, nâng cao hiệu quả quản lý, tổ chức thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; *thứ tư*, nâng cao vai trò trách nhiệm trong quản lý, sử dụng, tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức; *thứ năm*, sắp xếp tổ chức, bộ máy tinh gọn cơ cấu lại đội ngũ CBCCVN; *thứ sáu*, hực hiện có hiệu quả công tác cán bộ; *thứ bảy*, đổi mới công tác quản lý nguồn nhân lực, thu hút, giữ chân nhân tài mang tính bền vững; *thứ tám*, khuyến khích phát hiện và tiến cử nhân tài.

Bài viết: “*Đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hiện có*” [61] của tác giả Hải Đăng (2024) đã phân tích thực trạng đào tạo, sử dụng NNL trong địa bàn tỉnh Tây Ninh trên cơ sở đánh giá những thành tựu, hạn chế. Từ đó, đề xuất những phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo, sử dụng NNL trong địa bàn tỉnh đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, tiêu chuẩn theo quy định.

Tác giả Việt Khoa (2025) với bài viết: “*Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu tình hình mới*” [70] đã tập trung làm rõ vai trò của phát triển NNL nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020- 2025; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, phát huy hiệu quả nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội. Để đạt được mục tiêu đó, bài viết tập trung vào triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng NNL trong tỉnh; đặc biệt tập trung đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực công với các cơ chế, chính sách vượt trội trong điều kiện ngân sách địa phương còn khó khăn, huy động các nguồn lực xã hội, tăng nguồn ngân sách dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất

lượng nguồn nhân lực; tập trung phát triển nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh. Đổi mới thực hiện tốt quy trình tuyển dụng đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch,... qua đó lựa chọn được nguồn nhân lực có chất lượng; từng bước xây dựng đội ngũ kế cận có năng lực đảm đương nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay. Quan tâm thực hiện tốt các chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao trên các ngành, lĩnh vực; tạo mọi điều kiện để cán bộ, công chức công tác, phát huy chuyên môn gắn với tuyển dụng; khuyến khích đào tạo đối với các cán bộ, công chức, viên chức.

Tác giả Tân Châu (2025) với bài viết: “*Chủ động nguồn nhân lực cho giai đoạn phát triển mới*” [23] đã phân tích thực trạng NNL trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, đưa ra những dự báo tình hình phát triển NNL trong địa bàn tỉnh để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội. Đồng thời, tập trung đề xuất những giải pháp căn cơ để phát triển NNL chất lượng cao; trong đó, tập trung ưu tiên quan tâm đào tạo nghề của tỉnh, đáp ứng yêu cầu NNL của tỉnh có tay nghề để cung ứng thị trường lao động, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế- xã hội, nhất là định hướng công nghiệp.

1.4. Đánh giá chung về những công trình đã nghiên cứu và những vấn đề luận án tiếp tục giải quyết

1.4.1. Những vấn đề đã được nghiên cứu

Qua việc nghiên cứu hệ thống những công trình liên quan đến đề tài luận án về phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh có thể NNL và phát triển NNL là nội dung được rất nhiều tác giả, nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Có thể khái quát nội dung của các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án ở những khía cạnh như sau:

Thứ nhất, những vấn đề nghiên cứu có liên quan đến luận án về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp.

Liên quan đến những công trình nghiên cứu về CNH, HĐH nông nghiệp có rất nhiều công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế của các tác giả tập trung làm rõ các vấn đề nghiên cứu có liên quan đến CNH, HĐH và CNH, HĐH nông nghiệp dưới nhiều góc độ và cách tiếp cận khác nhau. Trong đó, hầu hết tác giả đều đi từ những vấn đề lý luận về CNH, HĐH; những vấn đề đặt ra; những phương thức, giải pháp đẩy mạnh CNH, HĐH. Do xác định được mục tiêu, nhiệm vụ của quá trình CNH, HĐH, một số tác giả cũng đi vào nghiên cứu, phân tích quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH ở một số lĩnh vực cụ thể: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ... Tuy nhiên, để phục vụ cho nghiên cứu luận án, tác giả chủ yếu tập trung khái quát những công trình nghiên cứu có liên quan đến CNH, HĐH nông nghiệp. Các công trình hầu hết tập trung nghiên cứu, làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong nước và quốc tế về CNH, HĐH; những yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH trong bối cảnh hiện nay. Bên cạnh đó, một số tác giả đi vào phân tích những thực trạng, những vấn đề đặt ra của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH: làm rõ quan niệm về CNH, HĐH; vai trò của CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức và kinh tế số ở Việt Nam là con đường tối ưu nhất để đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH ở Việt Nam; những nội dung và điều kiện cơ bản của quá trình CNH, HĐH ở nước ta. Đồng thời, cũng có những công trình tập trung nghiên cứu những giải pháp đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH: CNH, HĐH là một phương thức quan trọng để Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường, phát triển kinh tế nhanh và bền vững; những chủ trương, đường lối của Đảng ta về đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH.

Qua các công trình nghiên cứu về CNH, HĐH nghiên cứu sinh có thể có thêm nguồn tài liệu để kế thừa, tham khảo các nghiên cứu trước đó để triển khai những vấn đề cụ thể trong luận án về lý luận, thực trạng và giải pháp đẩy mạnh CNH, HĐH. Đồng thời, có sự so sánh, đối chiếu các thời kỳ, giai đoạn

đẩy mạnh CNH, HĐH ở nước ta nói chung và đối với các địa phương trong cả nước nói riêng để phục vụ cho nghiên cứu luận án.

Đối với vấn đề CNH, HĐH nông nghiệp, các bài viết đều tập trung làm rõ hơn cơ sở lý luận về CNH, HĐH nông nghiệp. Trong đó, nông nghiệp cũng là một lĩnh vực được quan tâm phát triển trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH và là điều kiện cơ bản để nước ta phát triển đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các công trình đều làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong phát triển bền vững; đánh giá đúng thực trạng kinh tế - xã hội ở nông thôn nước ta cũng như nguyên nhân nảy sinh vấn đề kinh tế, xã hội bức xúc trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở nước ta hiện nay. Bên cạnh đó, cũng có những công trình đi vào cụ thể vấn đề CNH, HĐH nông nghiệp ở các vùng trong cả nước để có những nghiên cứu tổng thể, đa chiều về vấn đề CNH, HĐH nông nghiệp.

Qua các công trình nghiên cứu về vấn đề CNH, HĐH nông nghiệp, có thể thấy, các tác giả đều đi vào phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; vai trò và những yếu tố tác động đến quá trình CNH, HĐH nông nghiệp. Đồng thời, một số tác giả tập trung đi vào phân tích thực trạng của quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và chỉ ra những vấn đề đặt ra đối với đẩy mạnh CNHHH nông nghiệp; một số công trình tập trung nghiên cứu những chính sách phát triển nông nghiệp từ các quốc gia trên thế giới và rút ra bài học kinh nghiệm trong phát triển nông nghiệp Việt Nam. Từ đó, các tác giả đều chỉ ra những giải pháp, nhóm giải pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhanh hơn, bền vững hơn. Từ những nội dung nghiên cứu của các công trình trước đó về vấn đề CNH, HĐH nông nghiệp ở nhiều khía cạnh khác nhau, nghiên cứu sinh có thể tham khảo, kế thừa các công trình nghiên cứu trước về lý luận, thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với đẩy mạnh CNH, HĐH nông

nghiệp. Qua đó, làm cơ sở cho nghiên cứu sinh có thể đi vào nghiên cứu cụ thể quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh trong bối cảnh hiện nay và nghiên cứu đề xuất những giải pháp cơ bản góp phần thực hiện tốt mục tiêu CNH, HĐH nông nghiệp trong địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Thứ hai, những công trình nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Liên quan đến nội dung phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp có rất nhiều công trình tập trung nghiên cứu. Qua đó, thấy được vai trò của NNL và phát triển NNL đối với sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia nói chung và đối với Việt Nam nói riêng. Trong đó, có cả các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài nghiên cứu liên quan đến nội dung phát triển NNL CNH, HĐH nói chung và lĩnh vực nông nghiệp nói riêng.

Các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài cũng tập trung nghiên cứu, tiếp cận từ vấn đề cơ bản cơ sở lý luận của NNL, CNH, HĐH ở các quốc gia. Qua đó, nghiên cứu sinh có thể tham khảo, tiếp cận vấn đề lý luận chung và kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới để phục vụ cho việc triển khai cơ sở lý luận của phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp nói chung và tỉnh Tây Ninh nói riêng.

Đối với các công trình nghiên cứu trong nước liên quan đến đề tài luận án, cũng có nhiều tác giả đã nghiên cứu ở những lĩnh vực cơ bản NNL, phát triển NNL, phát triển NNL CNH, HĐH và phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp. Các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung NNL, phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp đều tập trung nghiên cứu rất nhiều khía cạnh khác nhau dưới những cách tiếp cận từ cơ sở lý luận, thực trạng và giải pháp phát triển NNL CNH, HĐH nói chung và NNL CNH, HĐH nông nghiệp nói riêng. Trong các cuốn sách, bài viết, công trình nghiên cứu; các tác giả đều đi sâu làm rõ những nội hàm liên quan đến vấn đề nghiên cứu, vai trò, những yếu tố tác động trên cơ sở phân tích xu hướng phát triển của xã hội và những

vấn đề đặt ra đối với phát triển NNL đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Đồng thời, các công trình, bài viết cũng phân tích thực trạng và đề xuất những giải pháp nhằm phát triển NNL CNH, HĐH nói chung và trong lĩnh vực nông nghiệp nói riêng. Qua đó, nghiên cứu sinh có thể tiếp cận và kế thừa các công trình nghiên cứu của các tác giả trước đó để luận giải theo các tuyến vấn đề từ cơ sở lý luận, thực trạng và giải pháp phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp nói chung và đối với địa bàn tỉnh Tây Ninh nói riêng.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.

Liên quan đến vấn đề phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh có một số công trình nghiên cứu dưới nhiều cách tiếp cận khác nhau. Các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh đều có nhiều tác giả quan tâm, nghiên cứu và coi đây là một vấn đề quan trọng góp phần vào thực hiện mục tiêu phát triển KT- XH của đất nước nói chung và đối với Tây Ninh nói riêng. Do đó, có các công trình đều quan tâm, nghiên cứu trực tiếp cụ thể vào một số vấn đề nhất định: NNL, phát triển NNL, CNH, HĐH ở các ngành, các lĩnh vực khác nhau trên cơ sở phân tích điều kiện, thực tiễn phát triển KT- XH của tỉnh với những tiềm năng, lợi thế và khó khăn nhất định. Từ đó, các tác giả đều đưa ra những giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế và những vấn đề đặt ra để phát triển NNL tỉnh Tây Ninh trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH. Qua đó, nghiên cứu sinh có thể có thêm nguồn tài liệu tham khảo, kế thừa để phục vụ cho việc nghiên cứu trực tiếp luận án phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.

1.4.2. Những vấn đề luận án tiếp tục giải quyết

Qua nghiên cứu, phân tích các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, tác giả nhận thấy có rất nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề NNL, phát triển NNL trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nói chung và trong nông nghiệp nói riêng ở nhiều khía cạnh, trên nhiều phương diện khác nhau. Tuy

nhiên, vấn đề *phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh hiện nay* vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu cụ thể, trực tiếp và có hệ thống về vấn đề này. Do đó, nội dung này còn rất nhiều khoảng trống, cần được tiếp tục bổ sung nghiên cứu làm rõ nhằm cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, luận án tập trung nghiên cứu một số vấn đề sau:

Thứ nhất, luận án tập trung nghiên cứu, tiếp cận vấn đề phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh từ những vấn đề lý luận và thực tiễn của vấn đề phát triển NNL trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp hiện nay. *Về lý luận*, luận án tập trung nghiên cứu làm rõ những vấn đề cơ bản về NNL, phát triển NNL; CNH, HĐH; CNH, HĐH nông nghiệp, phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp; phát triển NNL công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp tỉnh Tây Ninh; đồng thời, luận án phân tích, chỉ rõ vai trò phát triển NNL công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp tỉnh Tây Ninh. *Về thực tiễn*, luận án đi sâu tìm hiểu đặc điểm về điều kiện KT- XH; quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH của tỉnh Tây Ninh; từ đó, phân tích những yếu tố tác động đến phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh trên cả hai phương diện thuận lợi và khó khăn.

Thứ hai, luận án tổng hợp, phân tích, đánh giá các báo cáo về tình hình phát triển KT- XH của tỉnh; báo cáo tình hình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh, các điều kiện phát triển nông nghiệp của tỉnh; đề án và báo cáo thực hiện đề án phát triển NNL của tỉnh Tây Ninh. Từ đó, luận án đánh giá thực trạng phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh từ việc phân tích những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra đối với quá trình phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh đặt trong bối cảnh phát triển KT- XH của tỉnh để làm cơ sở đề xuất những giải pháp nhằm phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp tỉnh Tây Ninh.

Thứ ba, luận án phân tích dự báo xu thế tác động đến phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh; từ đó, đề xuất những quan điểm và giải

pháp nhằm phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới. Các giải pháp được đưa ra phải đặt trong hoàn cảnh cụ thể và trong điều kiện Tây Ninh thực hiện sáp nhập tỉnh và gắn với giải quyết những vấn đề đặt ra đối với phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp tỉnh Tây Ninh để có những giải pháp đồng bộ, phù hợp trong điều kiện tỉnh Tây Ninh mới góp phần thúc đẩy phát triển KT- XH tỉnh Tây Ninh nói chung và phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp tỉnh Tây Ninh nói riêng.

Tiểu kết chương 1

Nguồn nhân lực luôn được xem là vấn đề quan trọng, là một trong ba khâu đột phá của quá trình phát triển đất nước; đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của nước ta trong bối cảnh mới. Vì thế, việc nghiên cứu về NNL và phát triển NNL CNH, HĐH nói chung và trong lĩnh vực nông nghiệp nói riêng có ý nghĩa quan trọng đối với chiến lược phát triển NNL của đất nước.

Có rất nhiều công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án *“Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh hiện nay”*. Các công trình đều nghiên cứu NNL, phát triển NNL dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau: NNL, phát triển NNL, nông nghiệp, CNH, HĐH nông nghiệp nói chung và trên địa bàn tỉnh Tây Ninh nói riêng. Trên cơ sở khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu; tác giả đã làm rõ những vấn đề luận án cần tiếp tục giải quyết tập trung vào những nội dung sau: cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp; phân tích thực trạng phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh hiện nay; đề xuất những quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới. Kết quả tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án là cơ sở và tài liệu quan trọng giúp tác giả luận án xác định được hướng nghiên cứu của luận án và những vấn đề luận án cần triển khai giải quyết để bảo đảm tính cấp thiết, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án.

Chương 2

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH TÂY NINH- MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. Cơ sở lý luận về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp

2.1.1. Quan niệm cơ bản về nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

2.1.1.1. Nguồn nhân lực và cấu trúc nguồn nhân lực

** Quan niệm cơ bản về nguồn nhân lực*

Trong sự vận động và phát triển của xã hội, con người là yếu tố đóng vai trò quan trọng quyết định sự phát triển của xã hội. Con người đóng vai trò vừa là mục tiêu, vừa là động lực; vừa là sản phẩm, vừa là chủ thể của sự phát triển xã hội. Vì vậy, nguồn nhân lực (NNL) chính là nguồn lực con người, việc nghiên cứu về NNL cần phải tiếp cận từ chính những quan niệm về bản chất, vai trò của con người đặt trong sự vận động và phát triển của xã hội.

Trong lịch sử phát triển của xã hội, con người luôn được xem là vấn đề trọng tâm được các nhà triết học quan tâm, nghiên cứu từ rất sớm. Các nhà triết học trước Mác khi nghiên cứu về con người đều có những cách tiếp cận và đưa ra những quan niệm khác nhau về con người, nhưng đều chưa chỉ ra bản chất con người trong sự vận động và phát triển của xã hội. Tuy nhiên, chính những kết quả từ sự phân tích, nghiên cứu về con người của các nhà triết học trước Mác là cơ sở cho việc hình thành quan niệm triết học Mác về bản chất con người.

Trước hết, C.Mác luôn đặt con người trong mối quan hệ với hoạt động thực tiễn, là yếu tố hàng đầu của lực lượng sản xuất (LLSX) tham gia trực tiếp và đóng vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất và phát triển các mối quan hệ trong xã hội. Con người đóng vai trò quan trọng là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã

hội. C.Mác và Ph. Ăngghen viết: “Tiền đề đầu tiên của toàn bộ lịch sử nhân loại thì dĩ nhiên là sự tồn tại của những cá nhân con người sống” [108; 29]. Vì thế, các ông luôn đặt con người trong mối quan hệ với tự nhiên thông qua hoạt động thực tiễn, thông qua quá trình sản xuất vật chất. Các ông cho rằng: “hành vi lịch sử đầu tiên là việc sản xuất trong những tư liệu để thoả mãn nhu cầu ấy, việc sản xuất ra bản thân đời sống vật chất” [108; 40]. Điều đó cho thấy, sản xuất vật chất đóng vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của con người, và thông qua hoạt động sản xuất vật chất đã đánh dấu sự chuyển biến cơ bản từ con người tự nhiên sang con người xã hội. Đồng thời, C.Mác và Ph. Ăngghen viết: “Bản thân con người bắt đầu bằng tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình- đó là một bước tiến do tổ chức cơ thể của con người quy định. Sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình, như thế con người đã gián tiếp sản xuất ra chính đời sống vật chất của mình” [108; 29]. Con người chính là sản phẩm cao nhất của giới tự nhiên, là một bộ phận của giới tự nhiên nhưng đều có những tác động đến giới tự nhiên nhằm thoả mãn các nhu cầu tồn tại của mình: “con người cũng tác động trở lại tự nhiên, cải biến tự nhiên và tạo cho mình những điều kiện sinh tồn mới” [110; 720] và đóng vai trò quan trọng sáng tạo ra lịch sử của con người: “Lịch sử xã hội của con người luôn luôn chỉ là lịch sử của sự phát triển cá nhân của những con người” [111; 657-658]. Có thể thấy, C.Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ vai trò của con người đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội, con người luôn được đặt trong mối quan hệ giữa tự nhiên và xã hội.

Tiếp tục quan điểm của C.Mác và Ph. Ăngghen khi đánh giá vai trò của con người trong hoạt động thực tiễn thông qua quá trình sản xuất vật chất, con người tác động vào giới tự nhiên, cải biến giới tự nhiên bằng sự kết hợp giữa người lao động với tư liệu sản xuất hợp thành LLSX. Trong quá trình ấy, V.I.Lênin luôn xem con người là yếu tố quan trọng hàng đầu của LLSX, ông viết: “lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động” [102; 430]. Con người giữ

vai trò quyết định đến trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và trình độ chinh phục tự nhiên của con người. Thông qua hoạt động thực tiễn, con người luôn thể hiện tính năng động, sáng tạo cải tạo đời sống xã hội góp phần phát triển và hoàn thiện bản thân con người. Do đó, con người làm nên lịch sử của chính mình, lịch sử là lịch sử của con người, do con người và vì con người.

Kế thừa, vận dụng sáng tạo quan điểm của C.Mác và Ph. Ăngghen, V.I.Lênin về con người và vai trò của con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt con người làm trung tâm, là mục tiêu của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Vì vậy, Người đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp cho cách mạng Việt Nam đó là “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, dân tộc ta đã tiến hành thành công cuộc Cách mạng Tháng 8 năm 1945, thực hiện mục tiêu giải phóng khỏi áp bức, bóc lột; đem lại nền độc lập tự do cho dân tộc, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Trong quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta luôn quán triệt và vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người vừa là sản phẩm vừa là chủ thể của xã hội; xác định rõ vai trò của con người đối với sự phát triển của xã hội. Đảng ta luôn đề cao nhiệm vụ phát triển con người, coi là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển đất nước. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta khẳng định: “Phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội”[46; 87]. Có thể thấy, thực chất vấn đề phát triển con người chính là phát triển nguồn lực con người hay NNL có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử phát triển của xã hội. Tại Đại hội VIII, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh: “Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố

quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa”[49; 13]. Từ đó, Đảng ta đề ra mục tiêu, chiến lược phát triển nguồn lực con người (NNL) nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH); đó là yếu tố cơ bản để thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH. Tại Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục đề ra nhiệm vụ trọng tâm nhằm thực hiện các đột phá chiến lược: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao...”[57; 203].

Vấn đề NNL cũng được rất nhiều nhà nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu và đưa ra những quan niệm khác nhau về NNL. Theo quan niệm của Tổ chức ngân hàng thế giới: “NNL là toàn bộ vốn con người bao gồm trí lực, thể lực, kỹ năng nghề nghiệp mà mỗi cá nhân sở hữu, có thể huy động được trong quá trình sản xuất kinh doanh hay một hoạt động nào đó. Ở đây NNL được coi như một nguồn vốn bên cạnh các loại vốn vật chất khác, nhưng nó có vai trò đặc biệt vì nó được sử dụng để duy trì, khai thác và sử dụng các loại vốn vật chất đó” [82; 28].

Theo Tổ chức Liên hợp quốc cho rằng: “Nguồn nhân lực là tất cả những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, năng lực, thể lực và tính sáng tạo của con người có quan hệ tới sự phát triển của mỗi cá nhân và của đất nước” [199; 8]. Quan niệm này xem xét nguồn nhân lực chủ yếu ở phương diện chất lượng con người và vai trò của nó đối với sự phát triển xã hội.

Theo tác giả Phạm Minh Hạc, NNL được hiểu là: “Số dân và chất lượng con người, bao gồm cả thể chất và tinh thần, sức khỏe và trí tuệ, năng lực, phẩm chất và đạo đức của người lao động. Nó là tổng thể NNL hiện có thực tế và tiềm năng được chuẩn bị sẵn sàng để tham gia phát triển KT - XH của một quốc gia hay một địa phương nào đó...” [78; 323].

Tác giả Hồ Sĩ Quý cho rằng, nguồn lực con người là “đội ngũ những người đang và sẽ được bổ sung vào lượng lao động xã hội với toàn bộ tình trạng sinh thể, vốn văn hóa, trình độ chuyên môn...mà họ đang tích lũy được.

Hiểu như thế, nguồn lực con người là kết quả của quá trình đầu tư (theo nghĩa rộng) của xã hội với mục đích là tạo ra động lực phát triển xã hội trong giai đoạn tiếp theo” [139; 162].

Với tác giả Phạm Thành Nghị, nguồn nhân lực “là tổng thể các tiềm năng của một tổ chức, một địa phương, một quốc gia trong thể thống nhất hữu cơ năng lực xã hội (thể lực, trí lực, nhân cách) và tính năng động xã hội của con người, nhóm người, tổ chức, địa phương, vùng, quốc gia. Tính thống nhất đó được thể hiện ở quá trình biến đổi nguồn con người thành vốn người đáp ứng yêu cầu phát triển” [125; 16].

Trên cơ sở các quan điểm trên về NNL, dưới góc độ tiếp cận triết học, NNL cần được hiểu chính là nguồn lực, là nhân tố con người- yếu tố hàng đầu của lực lượng sản xuất được hợp thành từ chính thể cá nhân (bao gồm những mặt, những yếu tố) với tư cách là chủ thể hoạt động thực tiễn trong một hình thái kinh tế- xã hội nhất định.

Từ những quan niệm trên có thể hiểu *nguồn nhân lực là nguồn lực con người bao gồm các mặt, các yếu tố tâm lực, thể lực, trí lực cấu thành nên chính thể con người với tư cách là chủ thể hoạt động thực tiễn; tham gia vào hoạt động sản xuất góp phần vào sự phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.*

**Cấu trúc nguồn nhân lực*

Từ những nghiên cứu, quan niệm về NNL, cấu trúc NNL cần được xem xét một cách tổng thể, toàn vẹn các yếu tố: cơ cấu, số lượng, chất lượng NNL.

Trước hết, về mặt cơ cấu, số lượng NNL: Cơ cấu NNL là tiêu chí xét về độ tuổi, ngành nghề, lĩnh vực, khu vực có nhu cầu lao động. Số lượng NNL là tiêu chí thể hiện quy mô NNL tham gia vào quá trình phát triển KT- XH của đất nước. Những yếu tố này quyết định đến việc đảm bảo số lượng, cơ cấu độ tuổi NNL tham gia vào các lĩnh vực, ngành nghề trong quá trình phát triển KT- XH. Vì vậy muốn phát triển đội ngũ NNL cần chú ý đến tiêu chí về cơ cấu, số lượng NNL; phải đảm bảo cung cấp đủ số lượng NNL để đáp ứng yêu cầu lao động về mặt cơ cấu, độ tuổi.

Do đó, cần chú trọng đến việc xây dựng đội ngũ NNL bảo đảm về số lượng lao động, độ tuổi và sự cân đối lao động giữa các ngành nghề, lĩnh vực và khu vực đáp ứng được yêu cầu số lượng lao động phục vụ cho quá trình CNH, HĐH đất nước.

Thứ hai, về chất lượng NNL: tiêu chí này thể hiện những yếu tố bên trong cấu thành nên chất lượng NNL, quyết định đến kết quả quá trình phát triển KT-XH của đất nước. Nếu đảm bảo tiêu chí về cơ cấu, số lượng NNL cho các lĩnh vực, ngành nghề mà không đảm bảo chất lượng cũng sẽ gây ảnh hưởng đến phát triển KT- XH. Chất lượng NNL là tiêu chí quan trọng khi đánh giá về NNL, thể hiện trình độ phát triển của xã hội trong những điều kiện, giai đoạn phát triển nhất định; là một trạng thái nhất định, nó thể hiện mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành bên trong của NNL thể hiện trình độ phát triển của xã hội.

Chất lượng NNL bao gồm tổng hợp các yếu tố trình độ chuyên môn, kỹ năng, tay nghề, năng lực, phẩm chất đạo đức, lối sống, sức khỏe, thể lực làm việc của người lao động trong quá trình lao động sản xuất và trong tổng hoà các mối quan hệ xã hội. Trong quá trình lao động, người lao động biết phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo để ứng dụng vào sản xuất nâng cao năng suất lao động; phát sinh, phát triển các mối quan hệ trong xã hội. Do vậy, chất lượng NNL được hiểu là những yếu tố, thuộc tính về trình độ, thể lực, phẩm chất cấu tạo bên trong NNL tạo nên chất lượng NNL.

Về thể lực: là yếu tố liên quan đến trạng thái sức khỏe của nguồn nhân lực đây là yếu tố cơ bản của nguồn lực con người. Trong lao động sản xuất, thể lực NNL thể hiện sức bền, sự dẻo dai, khả năng chịu đựng của người lao động được thể hiện cụ thể: chiều cao, cân nặng và sự cân đối của cơ thể; sức mạnh cơ bắp; sự hưng phấn, tinh táo và tinh thần làm việc tập trung cao độ; khả năng chịu đựng áp lực và môi trường làm việc căng thẳng. Do đó, muốn phát triển NNL cần quan tâm phát triển thể lực cho NNL ở các yếu tố như chế độ dinh dưỡng, y tế, chăm sóc sức khỏe, môi trường sống và làm việc; góp phần phát triển năng lực thể chất tối ưu để con người có thể tham gia vào quá trình lao động sản xuất một cách hiệu quả và bền vững nhất.

Về trí lực: dưới góc độ tiếp cận Triết học, trí lực của NNL được hiểu là những tri thức của con người là yếu tố quan trọng trong lát cắt ngang của ý thức con người; là biểu hiện cao nhất của ý thức và bản chất con người trong quá trình nhận thức và cải tạo thế giới; thể hiện quá trình phản ánh thế giới một cách năng động sáng tạo thông qua bộ óc của con người.

Tri thức NNL được hiểu là toàn bộ khả năng về trí tuệ, bao gồm hiểu biết, kỹ năng và tư duy sáng tạo của con người trong quá trình cải tạo hoạt động thực tiễn; là toàn bộ thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị tư tưởng, đạo đức..của con người để thấy được vị trí, vai trò trong hoạt động thực tiễn.

Trong lao động sản xuất, con người nhận thức được vị trí, vai trò của con người đối với hoạt động cải tạo thực tiễn, biết phát huy tính tự giác, tích cực, năng động, sáng tạo giúp con người lao động có mục đích, phục vụ cho nhu cầu tồn tại và phát triển của con người. Qua đó, con người biết xác định các giá trị và mục đích của bản thân nhằm lựa chọn những ngành nghề, lĩnh vực phù hợp với năng lực, trình độ và yêu cầu thực tiễn. Xã hội càng phát triển, tri thức con người càng phát triển, đặt ra yêu cầu càng cao đối với tri thức của NNL; giúp con người nhận thức sự vận động phát triển của xã hội một cách khoa học và theo quy luật khách quan giúp con người cải tạo thế giới một cách hiệu quả.

Trí lực NNL còn thể hiện qua toàn bộ những tri thức về đạo đức và giá trị quan. NNL có tri thức đòi hỏi phải có hiểu biết về các lĩnh vực gắn tri thức với giá trị đạo đức; nhận thức xã hội trong tổng thể mối quan hệ tác động qua lại với nhau để có những kỹ năng vận dụng, xử lý vấn đề thực tiễn linh hoạt, hành động theo những định hướng giá trị nhân văn, đạo đức, vận dụng tri thức vào mục đích tiến bộ nhằm nâng cao hiệu quả lao động sản xuất. Do đó, cần phải nâng cao trình độ nhận thức, học vấn, kỹ năng, chuyên môn cho đội ngũ NNL để thấy được vị trí, vai trò đối với hoạt động lao động sản xuất; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, giá trị nhân văn, đạo đức trong mỗi con người góp phần phát triển xã hội.

Về tâm lực: đây là yếu tố tinh thần của con người, là hệ giá trị, niềm tin và là động lực thúc đẩy NNL hành động và sáng tạo trong lao động sản xuất. Tâm lực của NNL thể hiện ý chí trong lao động, những giá trị của bản thân, khả năng tự chủ, vượt qua mọi khó khăn, thử thách để thực hiện mục tiêu đề ra; là động lực để thúc đẩy con người phát triển để hoàn thiện bản thân. Đồng thời, tâm lực NNL còn được tiếp cận là toàn bộ thế giới quan, nhân sinh quan của NNL cụ thể: niềm tin, ý nghĩa trong lao động; đạo đức nghề nghiệp... khi con người có niềm tin vào những công việc mình làm mang lại giá trị tốt đẹp cho xã hội, cho mọi người sẽ tạo động lực để thúc đẩy con người tích cực tham gia lao động sản xuất; đồng thời, nhấn mạnh đến giá trị đạo đức nghề nghiệp, thể hiện sự lương thiện, lòng tự trọng và tinh thần trách nhiệm đối với quá trình lao động sản xuất. Do đó, yếu tố này có vai trò giáo dục, điều chỉnh hành vi và nhận thức của NNL, thể hiện bản lĩnh, nhân cách và nhận thức của con người trong lao động. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa hai yếu tố tài và đức, Người cho rằng: “đức phải có trước tài”[113; 296] vì có tài mà không có đức sẽ trở thành người vô dụng, gây hại cho đất nước: “có tài không có đức, tham ô hủ hóa có hại cho nước”[114; 345-346]. Đồng thời, Người chỉ rõ: “Có đức không có tài như ông bụt ngồi trong chùa, không giúp ích gì được ai”[114; 346]. Trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH, bên cạnh những thời cơ và thách thức của đất nước đòi hỏi NNL cần phải có yếu tố “tâm lực” là có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp, có tâm với nghề, trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; có ý chí tự lực, tự cường; có tinh thần trách nhiệm với cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội.

2.1.1.2. Nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

**Công nghiệp hoá, hiện đại hoá*

CNH, HĐH là quy luật phát triển khách quan của phương thức sản xuất, là điều kiện cơ bản nhằm tạo ra những đột phá trong tiến trình phát triển KT- XH của

mỗi quốc gia; đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi thực tiễn. Dưới góc độ tiếp cận triết học, trong một phương thức sản xuất của hình thái KT- XH; CNH, HĐH được hiểu là sự phát triển của phương thức sản xuất mới; là quá trình chuyển đổi căn bản từ phương thức sản xuất thủ công sang phương thức sản xuất hiện đại nhằm nâng cao tỷ trọng, năng suất và chất lượng lao động của các ngành nghề, lĩnh vực trong quá trình phát triển KT- XH của đất nước.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện phương thức sản xuất từ sức lao động thủ công sang lao động bằng máy móc và ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động tạo ra sự chuyển biến, phát triển trong xã hội.

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Đảng ta đã đưa ra quan niệm: “CNH là quá trình thực hiện cách mạng kỹ thuật, thực hiện sự phân công mới về lao động xã hội và là quá trình tích lũy xã hội chủ nghĩa để không ngừng thực hiện tái sản xuất mở rộng” [49;15], quan niệm này thể hiện rõ nội dung, mục tiêu, tính chất xã hội chủ nghĩa của quá trình CNH. Đặc biệt, Nghị quyết số 29- NQ/ TW, ngày 27- 11- 2022, của Ban Chấp hành Trung ương về “*Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” đã làm rõ nhận thức của CNH, HĐH là “quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo”. Đây là Nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Đảng về CNH, HĐH. Điều đó cho thấy, Đảng ta ngày càng nhận thức sâu sắc, toàn diện hơn về quá trình CNH, HĐH đất nước đối với mục tiêu phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Mục tiêu cơ bản của CNH, HĐH là tạo ra sự chuyển biến cơ bản về chất trong xã hội từ một nước nông nghiệp, thủ công sang nước công nghiệp, có cơ sở vật chất- kỹ thuật hiện đại; có quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; đời sống vật chất và tinh thần của người

dân được nâng cao, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; an ninh- quốc phòng ổn định vững chắc.

Để thực hiện mục tiêu phát triển KT- XH của đất nước, Đảng ta chủ trương quan tâm đẩy mạnh CNH, HĐH. Với từng giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội, căn cứ vào điều kiện thực tiễn, Đảng ta luôn đề ra những quan điểm, mục tiêu nhằm đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, cụ thể:

CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức là một xu thế tất yếu, khách quan nhằm thực hiện mục tiêu rút ngắn thời gian và khoảng cách đối với các nước phát triển.

Ở nước ta thực hiện CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, hướng đến phát triển kinh tế xanh và bền vững. Nền kinh tế tri thức hướng tới việc sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nhờ ứng dụng CNH, HĐH vào các quy trình sản xuất thông minh, hiện đại. Trong đó, NNL đóng vai trò quan trọng, trở thành nguồn lực quan trọng tham gia vào quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức. Thực hiện tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại vào sản xuất góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ công nghệ cao tăng nhanh, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trở thành nông nghiệp thông minh, bền vững. Như vậy, đây là xu thế tất yếu nhằm đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH đất nước hướng đến mục tiêu phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất cho người dân, đào tạo, xây dựng đội ngũ NNL có chất lượng cao.

CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế.

CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình phát triển đặc thù của Việt Nam, với mục tiêu phát triển LLSX, đẩy

manh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH hướng đến thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Thực hiện phát triển đa dạng các thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế, các thành phần kinh tế khác không ngừng được củng cố và phát triển; nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo quy luật của kinh tế thị trường: quy luật giá trị, cung cầu, cạnh tranh nhưng có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN bản chất là phát triển LLSX hiện đại với quan hệ sản xuất phù hợp để thực hiện mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Đồng thời, đẩy mạnh CNH, HĐH cũng gắn với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế nhằm tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác về kinh tế đối với các quốc gia trên thế giới, đưa đất nước tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. CNH, HĐH gắn với hội nhập quốc tế nhằm thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác, chuyển giao những công nghệ tiên tiến, hiện đại của các quốc gia trên thế giới; mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa ra các nước góp phần thúc đẩy phát triển đất nước; hiện thực hóa mục tiêu đưa nước ta trở thành nước phát triển đáp ứng được những đòi hỏi thực tiễn phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của CNH, HĐH.

Quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước thực chất là tăng cường đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật hiện đại vào sản xuất nhằm tạo ra sự chuyển biến cơ bản trong lao động sản xuất. Đặc biệt, trong bối cảnh tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0, khoa học và công nghệ ngày càng đóng vai trò quan trọng, then chốt và trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội góp phần đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH đất nước. Bởi khoa

học và công nghệ tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, gia tăng năng suất và hiệu quả lao động, tạo ra các ngành nghề, lĩnh vực mới góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế. Tại Đại hội XIV, Đảng ta đã nhấn mạnh: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tự chủ sản xuất trong nước với việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, xây dựng và hiện đại hóa nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chính, lấy hội nhập quốc tế làm phương thức để huy động mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa”[59; 94].

Song song với thực hiện ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước cần chú trọng đến phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững; ứng dụng những nền tảng, công nghệ hiện đại tham gia vào sản xuất, hiện đại hóa sản xuất nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế nhanh, bền vững, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia, vùng, miền. Đồng thời, chú trọng thực hiện tốt vấn đề giữ gìn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, thực hiện phát triển bền vững, chống ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu; thực hiện ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nhằm tiết kiệm năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo; bảo đảm CNH, HĐH gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững đất nước.

**Nông nghiệp*

Trong quá trình phát triển KT- XH của mỗi quốc gia, ngành nông nghiệp đóng vai trò quan trọng vào nền kinh tế và là ngành nghề cơ bản của bất kỳ quốc gia nào. Nông nghiệp tạo ra sản phẩm lương thực, thực phẩm cung cấp cho con người và duy trì sự phát triển của xã hội. Đồng thời, cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp và bảo đảm sự liên kết với các ngành nghề khác. Việt Nam là cái nôi của nền văn minh lúa nước hình thành từ hàng nghìn năm trong lịch sử, là hình thái văn minh nông nghiệp đặc trưng với phương thức sản xuất nông nghiệp hình thành và phát triển mạnh mẽ ở nước ta. Do đó, nông nghiệp là ngành kinh tế quan trọng bậc nhất của đất nước cả trong quá khứ, hiện tại;

ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của đất nước, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Có thể hiểu, nông nghiệp là một ngành sản xuất cơ bản đóng vai trò nền tảng trong sản xuất vật chất bao gồm toàn bộ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, khai thác lâm sản, thủy sản nhằm tạo ra lương thực, thực phẩm đáp ứng nhu cầu tồn tại của con người và của xã hội loài người.

Trước hết, trong phát triển kinh tế, nông nghiệp đóng vai trò cung cấp lương thực, thực phẩm cho xã hội. Đây là yếu tố đầu tiên, cơ bản của ngành nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu tồn tại và phát triển của con người và xã hội; góp phần phát triển KT-XH của đất nước. Khi xã hội phát triển, đời sống con người ngày càng phát triển, nhu cầu ngày một gia tăng, đòi hỏi việc cung cấp lương thực, thực phẩm cũng phải gia tăng về số lượng và chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra. Do đó, với mỗi quốc gia để có thể phát triển kinh tế nhanh chóng thì cần phải bảo đảm về an ninh lương thực. Nếu vấn đề an ninh lương thực không được đảm bảo sẽ gây ảnh hưởng đến đời sống xã hội, dẫn đến thiếu những điều kiện để phát triển KT- XH.

Thứ hai, nông nghiệp cung cấp các yếu tố đầu vào, nguyên liệu cho phát triển công nghiệp và các khu đô thị. Sản xuất nông nghiệp cung cấp các nguyên liệu cho phát triển kinh tế nói chung và phát triển công nghiệp nói riêng; đặc biệt là công nghiệp chế biến. Qua đó, giá trị các sản phẩm nông nghiệp được tăng lên, tăng khả năng cạnh tranh góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá.

Thứ ba, nông nghiệp tham gia vào xuất khẩu, làm thị trường tiêu thụ của công nghiệp và dịch vụ. Các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng: nông, lâm thủy sản ngày càng gia nhập vào thị trường quốc tế. Qua đó, sản xuất nông nghiệp góp phần tạo việc làm, nguồn xuất khẩu và thị trường tiêu thụ hàng hoá công nghiệp. Vì thế, nông nghiệp được coi là ngành đem lại nguồn thu nhập ngoại tệ lớn cho quốc gia, đóng góp lớn vào phát triển kinh tế của đất nước.

Phát triển nông nghiệp luôn được đặt trong mối quan hệ giữa nông dân và nông thôn là mối quan hệ mật thiết không thể tách rời. Trong đó, nông dân đóng vai

trò là chủ thể là lực lượng lao động chính và là nguồn lực cơ bản quan trọng trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đây được coi là yếu tố quyết định đến thành quả của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, bởi người nông dân bằng những kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng, sự sáng tạo trong quá trình lao động sản xuất sẽ góp phần nâng cao hiệu quả phát triển nông nghiệp và chất lượng nông thôn. Nông nghiệp được coi là nền tảng, trụ đỡ trong nền kinh tế quốc dân, cung cấp lương thực, thực phẩm, tạo sinh kế cho người dân góp phần phát triển bền vững đất nước. Đồng thời, nông thôn là không gian sinh sống, là môi trường, điều kiện để phát triển nông nghiệp nhằm xây dựng, hình thành nên môi trường hiện đại, văn minh.

Nhằm hiện thực hoá mục tiêu phát triển nông nghiệp, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 19- NQ/TW ngày 16-6-2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định vị trí, vai trò của phát triển nông nghiệp: “Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, trụ đỡ của nền kinh tế”[6]. Đảng ta đã kế thừa và phát triển lịch sử tư tưởng của dân tộc “đĩ nông vi bản” lấy nông nghiệp làm gốc, làm cơ sở. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Việt Nam là một nước sống về nông nghiệp. Nền kinh tế của ta lấy canh nông làm gốc. Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh”[112; 246]. Thực tiễn cho thấy, vai trò “trụ đỡ” của nông nghiệp trong nền kinh tế ngày càng được khẳng định. Từ một nước có nền nông nghiệp kém phát triển đến nay, Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu nông- lâm- thủy sản hàng đầu thế giới. Đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, trong khi các ngành nghề bị ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn được duy trì và đạt được nhiều kết quả, cụ thể: “Năm 2021, sản lượng lúa đạt khoảng 43.52 triệu tấn, tăng 1.7% so với năm 2020; sản lượng thịt hơi các loại đạt khoảng 5.67 triệu tấn, tăng 5.3%; sản lượng thủy sản đạt khoảng 8.6 triệu tấn, tăng 2.4%. Sản xuất

nông nghiệp không chỉ đảm bảo an ninh lương thực cho quốc gia mà các mặt hàng nông, lâm, thủy sản tăng cả về số lượng và giá trị xuất khẩu. Tổng kim ngạch xuất khẩu ngành nông nghiệp dự ước cả năm 2021 đạt kế hoạch đề ra là 42.5 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng của ngành đạt 2.74% và đóng góp 23.54% vào mức tăng chung của toàn nền kinh tế. [10]. Năm 2022 giá trị toàn ngành nông nghiệp tăng 3.36%, mức tăng cao nhất trong nhiều năm gần đây. Trong đó, nông nghiệp tăng 2,88%; thủy sản tăng 4.43%, lâm nghiệp tăng 6.13%; tỷ lệ che phủ rừng trên 42.02%; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 73%. Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản toàn ngành đạt 53.22 tỷ USD, tăng 9.3% so với năm 2021; thặng dư thương mại trên 8.5 tỷ USD, chiếm hơn 75% tổng giá trị xuất siêu của toàn nền kinh tế”[16]. Đến năm 2025, “GDP tăng trưởng đạt 8,02% so với năm trước; trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp năm 2025 ước tăng 3,48% so với năm trước, đóng góp 3,59% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 5,70% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,38%; ngành thủy sản tăng 4,41%, đóng góp 1,33%. Về cơ cấu nền kinh tế năm 2025, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,64%; diện tích lúa cả năm 2025 ước đạt 7,13 triệu ha, giảm 1,1 nghìn ha so với năm 2024; năng suất lúa ước đạt 61,1 tạ/ha, tăng 0,1 tạ/ha; sản lượng ước đạt 43,5 triệu tấn, tăng 88,6 nghìn tấn. Sản lượng lương thực có hạt năm 2025 đạt 47,9 triệu tấn, tăng 96,4 nghìn tấn so với năm 2024, trong đó sản lượng ngô đạt 4,4 triệu tấn, tăng 7,8 nghìn tấn; ính chung năm 2025, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 323,3 nghìn ha, tăng 6,4% so với năm trước; diện tích rừng bị thiệt hại là 1.127,6 ha, giảm 30,7%; sản lượng thủy sản ước đạt 9.947,5 nghìn tấn, tăng 3,0% so với năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 6.116,8 nghìn tấn, tăng 5,1%; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 3.830,7 nghìn tấn, giảm 0,2%”[176].

**Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp*

Trong quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta luôn khẳng định quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH ở nước ta là một quy luật phát triển khách quan, là tất yếu và đáp ứng đòi hỏi thực tiễn phát triển đất nước nhằm hiện thực hoá con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Thực hiện CNH, HĐH trên tất cả các lĩnh vực nói chung và đối với nông nghiệp nói riêng là nhiệm vụ cơ bản, trọng tâm trong chiến lược phát triển KT- XH ở nước ta. Văn kiện Đại hội XIV, Đảng ta đề ra mục tiêu phát triển CNH, HĐH nông nghiệp: “Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hiện đại trong nông nghiệp, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp; phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới”[59; 94].

Thực tế cho thấy, nền kinh tế nước ta xuất phát từ một nền nông nghiệp lạc hậu, với số dân sống ở vùng nông thôn cao và chủ yếu là lao động làm nông nghiệp. Kinh tế nông nghiệp của nước ta vẫn còn thấp kém, chậm phát triển. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cách thức sản xuất nông nghiệp còn chậm; năng suất, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của đất nước. Do đó, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, khoảng cách, sự chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn còn lớn; đời sống vật chất và tinh thần của người dân chưa được cải thiện rõ rệt.

Tuy nhiên, nông nghiệp là ngành có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế của mỗi quốc gia; giải quyết các vấn đề cơ bản: tăng thu nhập cho người dân, giải quyết vấn đề việc làm, xoá đói giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Vì vậy, tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH là một tất yếu, đáp ứng những đòi hỏi thực tiễn đặt ra. Phát triển nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH thực chất là chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp theo hướng phát triển công nghiệp; từ lao động thủ công sang lao động máy móc, ứng dụng khoa học kỹ thuật, các phương pháp canh tác theo hướng hiện đại. Trong suốt quá

trình phát triển KT- XH của đất nước, nông nghiệp Việt Nam đã có những bước chuyển biến phát triển mạnh mẽ, đem lại nhiều thành tựu to lớn; cải thiện đời sống cho nhân dân, giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, góp phần xoá đói giảm nghèo cho người dân. Ngành nông nghiệp tiếp tục phát triển cả về quy mô, trình độ sản xuất và ngày càng khẳng định vai trò, vị thế quan trọng là trụ đỡ của nền kinh tế, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Do đó, CNH, HĐH nông nghiệp có tầm quan trọng đặc biệt trong phát triển nông nghiệp; góp phần xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân. CNH, HĐH nông nghiệp trở thành con đường tất yếu để thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng nền kinh tế phát triển hiện đại.

Có thể nói, công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp là quá trình chuyển đổi cơ bản từ sản xuất nông nghiệp thủ công, kỹ thuật lạc hậu sang sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại một cách toàn diện, mọi mặt của ngành nông nghiệp; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, kỹ thuật hiện đại vào sản xuất nhằm tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao.

CNH, HĐH nông nghiệp cần phải được thực hiện trong tổng thể thống nhất với phát triển nông thôn và nông dân; đảm bảo yêu cầu, mục tiêu theo định hướng XHCN. Tập trung hoàn thiện phát triển LLSX nông nghiệp tiến bộ, tăng cường đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất đảm bảo quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của LLSX. Cũng cố mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo hướng nông dân văn minh - chủ thể của quá trình phát triển; xây dựng nông thôn hiện đại có các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và quy hoạch theo tiêu chuẩn; tiến tới thực hiện hiện đại hoá nông nghiệp là yếu tố then chốt, nền tảng.

CNH, HĐH nông nghiệp cần được tập trung chú trọng đến phát triển các lĩnh vực trong ngành nông nghiệp nhằm tạo ra những chuyển biến cơ bản của ngành nông nghiệp, cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, cụ thể:

Về trồng trọt, ứng dụng công nghệ tiên tiến, máy móc, kỹ thuật hiện đại thực hiện phát triển cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện phát triển của từng vùng, đáp ứng nhu cầu thị trường, phát triển các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn theo những đặc trưng, lợi thế của vùng. Thực hiện có hiệu quả các chính sách quản lý và sử dụng đất trồng lúa, cây lương thực theo hướng linh hoạt, hiệu quả, bảo vệ quỹ đất để phục vụ cho trồng lúa thực hiện mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến, tăng cường sử dụng các sản phẩm hữu cơ trong trồng trọt góp phần bảo đảm phát triển bền vững, bảo vệ môi trường.

Về chăn nuôi, thực hiện phát triển chăn nuôi theo mô hình trang trại thân thiện với môi trường, ứng dụng công nghệ cao nhằm giảm thiểu sức lao động thủ công. Phát triển chăn nuôi hữu cơ, những sản phẩm cho giá trị kinh tế cao, tăng khả năng cạnh tranh. Nghiêm cấm sử dụng những sản phẩm, chất cấm, hóa chất không rõ nguồn gốc trong chăn nuôi, bảo đảm công tác phòng chống dịch bệnh.

Về thủy sản, phát triển hệ thống nuôi trồng thủy sản trên biển và đất liền theo hướng công nghiệp, sinh thái, thân thiện với môi trường; tăng cường kiểm soát dịch bệnh, dư lượng kháng sinh. Thực hiện bảo vệ và khai thác nguồn thủy sản một cách bền vững, đáp ứng tiêu chuẩn; bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia; nghiêm cấm tình trạng khai thác trái phép, bừa bãi làm ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường.

Về lâm nghiệp, thực hiện các biện pháp khai thác và bảo vệ tài nguyên rừng theo quy định, đáp ứng yêu cầu bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế rừng, thực hiện phát triển đi đôi với bảo vệ rừng, bảo đảm phát triển tạo sinh kế, nâng cao đời sống vật chất cho người dân. Chú trọng phát triển những cây gỗ lớn, đem lại giá trị kinh tế cao; bảo vệ rừng phòng hộ và rừng ven biển. Nghiêm cấm và xử lý nghiêm các hành vi khai thác rừng bừa bãi, làm ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường;

Về diêm nghiệp, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, ứng dụng công nghệ tiên tiến hiện đại vào phát triển sản xuất, chế biến, đa dạng hoá sản phẩm muối; có chính sách phù hợp bảo đảm sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân.

Mục tiêu của CNH, HĐH nông nghiệp là hướng đến thực hiện mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng; thực hiện xây dựng một nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản phẩm nông nghiệp có năng suất, chất lượng cao, tăng khả năng cạnh tranh; phát triển bền vững tạo sinh kế cho người dân và bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; xây dựng nông thôn có kết cấu hạ tầng hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức sản xuất phù hợp; gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ; giữ gìn cảnh quan, môi trường sinh thái. Thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp sẽ tạo nền tảng, tiền đề vật chất- kỹ thuật cho xã hội, cải thiện tình trạng kinh tế nông nghiệp lạc hậu, thấp kém sang nền kinh tế nông nghiệp hiện đại, máy móc, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến. CNH, HĐH tạo nền tảng, cơ sở vật chất kỹ thuật cho việc xác lập, củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa và củng cố hệ thống chính trị, tăng cường an ninh quốc phòng ở khu vực nông thôn...

Phát triển CNH, HĐH nông nghiệp cần phải đặt trong mối quan hệ với phát triển nông thôn hiện đại và nông dân văn minh để hướng đến mục tiêu phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Điều đó thể hiện mối quan hệ biện chứng trong phát triển chính sách “tam nông”. Trong đó, nông nghiệp sinh thái đóng vai trò cơ bản, nền tảng hướng đến phát triển kinh tế bền vững. Phát triển nông nghiệp sinh thái là quá trình chuyển đổi nền sản xuất nông nghiệp thủ công sang đẩy mạnh CNH, HĐH phát triển nông nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp nhằm mục tiêu sản xuất các sản phẩm nông nghiệp sạch,

hữu cơ, nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm nông nghiệp; nâng cao đời sống vật chất cho người dân, hướng đến phát triển nông thôn theo hướng xanh, sạch, đẹp. Nông dân văn minh đóng vai trò là chủ thể của quá trình phát triển “tam nông”. Mục tiêu xây dựng và phát triển người nông dân có trình độ chuyên môn, có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển nông nghiệp sinh thái, tạo điều kiện hướng đến xây dựng nông thôn hiện đại. Đồng thời, nông thôn đóng vai trò là không gian, là điều kiện và môi trường để phát triển nông nghiệp sinh thái, nông dân văn minh. Do đó, cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông thôn, phát triển các dịch vụ văn hóa, xã hội nhằm tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái và xây dựng nông dân văn minh.

Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh là mối quan hệ biện chứng tác động qua lại biện chứng với nhau tạo nên hệ sinh thái nông nghiệp bền vững. Trong đó, nông dân đóng vai trò là chủ thể của quá trình phát triển, có tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm tham gia vào quá trình sản xuất, biết ứng dụng những công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất. Do vậy, phát triển nông dân văn minh là điều kiện để đẩy mạnh nông nghiệp sinh thái theo hướng sản xuất bền vững, gia tăng năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Nông nghiệp sinh thái giúp sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững, nâng cao chất lượng nông nghiệp, góp phần nâng cao đời sống vật chất cho nông dân; tạo môi trường sống lành mạnh, thúc đẩy nông thôn phát triển hiện đại, văn minh. Đồng thời, nông thôn hiện đại tạo điều kiện cho nông nghiệp sinh thái phát triển, là điều kiện để xây dựng và định hình lối sống văn minh, văn hóa cho người nông dân. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có mối quan hệ tác động qua lại, biện chứng với nhau tạo thành vòng tròn kép trong đó, phát triển nông dân văn minh nhằm đẩy

mạnh nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp sinh thái tạo ra nông thôn hiện đại, nông thôn hiện đại tạo điều kiện hỗ trợ nông nghiệp sinh thái và phát triển nông dân văn minh. Mỗi quan hệ này thể hiện tư duy đổi mới trong chính sách phát triển “tam nông”, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường.

**Nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp*

Từ những phân tích trên có thể hiểu nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp là nguồn lực con người bao gồm các mặt tâm lực, thể lực, trí lực tham gia vào quá trình sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, ứng dụng máy móc, khoa học- công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp nhằm tạo ra các sản phẩm năng suất, chất lượng, hiệu quả, tăng khả năng cạnh tranh.

Như vậy, NNL CNH, HĐH nông nghiệp phải bảo đảm những đầy đủ các yếu tố về cơ cấu, độ tuổi, trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm chuyên môn, phẩm chất... tham gia vào sản xuất nông nghiệp. Nguồn nhân lực đó phải biết vận hành và ứng dụng hiệu quả máy móc, trang thiết bị khoa học, kỹ thuật hiện đại vào sản xuất, có khả năng thích ứng với những đòi hỏi và thay đổi của tình hình thực tiễn.

2.1.2. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp

**Phát triển nguồn nhân lực*

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, quá trình phát triển nguồn nhân lực gắn liền với sự phát triển của lực lượng sản xuất và các điều kiện kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn lịch sử. Con người vừa là chủ thể sáng tạo ra của cải vật chất và tinh thần, vừa là mục tiêu của sự phát triển xã hội. Vì vậy, phát triển NNL không chỉ là nâng cao số lượng lao động mà quan trọng hơn là phát triển toàn diện năng lực, tri thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và ý thức xã hội của con người.

C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng sự phát triển của con người chịu sự quy định của điều kiện vật chất và phương thức sản xuất. Khi lực lượng sản xuất phát triển, yêu cầu về trình độ, kỹ năng và năng lực sáng tạo của người lao động ngày càng cao, thúc đẩy quá trình đào tạo và hoàn thiện con người. V.I. Lênin tiếp tục khẳng định vai trò quyết định của giáo dục, khoa học – kỹ thuật và việc nâng cao trình độ văn hóa của quần chúng trong công cuộc xây dựng xã hội mới.

Từ đó, chủ nghĩa Mác – Lênin xác định phát triển NNL là quá trình lâu dài nhằm giải phóng con người khỏi sự lạc hậu, phát huy đầy đủ tiềm năng sáng tạo của mỗi cá nhân, tạo ra lực lượng lao động có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và hướng tới mục tiêu phát triển con người toàn diện.

Tiếp cận dưới góc độ liên ngành xã hội học, kinh tế, chính trị học có nhiều quan niệm khác nhau. Theo tác giả Phạm Minh Hạc, phát triển nguồn nhân đó là sự “gia tăng giá trị cho con người trên các mặt như đạo đức, trí tuệ, kỹ năng, tâm hồn, thể lực...làm cho con người trở thành những người lao động có những năng lực phẩm chất mới và cao, đáp ứng được những yêu cầu to lớn của sự phát triển kinh tế - xã hội, của sự nghiệp CNH, HĐH” [76; 285]. Quan niệm này chỉ ra những yếu tố phát triển NNL tập trung vào thể lực và trí lực cho NNL để đáp ứng được những đòi hỏi của quá trình CNH, HĐH đất nước. Tác giả Vũ Văn Phúc cho rằng: “Phát triển nguồn nhân lực là sự biến đổi về số lượng và chất lượng trên các mặt thể lực, trí lực, kỹ năng và tinh thần cùng với quá trình tạo ra những biến đổi tiến bộ về cơ cấu nhân lực” [132; 8]. Với quan niệm này, phát triển NNL được hiểu là phát triển toàn diện về số lượng và chất lượng NNL nhằm tạo ra những biến đổi về NNL.

Theo Tổ chức Liên hợp quốc cho rằng: “Phát triển nguồn lực con người là bao gồm giáo dục, đào tạo và sử dụng tiềm năng con người nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống” [199; 16]. Với

quan niệm này tập trung vào các cách thức nhằm phát triển NNL có phẩm chất, trình độ, kỹ năng tham gia vào quá trình phát triển KT-XH của đất nước.

Như vậy, có thể nói, *phát triển NNL là phát triển con người tạo ra những biến đổi toàn diện về số lượng và chất lượng trong cấu trúc NNL tham gia vào quá trình sản xuất xã hội góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.*

Theo đó, phát triển NNL là một yêu cầu tất yếu của xã hội, là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển KT- XH của đất nước. Phát triển NNL cần được xem xét một cách tổng thể trong toàn bộ cấu trúc NNL:

Thứ nhất, cần phải xem phát triển NNL với tư cách là phát triển nguồn lực con người, là mục tiêu, động lực của sự phát triển đất nước. Do đó, phát triển NNL là hướng đến mục tiêu chủ nghĩa xã hội nhằm tạo ra cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho con người, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải xây dựng con người xã hội chủ nghĩa. Phát triển nguồn lực con người xã hội chủ nghĩa phải hướng đến phát triển toàn diện về năng lực, trình độ, phẩm chất và chuyên môn, có đạo đức, có phẩm chất chính trị- xã hội, tình cảm trong sáng vì mục tiêu: “con người là trung tâm chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển...”[55; 76].

Thứ hai, phát triển NNL hướng đến phát triển con người toàn diện về số lượng và chất lượng; đồng thời, có những chế độ, chính sách phát triển phù hợp nhằm thu hút NNL chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Đồng thời, chú trọng đến yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước: “Phát triển con người toàn diện, đáp ứng yêu cầu mới của phát triển kinh tế- xã hội, khoa học- công nghệ, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”[57; 136] và NNL có khả năng thích ứng và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

Tóm lại, phát triển NNL là hướng đến mục tiêu phát triển NNL chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu Việt Nam trở thành nước phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; tạo đột phá NNL có kỹ năng nghề

cao; hướng đến phát triển con người toàn diện về mọi mặt đức, trí, thể, mỹ hình thành hệ giá trị con người Việt Nam trong thời đại mới; đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp*

Vấn đề phát triển NNL luôn được xem là vấn đề trọng tâm trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Để hiện thực hoá mục tiêu, chiến lược phát triển NNL cần có những chính sách phù hợp với đặc điểm, yêu cầu thực tiễn đặt ra. Phát triển NNL đối với từng ngành nghề, từng lĩnh vực cụ thể đòi hỏi phải có những nét đặc thù, những chủ trương, chính sách phát triển NNL sao cho phù hợp với từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể nhằm tạo ra đội ngũ NNL chuyên môn cao, có trình độ năng lực đáp ứng được đòi hỏi của từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể.

Theo đó, phát triển NNL công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp trước hết phải hướng đến mục tiêu phát triển CNH, HĐH nông nghiệp nhằm xây dựng một mô hình phát triển nông nghiệp hiện đại, sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng các mô hình sản xuất hiện đại; kết hợp CNH, HĐH với phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số nhằm nâng cao chất lượng lao động và hiệu quả ngành nông nghiệp.

Phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp là một trong những bộ phận quan trọng của NNL nói chung của cả nước, lực lượng quan trọng, nòng cốt quyết định đến hiệu quả phát triển KT- XH của đất nước. Trong lĩnh vực nông nghiệp, NNL nông nghiệp là tập trung phát triển người lao động có thể lực tốt, có phẩm chất tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật nông nghiệp cao, nhạy bén, sáng tạo có khả năng thích ứng với những thay đổi thực tiễn và ứng dụng thành tựu khoa học- công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất. Phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp là điều kiện cơ bản đảm bảo cho việc thực hiện hiệu quả mục tiêu Chương trình xây dựng nông thôn mới; điều kiện để xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, năng suất, chất lượng và hiệu quả. Thực tiễn cho

thấy, trong quá trình phát triển CNH, HĐH nông nghiệp, nông dân đóng vai trò quan trọng góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, chuyển đổi căn bản từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hiện đại. Do đó, phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp chính là tạo ra nguồn nhân lực để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp theo hướng công nghiệp; từ lao động thủ công sang lao động máy móc, ứng dụng khoa học kỹ thuật, các phương pháp canh tác theo hướng hiện đại.

Phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp đóng vai trò quan trọng góp phần chuyển dịch cơ cấu nâng cao năng suất, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp, đóng vai trò là “trụ đỡ” của nền kinh tế đất nước; đặc biệt là trong bối cảnh mới.

Như vậy, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp là phát triển nguồn lực con người trong lĩnh vực nông nghiệp về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực (tâm lực, thể lực, trí lực); có thể lực tốt, có phẩm chất, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng ứng dụng khoa học- công nghệ vào sản xuất; góp phần chuyển đổi cơ cấu lao động tạo ra những sản phẩm nông nghiệp năng suất, chất lượng, hiệu quả hướng đến mục tiêu xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

2.2. Chủ thể, nội dung, phương thức phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp

2.2.1. Chủ thể phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Phát triển NNL phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp là một quá trình tổng hợp, lâu dài và có sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau. Mỗi chủ thể giữ một vị trí, vai trò riêng nhưng có mối quan hệ gắn bó, tác động qua lại và bổ trợ lẫn nhau nhằm hình thành đội ngũ lao động nông nghiệp có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển của nền nông nghiệp hiện đại.

Thứ nhất, Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị là chủ thể giữ vai trò lãnh đạo, định hướng và tổ chức thực hiện phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Vì vậy, phát triển NNL được coi là một trong những đột phá chiến lược quyết định sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Quan điểm này được khẳng định nhất quán qua các kỳ Đại hội Đảng. Đại hội XI xác định: “Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh, bền vững đất nước”. Đại hội XII tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho từng ngành, từng lĩnh vực, chú trọng đào tạo, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng thực hành cho người lao động. Đến Đại hội XIII, Đảng đặc biệt quan tâm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực số, nhân lực khoa học - công nghệ và đội ngũ chuyên gia đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp, Đảng xác định phát triển NNL là điều kiện tiên quyết để thực hiện thành công cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và phát triển bền vững. Nghị quyết Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam. Đến Đại hội XIV, Đảng ta một lần nữa nhấn mạnh đến phát triển nông nghiệp: “Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển các vùng sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng và giá trị tăng cao, gắn với chế biến sâu và xây dựng thương hiệu sản phẩm; phát triển các hình thức tổ chức và liên kết sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn; mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản, xây dựng các chuỗi sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm”[59; 93].

Để thực hiện những mục tiêu đó, việc xây dựng đội ngũ lao động nông nghiệp có tri thức, kỹ năng và khả năng làm chủ công nghệ hiện đại là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định.

Trên cơ sở đường lối của Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền trong hệ thống chính trị có trách nhiệm thể chế hóa thành các chiến lược, chương trình, chính sách và giải pháp cụ thể nhằm phát triển NNL nông nghiệp. Thông qua hệ thống pháp luật, cơ chế hỗ trợ đào tạo nghề, khuyến nông, chuyển giao công nghệ, thu hút nhân tài và đầu tư cho giáo dục - đào tạo, Nhà nước tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp.

Thứ hai, người lao động nông nghiệp là chủ thể trung tâm, trực tiếp quyết định chất lượng và hiệu quả phát triển nguồn nhân lực.

Trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, người lao động không chỉ là đối tượng thụ hưởng các chính sách phát triển mà còn là chủ thể trực tiếp tiếp nhận, vận dụng và sáng tạo tri thức vào hoạt động sản xuất. Chất lượng NNL nông nghiệp phụ thuộc rất lớn vào ý thức tự học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng ứng dụng khoa học - công nghệ và tinh thần đổi mới sáng tạo của mỗi cá nhân.

Trước yêu cầu của nền nông nghiệp hiện đại, người lao động cần chuyển từ phương thức sản xuất dựa chủ yếu vào kinh nghiệm sang phương thức sản xuất dựa trên tri thức, công nghệ và dữ liệu. Điều đó đòi hỏi họ phải không ngừng nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực quản lý sản xuất, khả năng tiếp cận thị trường và thích ứng với những biến đổi của môi trường kinh tế số. Chính sự chủ động, tích cực của người lao động là yếu tố quyết định biến các chủ trương, chính sách phát triển NNL thành hiện thực.

Thứ ba, các cơ sở giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là chủ thể trực tiếp đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp.

Các trường đại học, học viện, trường cao đẳng, trung cấp nghề, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và hệ thống khuyến nông giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cho ngành nông nghiệp. Đây là những cơ sở thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật tri thức khoa học - công nghệ mới và hình thành các kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển nông nghiệp công nghệ cao, các cơ sở đào tạo cần đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động và nhu cầu của doanh nghiệp. Đồng thời, tăng cường liên kết giữa nhà trường, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Thứ tư, doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp là chủ thể quan trọng trong sử dụng và phát triển nguồn nhân lực.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất nông nghiệp vừa là nơi sử dụng lao động, vừa là môi trường thực tiễn để đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Thông qua quá trình sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp đặt ra những yêu cầu cụ thể về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong lao động và khả năng thích ứng của người lao động.

Để nâng cao chất lượng NNL, các doanh nghiệp cần chủ động xây dựng chiến lược phát triển nhân lực, tổ chức đào tạo tại chỗ, đào tạo lại và bồi dưỡng thường xuyên cho người lao động. Đồng thời, tăng cường hợp tác với các cơ sở giáo dục, đào tạo nhằm hình thành mô hình đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn của sản xuất. Trong điều kiện phát triển nông nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp còn là lực lượng tiên phong trong chuyển giao công nghệ, phổ

biến các mô hình sản xuất tiên tiến và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thứ năm, gia đình và cộng đồng xã hội là chủ thể có vai trò nền tảng trong phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp.

Gia đình là môi trường xã hội đầu tiên hình thành nhân cách, đạo đức, ý thức lao động và định hướng nghề nghiệp cho mỗi cá nhân. Thông qua chức năng giáo dục, gia đình góp phần tạo dựng những phẩm chất cần thiết như tinh thần trách nhiệm, ý thức học tập, tác phong lao động và khát vọng vươn lên của người lao động.

Bên cạnh đó, cộng đồng dân cư, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội như Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh cũng có vai trò quan trọng trong tuyên truyền, vận động, phổ biến kiến thức khoa học - kỹ thuật, xây dựng môi trường học tập và phát triển nghề nghiệp cho người lao động nông thôn. Đây là những nhân tố góp phần tạo nên hệ sinh thái xã hội thuận lợi cho quá trình phát triển NNL phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp.

Tóm lại, phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp là nhiệm vụ của toàn xã hội, trong đó Đảng và Nhà nước giữ vai trò lãnh đạo, định hướng; các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp giữ vai trò trực tiếp đào tạo, sử dụng và phát triển nhân lực; người lao động là chủ thể trung tâm; gia đình và cộng đồng là nền tảng hỗ trợ. Sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các chủ thể sẽ tạo ra nguồn nhân lực nông nghiệp có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nền nông nghiệp hiện đại, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

2.2.2. Nội dung phát triển triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Để thực hiện được mục tiêu phát triển NNL nói chung và đối với NNL CNH, HĐH nông nghiệp nói riêng cần xác định rõ nội dung trọng tâm trong chiến lược phát triển NNL. Đối với phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp

cần tập trung vào nội dung phát triển phù hợp với đặc thù của ngành nghề nông nghiệp với những yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước nói chung và đối với ngành nông nghiệp nói riêng.

Trong quá trình phát triển KT- XH của đất nước, Đảng ta luôn nhấn mạnh đến vai trò của phát triển nông nghiệp cùng với nông dân và nông thôn là vấn đề trọng tâm, là vấn đề có tính chiến lược góp phần đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Đồng thời, ngành nông nghiệp nước ta luôn thể hiện tốt vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế và có đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển KT- XH của đất nước. Để tạo ra những bước đột phá trong phát triển nông nghiệp, tạo tiền đề để xây dựng đất nước phát triển bền vững. Tại Đại hội XIII, Đảng ta xác định: “Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương cơ cấu lại nông nghiệp... Chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Gắn kết chặt chẽ giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị”[57; 125]. Do đó, cần có những nội dung phát triển NNL nông nghiệp cần phải tập trung vào phát triển về mặt số lượng và chất lượng NNL phù hợp với đặc thù của ngành và những đòi hỏi thực tiễn của ngành nông nghiệp gắn với mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, thông minh, năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Thứ nhất, phát triển về cơ cấu, số lượng NNL nông nghiệp

Phát triển về cơ cấu, số lượng NNL nông nghiệp là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển NNL trong lĩnh vực nông nghiệp. Quá trình CNH, HĐH nông nghiệp đòi hỏi phải có một số lượng NNL dồi dào tham gia trong lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt là trong xu thế hiện nay tỷ lệ lao động tham gia vào lĩnh vực nông nghiệp có xu thế giảm dần, dẫn đến tình trạng thiếu hụt lao động nông nghiệp. Do đó, cần phải xây dựng chính sách, chiến lược phát triển về cơ cấu số lượng NNL nông nghiệp nhằm bảo đảm nguồn

lực lao động cần thiết cho ngành nông nghiệp, đặc biệt là trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH. Cần phải xây dựng lực lượng lao động kế cận qua từng thời kỳ, từng giai đoạn để tránh tình trạng thiếu hụt lao động trong lĩnh vực nông nghiệp ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp.

Thứ hai, phát triển về chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp

Đối với phát triển NNL nói chung và NNL nông nghiệp nói riêng nội dung phát triển về chất lượng NNL được xem là nội dung quan trọng nhằm đáp ứng được đòi hỏi thực tiễn. Chất lượng NNL nông nghiệp chính là những yếu tố cấu thành nên phẩm chất, trình độ, kỹ năng, thể lực của NNL tham gia vào quá trình sản xuất nông nghiệp nhằm tạo nên sự chuyển biến cơ bản trong phát triển nông nghiệp của đất nước.

Về thể lực NNL nông nghiệp, yếu tố về thể lực bao gồm các tiêu chí về: chiều cao, cân nặng, sức khỏe, tuổi thọ, hoạt động cơ bắp, sức lao động dẻo dai của NNL tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp. Để phát triển yếu tố thể lực của NNL cần quan tâm đến phát triển điều kiện vật chất và tinh thần cho NNL tạo cho NNL có một thể lực tốt, tinh thần dẻo dai, sức khỏe tốt tham gia vào sản xuất nông nghiệp; góp phần phát triển thể lực cho đội ngũ NNL nông nghiệp.

Về tâm lực NNL nông nghiệp, yếu tố này nói lên phẩm chất đạo đức của NNL nông nghiệp. Đây là yếu tố quan trọng bao gồm: phẩm chất đạo đức, tình cảm, cách ứng xử, nhận thức được trách nhiệm của cá nhân đối với gia đình, cộng đồng và xã hội; tính kỷ luật, kỷ cương trong lao động những yếu tố này giúp cho NNL hình thành nên nhân cách, giá trị bản thân từ đó điều chỉnh hành vi, nhận thức của cá nhân đối với nghề nghiệp. Trong lĩnh vực nông nghiệp, cần quan tâm đến phát triển yếu tố tâm lực NNL nông nghiệp nhằm tạo ra đội ngũ NNL có phẩm chất đạo đức, nhận thức được trách nhiệm của bản thân, giá trị nghề nghiệp qua đó xác định được đúng đắn hành vi, chuẩn mực và tuân thủ nghiêm những kỷ luật trong lao động.

Về trí lực NNL nông nghiệp, yếu tố trí lực được thể hiện qua trình độ, kỹ năng, chuyên môn của NNL. Đối với NNL nông nghiệp cần tập trung vào các nội dung nâng cao trình độ kiến thức ngành nông nghiệp cho NNL, có kiến thức, trình độ chuyên môn, kỹ năng trong hoạt động sản xuất và phát triển ngành nông nghiệp hình thành nên đội ngũ nông dân tri thức biết áp dụng những thành tựu khoa học- công nghệ vào phát triển nông nghiệp. Đội ngũ NNL nông nghiệp cần có tri thức phát triển tư duy kinh tế nông nghiệp, nắm bắt và phân tích được chuỗi giá trị; biết ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất cụ thể nhưng vận hành cảm biến IoT, sử dụng máy bay không người lái để tham gia vào chăm sóc cây trồng, vật nuôi; có kiến thức ứng dụng công nghệ sinh học với kỹ thuật canh tác hữu cơ, tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp tạo ra sản phẩm nông nghiệp năng suất cao, chất lượng hiệu quả. Đồng thời, có kiến thức, kỹ năng xử lý tình huống, linh hoạt với các điều kiện, hoàn cảnh để tăng khả năng thích ứng, giải quyết các vấn đề trong hoạt động sản xuất nông nghiệp: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu,

Như vậy, nội dung phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp tập trung vào phát triển các yếu tố về cơ cấu, số lượng và chất lượng NNL nhằm tạo ra đội ngũ NNL nông nghiệp đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp tạo nên sự chuyển biến sâu sắc trong lĩnh vực nông nghiệp, hướng đến xây dựng một nền nông nghiệp hiện đại, công nghệ cao.

2.2.3. Phương thức phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Để nâng cao hiệu quả phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp cần chú trọng đến những phương thức phát triển NNL nông nghiệp. Cần có những phương thức phát triển đội ngũ NNL nông nghiệp một cách phù hợp, bám sát yêu cầu, mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH; do đó, cần tập trung vào những phương thức chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, thông qua giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng NNL nông nghiệp.

Đây được coi là phương thức cơ bản, quan trọng trong chính sách phát triển NNL nói chung và NNL nông nghiệp nói riêng. Để nâng cao chất lượng NNL nông nghiệp thì tất yếu phải thông qua giáo dục, đào tạo nhằm tạo ra đội ngũ NNL nông nghiệp chất lượng cao, được đào tạo, có tri thức, thích ứng với yêu cầu phát triển ngành nông nghiệp công nghệ cao của đất nước.

Trước hết, phát triển NNL nông nghiệp cần được thực hiện qua giáo dục, đào tạo ở các cấp, các trường đào tạo. Chú trọng xây dựng hệ thống các trường cao đẳng, đại học, trường nghề nhằm đào tạo ra đội ngũ NNL nông nghiệp có kiến thức chuyên sâu, am hiểu trong lĩnh vực nông nghiệp: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp.

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm, chú trọng đến công tác giáo dục, đào tạo đội ngũ NNL nói chung và đối với NNL nông nghiệp nói riêng; coi đây là phương thức cơ bản, quan trọng để tạo ra đội ngũ NNL có chất lượng đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH ngành nông nghiệp. Tại Đại hội XI, Đảng ta xác định: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ”[55; 32]. Đảng ta nhấn mạnh đến phương thức tập trung vào đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục đào tạo, thường xuyên cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo, kiểm định chương trình đào tạo; coi trọng thực hành, trải nghiệm thực tiễn; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong công tác đào tạo; phát huy tính chủ động tích cực của người học. Tại Đại hội XIII, Đảng ta lại tiếp tục khẳng định: “Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước”[57; 136]. Đến Đại hội XIV, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh: “Tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao theo

chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược”[59; 103].

Bên cạnh đó, đối với mục tiêu phát triển NNL nông nghiệp đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH Đảng ta cũng ban hành Chỉ thị số 37- CT/TW ngày 10- 7- 2024 về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trong đó nhấn mạnh đến vai trò của giáo dục đào tạo: “Đổi mới căn bản công tác hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục phổ thông phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư vấn nghề; tập trung đào tạo lại nguồn nhân lực nông thôn, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ, gắn với bảo tồn, phát huy không gian văn hoá khu vực nông thôn, tận dụng lợi thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thích ứng với quá trình đô thị hoá, già hoá dân số và biến đổi khí hậu, góp phần xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại”[7]. Tập trung quan tâm công tác giáo dục, đào tạo nhằm đào tạo ra NNL nông nghiệp chất lượng cao; đặc biệt các trường đại học, cao đẳng nông- lâm- ngư nghiệp cần tập trung đầu tư vào các ngành đào tạo mũi nhọn như công nghệ sinh học, nông nghiệp cao. Chú trọng gắn kết với nhà trường- doanh nghiệp trong xây dựng chương trình đào tạo và bảo đảm nguyên tắc học đi đôi với hành. Nhấn mạnh đến vai trò của giáo dục đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ NNL chất lượng cao nói chung và NNL nông nghiệp nói riêng, Đảng ta tiếp tục ban hành Nghị quyết số 71- NQ/TW ngày 22-8-2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo nhằm hướng đến thực hiện mục tiêu: “Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao”[8].

Thứ hai, trong giáo dục, đào tạo nhằm phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp cần chú trọng đến tập huấn, nâng cao trình độ, khả năng ứng dụng và chuyển giao khoa học- công nghệ, kỹ thuật cho NNL nông nghiệp. Bởi, muốn phát triển NNL CNH, HĐH cần chú ý đến yếu tố đào tạo trình độ, khả năng ứng

dụng khoa học- công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Đây được coi là nội dung bắt buộc trong phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp. Ứng dụng khoa học- công nghệ, kỹ thuật tiên tiến sẽ là điều kiện cơ bản để chuyển dịch lao động thủ công sang lao động trí tuệ, điều khiển công nghệ; giúp cho NNL có thể vận hành các mô hình “nông nghiệp tuần hoàn”, nông nghiệp thông minh thích ứng với điều kiện thời tiết, tiết kiệm các nguồn tài nguyên đất, nước; sản xuất các sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao (GLObalGAP, EuroGAP...).

Bên cạnh đó, chú trọng đến tập huấn, chuyển giao ứng dụng công nghệ tiên tiến của các nước trên thế giới trong phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp. Việc tập huấn, chuyển giao ứng dụng khoa học- công nghệ tiên tiến đóng vai trò quyết định đến nâng cao chất lượng NNL giúp đội ngũ kỹ sư, chuyên gia nông nghiệp trong nước được tiếp cận với các tiêu chuẩn kỹ thuật cao, tiên tiến trên thế giới, nâng cao năng lực chuyên môn, chuyên sâu cho NNL. Đồng thời, quá trình tiếp thu công nghệ tiên tiến từ các nước trên thế giới giúp cho người lao động hiểu và kiểm soát được chất lượng sản phẩm nông nghiệp từ khâu giống, chăm sóc (IoT), thu hoạch đến bảo quản sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Chuyển giao và tiếp nhận công nghệ tiên tiến từ quốc tế luôn đi kèm với chuyển giao tri thức thông qua các chương trình hợp tác đào tạo. NNL được hướng dẫn trực tiếp từ các chuyên gia, kỹ sư của các nước có nền nông nghiệp hàng đầu (Israel, Nhật Bản) giúp hình thành một lực lượng lao động nòng cốt, biết sáng tạo, làm chủ được công nghệ nhập khẩu để ứng dụng vào thực tiễn phát triển nông nghiệp trong nước. Từ đó, NNL có thể cải tiến, tích hợp và sáng tạo ra các công nghệ mới phù hợp với thị trường nội địa biến nông nghiệp trở thành một ngành công nghệ cao; kích thích tinh thần khởi nghiệp (Startup), thu hút thế hệ trẻ (gen Z, các kỹ sư công nghệ thông tin, công nghệ sinh học) quay về đầu tư và cống hiến cho nền nông nghiệp.

Đồng thời, cần thực hiện chính sách bồi dưỡng NNL; tổ chức các lớp bồi dưỡng học tập ngắn hạn, dài hạn nhằm nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng, xử lý tình huống và thích ứng với những biến đổi thực tiễn cho NNL nông nghiệp; bồi dưỡng đội ngũ nhà quản lý, cán bộ làm công tác khuyến nông để nâng cao kiến thức kỹ năng giúp chuyển giao nhanh chóng hỗ trợ người dân trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp cho đội ngũ cán bộ làm công tác nông nghiệp và người lao động.

Thứ hai, thông qua chính sách sử dụng, thu hút và đãi ngộ NNL nông nghiệp.

Phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp cần phải quan tâm đến chính sách sử dụng, thu hút và đãi ngộ NNL nông nghiệp. Theo đó, cần xây dựng và triển khai chính sách sử dụng, thu hút và đãi ngộ NNL nông nghiệp một cách hợp lý thoả đáng, tạo lập môi trường thuận lợi cho NNL yên tâm làm việc và cống hiến.

Triển khai chính sách thu hút, tuyển dụng NNL phù hợp với lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là đối với NNL nông nghiệp được đào tạo bài bản, có trình độ cao; ưu tiên tuyển dụng đặc cách với nguồn nhân lực có thành tích xuất sắc vào làm tại các cơ quan Nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp; hạn chế tình trạng tuyển trái ngành nghề, không đúng chuyên môn gây ảnh hưởng đến chất lượng NNL. Chú trọng đến thực hiện chính sách hỗ trợ NNL công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện khó khăn.

Đồng thời, cần có cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực nông nghiệp có trình độ chuyên môn làm việc, tham gia vào các chuỗi dự án liên kết với doanh nghiệp; tránh tình trạng “chảy máu chất xám”. Ưu tiên đặt hàng các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng cao của các chuyên gia, nhà khoa học tạo động lực cho các chuyên gia, nhà khoa học nghiên cứu ra các sản phẩm có tính ứng dụng cao vào sản xuất nông nghiệp. Tạo điều kiện cho cán bộ làm công tác chuyên môn tham gia học tập, bồi dưỡng các khoá ngắn hạn tại nước ngoài để tiếp thu, cập nhật những công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp và tham gia học hỏi kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh đó, cần có chính sách đãi ngộ, thực hiện chế độ lương, thưởng, bảo hiểm, nhà ở và phúc lợi xã hội cho người lao động. Quan tâm cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động để tạo điều kiện cho người lao động yên tâm cống hiến và phát huy hết khả năng, sức sáng tạo của người lao động. Tạo lập môi trường thuận lợi, tăng cường đầu tư, cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, phòng thực hành, thí nghiệm để có điều kiện tốt nhất làm việc. Khuyến khích các doanh nghiệp nông nghiệp áp dụng chế độ đãi ngộ gắn với cổ phần hoặc lợi nhuận từ các dự án, trang trại. Thực hiện quan tâm, cải thiện môi trường sống nông thôn; đầu tư cơ sở hạ tầng, hiện đại hoá nông thôn nhằm rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn; tạo động lực cho nguồn nhân lực trẻ không cảm thấy bị “tụt hậu” hoặc “khó khăn” khi về nông thôn. Thực hiện những chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân, nhà khoa học, người nông dân có thành tích, có đóng góp trong ngành.

Có thể nói, để phát triển NNL nói chung và NNL CNH, HDH nông nghiệp nói riêng cần triển khai những phương thức phù hợp, linh hoạt và kết hợp các phương thức phù hợp với đặc thù của ngành, từng lĩnh vực và thực tiễn phát triển NNL của từng ngành, lĩnh vực, địa phương nhất định để có những cách thức phát triển cho phù hợp. Đối với NNL CNH, HDH nông nghiệp cần phải hướng đến mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, thông minh để từ đó có những chính sách phát triển NNL nông nghiệp chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển KT- XH của đất nước và địa phương.

2.3. Những yếu tố tác động đến phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh

2.3.1. Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý tỉnh Tây Ninh

**Về vị trí địa lý*

Tây Ninh là tỉnh nằm trong vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với diện tích 4.041,25km²; phía Tây và Bắc giáp Vương quốc Campuchia với đường biên giới dài 240km và ba cửa khẩu quốc tế (Mộc

Bài, Xa Mát, Tân Nam), 3 cửa khẩu chính, 10 cửa khẩu phụ; phía đông giáp với tỉnh Bình Dương và Bình Phước, phía Nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An. Bên cạnh đó, tỉnh có các trục giao thông quan trọng như đường Xuyên A, Quốc lộ 22B... Các dự án giao thông quan trọng đi qua tỉnh sẽ khởi động trong tương lai như: đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Gò Dầu - Thành phố Tây Ninh - Xa Mát, sân bay nội địa Dương Minh Châu... Tây Ninh đang trở thành giao điểm của trục hành lang kinh tế - đô thị quốc gia - quốc tế chạy từ phía Bắc dọc theo bờ biển Việt Nam kết nối Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, qua cửa khẩu Mộc Bài của Tây Ninh đến thủ đô Phnôm Pênh - Vương quốc Campuchia và các nước ASEAN; Trục hành lang Kinh tế quốc tế từ TP. Hồ Chí Minh chạy suốt từ phía Nam Tây Ninh qua cửa khẩu Xa Mát của Tây Ninh đến Campuchia; Trục hành lang kinh tế quốc gia, theo đường Hồ Chí Minh nối Vùng Tây Nguyên giàu khoáng sản và cây công nghiệp với Đồng bằng Sông Cửu Long giàu nông thủy sản.

Với đặc điểm vị trí địa lý đã tạo điều kiện thuận lợi cho Tây Ninh có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, mở rộng giao thương với khu vực và mở ra những triển vọng lớn tác động mạnh mẽ đến sự phát triển KT - XH của tỉnh và khu vực; thu hút phát triển các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, thân thiện với môi trường ở các khu kinh tế Cửa khẩu, khu công nghiệp để dễ dàng tiếp cận hơn với thị trường trong nước và xuất khẩu; cung ứng các dịch vụ cho hoạt động thương mại biên giới, thu hút các nguồn hàng từ bên ngoài để cung ứng cho thị trường trong nước và tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ logistic... Bên cạnh đó, cũng đặt ra những thách thức lớn cho phát triển KT - XH tỉnh Tây Ninh, đòi hỏi tỉnh phải xây dựng chính sách phát triển KT - XH phù hợp với đặc thù của tỉnh và xây dựng đội ngũ NNL chất lượng cao đáp ứng thực tiễn phát triển KT - XH của tỉnh Tây Ninh.

**Về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên*

Tây Ninh là tỉnh có địa hình tương đối bằng phẳng, khí hậu tương đối ôn hoà, ít chịu ảnh hưởng của bão lũ và những yếu tố bất lợi khác. Nguồn nước dồi dào nhờ có hai con sông lớn và sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông, nguồn nước ngầm của Tây Ninh khá lớn, phân bố rộng khắp trên địa bàn tỉnh với tổng lưu lượng khai thác được khoảng 50- 100m³/ giờ. Vào mùa khô có thể khai thác nước ngầm, đảm bảo chất lượng cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp, công nghiệp. Hệ thống thuỷ lợi từng bước được kiên cố hoá đảm bảo năng lực tưới tiêu, kết hợp với phát triển hệ thống kênh nội đồng, nhằm tận dụng công năng tối đa của hệ thống thuỷ lợi hồ Dầu Tiếng- công trình thuỷ lợi lớn nhất cả nước (diện tích 27.000ha, dung tích 1,5 tỷ m³ nước có khả năng tưới tiêu cho 185.700 ha đất nông nghiệp. Đồng thời, Tây Ninh cũng là tỉnh có số lượng cây nông nghiệp, cây lương thực, cây công nghiệp, rau củ quả lớn.

Những điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên tỉnh Tây Ninh đã tạo điều kiện thuận lợi cho Tây Ninh phát triển nông nghiệp đa dạng, phong phú; đặc biệt là các loại cây công nghiệp, ăn quả, dược liệu và chăn nuôi gia súc, gia cầm trên quy mô lớn. Với những đặc điểm thuận lợi về điều kiện tự nhiên, đất đai bằng phẳng, khí hậu ôn hoà, không bị hạn hán, lũ lụt và các yếu tố bất thường đã tạo điều kiện cho Tây Ninh trở thành điểm đầu tư phát triển nông nghiệp lý tưởng; tỉnh có điều kiện để phát triển các ngành nông nghiệp chủ yếu: phát triển nông nghiệp gắn với vùng nguyên liệu hình thành các vùng chuyên canh gắn với xây dựng các nhà máy chế biến nông sản tại chỗ: mía, khoai, mì, sao su... tạo cho Tây Ninh có nhiều tiềm năng để phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản. Đồng thời, Tây Ninh có điều kiện tập trung phát triển các ngành nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái bền vững, phát triển chuỗi nông sản sạch, hữu cơ; phát triển chăn nuôi quy mô lớn, áp dụng công nghệ cao; gắn trồng trọt với công nghiệp chế biến thức ăn nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh, bền vững của tỉnh.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi cho Tây Ninh phát triển nông nghiệp thông minh, hiện đại, bền vững cũng đặt ra những thách thức đối với phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh. Phát triển đi đôi với bảo vệ nguồn tài nguyên phục vụ cho phát triển nông nghiệp; việc giải quyết các vấn đề, mâu thuẫn trong quá trình phát triển nông nghiệp đó là bảo đảm cảnh quan môi trường, sinh thái với đảm bảo an ninh lương thực; giải quyết các vấn đề về bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu...

Để thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển ngành nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và bền vững tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đòi hỏi phải có đội ngũ NNL có trình độ chuyên môn, có năng lực, kỹ năng, tay nghề, có phẩm chất đạo đức tích cực, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn; đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành và đảm bảo tính kế thừa nguồn lực có trình độ, năng lực. NNL phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về kỹ năng, trình độ, chuyên môn, khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học... vào sản xuất nông nghiệp góp phần phát triển ngành nông nghiệp đi đôi với việc giải quyết các thách thức, khó khăn trong quá trình phát triển để thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp xanh phát triển hài hoà với môi trường, sử dụng tài nguyên hiệu quả, giảm thiểu chất thải; nông nghiệp bền vững canh tác lâu dài, đảm bảo sinh kế cho nông dân hiện tại và tương lai; nông nghiệp giá trị gia tăng chuyển từ nền sản xuất thô sang chế biến sâu, tạo ra những sản phẩm có giá trị cao.

2.3.2. Quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp của tỉnh

CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh tế từ thủ công, lạc hậu sang sản xuất tiên tiến, hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Thực chất, CNH, HĐH là nhằm phát triển yếu tố LLSX trong nền sản xuất xã hội trong đó, con người là chủ thể của quá trình sản xuất đóng vai trò quan trọng. Quá trình đẩy mạnh

CNH, HĐH nói chung và trong lĩnh vực nông nghiệp nói riêng là một trong những yếu tố tác động đến phát triển NNL nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh. CNH, HĐH và phát triển NNL có mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong đó, NNL đóng vai trò là động lực cơ bản, then chốt để thực hiện CNH, HĐH; còn CNH, HĐH là điều kiện, tiền đề để tạo ra những thay đổi mang tính cách mạng, về chất đối với NNL.

Để thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển KT- XH của tỉnh, yêu cầu cần đẩy mạnh CNH, HĐH, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp. Quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp nhằm hướng đến mục tiêu chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp xanh, nông nghiệp hiện đại; bảo đảm sinh kế nông dân, hướng đến phát triển nông nghiệp bền vững. Điều đó, đặt ra yêu cầu cần phải xây dựng NNL đáp ứng yêu cầu sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh, quá trình này tác động đến NNL một cách toàn diện về mọi mặt từ cơ cấu, số lượng và chất lượng NNL.

Quá trình CNH, HĐH nông nghiệp với việc tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo đã tác động đến NNL tạo động lực cho người lao động phải nâng cao chất lượng bản thân; thúc đẩy tri thức hóa người lao động, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo có trình độ chuyên môn, kỹ thuật; hình thành các năng lực mới như tư duy phản biện, khả năng thích ứng và làm chủ công nghệ. Đồng thời, giúp NNL hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, có tinh thần và tính kỷ luật trong lao động, tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình sản xuất; có tinh thần, ý thức trách nhiệm trong lao động. Bên cạnh đó, quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tiến bộ, thay đổi mạnh mẽ phân bổ lao động theo các ngành nghề, lĩnh vực. Trong nông nghiệp, CNH, HĐH tạo nên sự chuyển biến rõ rệt trong các ngành, làm rút bớt số lượng lao động từ khu vực nông nghiệp sản xuất thô sơ sang khu vực công nghiệp sản xuất và dịch vụ có giá trị gia tăng cao hơn. Đồng thời, tạo ra nhiều ngành nghề mới,

vị trí công việc mới: chuyên gia phân tích dữ liệu, vận hành drone nông nghiệp, chuyên gia logistics xanh...

Bên cạnh đó, quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh cũng tạo ra những thách thức nhất định đối với phát triển NNL nông nghiệp. Thực tế cho thấy, CNH, HĐH nông nghiệp diễn ra càng nhanh sẽ tạo nên áp lực nhất định đối với phát triển NNL nông nghiệp và xuất hiện hàng loạt những vấn đề như: nguy cơ thất nghiệp công nghệ, khi ứng dụng máy móc khoa học kỹ thuật hiện đại sẽ làm tăng năng suất lao động, giảm thiểu lao động phổ thông và thậm chí dễ dàng bị thay thế; sự phân hóa giàu nghèo diễn ra khi thị trường lao động bị phân hóa thành nhóm có trình độ cao có thu nhập cao và nhóm lao động có kỹ năng thấp sẽ có thu nhập kém hơn tạo ra những khoảng cách giàu nghèo trong xã hội. Bên cạnh đó, quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp cũng tạo ra những áp lực nhất định đối với NNL khi làm việc trong môi trường công nghiệp, áp lực nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng của NNL để đáp ứng đòi hỏi của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh.

Có thể thấy, quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh tác động không nhỏ đến quá trình phát triển NNL nông nghiệp, tạo ra những thời cơ và thách thức nhất định. Do đó, cần phải nhận thức được những tác động của quá trình CNH, HĐH nông nghiệp ở cả hai phương diện để có những chủ trương, đường lối, chính sách phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh trong phát triển nông nghiệp của tỉnh, thực hiện vai trò “bệ đỡ” và “động lực” để chuyển dịch nông nghiệp từ chiều rộng sang chiều sâu; phát triển hài hòa gắn kết chặt chẽ giữa “công nghiệp chế biến” với “vùng nguyên liệu nông nghiệp” để tạo nên chuỗi giá trị bền vững. Đồng thời, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, bảo đảm sinh kế cho người dân hướng đến phát triển nền nông nghiệp xanh, nông nghiệp bền vững.

2.3.3. Những chủ trương, đường lối, chính sách của tỉnh

Nhận thức rõ tầm quan trọng của phát triển NNL đối với sự nghiệp phát triển KT- XH của đất nước nói chung và đối với tỉnh Tây Ninh nói riêng. Trong những năm qua, tỉnh Tây Ninh luôn đề ra những chủ trương, chính sách nhằm phát triển NNL nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh. Đặc biệt, để phát huy được tiềm năng, thế mạnh của vùng trong lĩnh vực nông nghiệp, tỉnh đặt ra yêu cầu cần phải xây dựng đội ngũ NNL nông nghiệp chất lượng cao trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp.

Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển NNL nói chung và phát triển NNL nông nghiệp nói riêng. Trong đó, có Quyết định số 1944- QĐ/UBND, ngày 22- 9-2022 về Ban hành Đề án “Phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất lượng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030” nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực công. Trong đó, chú trọng xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài; thực hiện phân bổ NNL, chính sách sử dụng, đãi ngộ với NNL, chính sách bảo hiểm, tiền lương; nhằm tập trung nâng cao chất lượng NNL nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, tỉnh ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển NNL và đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, coi đó là hai nhiệm vụ then chốt góp phần đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp. UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 2029- QĐ/UBND ngày 20-9-2019, phê duyệt Đề án “Phát triển chuỗi giá trị và cụm ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh”; Kế hoạch số 2384- KH/UBND ngày 29-7-2022 về thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Kế hoạch số 3808- KH/SNN ngày 24-8-2023 triển khai thực hiện nhiệm vụ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định

số 1378/QĐ- UBND ngày 04-7-2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 942-QĐ/UBND ngày 14-5-2024, phê duyệt sửa đổi, bổ sung nội dung Đề án Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 94/QĐ- UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh. Đồng thời, để thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển nông nghiệp, Tỉnh ủy Tây Ninh đã ban hành Kế hoạch số 241- KH/TU ngày 19-9-2024 về thực hiện Chỉ thị số 37- CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn nhằm tiếp tục đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đảm bảo thực chất, có hiệu quả, có kỹ năng nghề, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, ngành nghề và đáp ứng yêu cầu phát triển KT- XH, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Các cấp Ủy, chính quyền tập trung xây dựng chương trình, mục tiêu kế hoạch với từng địa phương nhằm tăng cường đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp CNH, HĐH đất nước nói chung và của tỉnh Tây Ninh nói riêng. Tỉnh không ngừng thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển NNL trong đó có NNL nông nghiệp CNH, HĐH; tập trung phát triển đội ngũ NNL nông nghiệp chất lượng cao có trình độ chuyên môn, có khả năng ứng dụng khoa học- công nghệ, có kỹ thuật, tay nghề cao thích ứng được những thay đổi thực tiễn. Những chủ trương, chính sách phát triển NNL nông nghiệp chất lượng cao là điều kiện, yếu tố tác động đến hiệu quả phát triển NNL nông nghiệp CNH, HĐH ở tỉnh Tây Ninh; phát huy tiềm năng, thế mạnh nông nghiệp của tỉnh và góp phần thúc đẩy phát triển KT- XH ở tỉnh Tây Ninh.

2.3.4. Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế

Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế có tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và đối với phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh nói riêng đòi hỏi tỉnh phải nỗ lực thực hiện đầy mạnh quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế.

Quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp tỉnh cũng có những kết quả nổi bật, ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đã đạt được một số thành tựu đáng kể, tư duy sản xuất thay đổi, cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch từ trồng trọt, chăn nuôi nhỏ lẻ sang ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến với quy mô lớn, bước đầu hình thành chuỗi liên kết sản xuất- tiêu thụ trên các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh; cơ cấu cây trồng chuyển từ cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp (lúa, mía) sang các cây trồng có hiệu quả kinh tế cao và có tiềm năng phát triển (cây ăn quả, rau...). Tuy nhiên, để cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao hiệu quả quá trình CNH, HĐH nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững nhằm thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp sinh thái, bền vững; cải thiện chất lượng nông thôn và nông dân hiện đại cần có chiến lược định hướng phát triển các cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh; hình thành các chuỗi liên kết sản xuất- tiêu thụ nông sản bền vững, chú trọng phát triển kinh tế hợp tác, đổi mới công nghệ chế biến. Quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp tỉnh Tây Ninh đòi hỏi cần phải quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng đồng bộ phục vụ định hướng phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp công nghệ cao; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

Trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nói chung và CNH, HĐH nông nghiệp nói riêng, tỉnh Tây Ninh đã xây dựng nhiều chiến lược nhằm phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh; tăng cường đầu tư và phát triển khoa học công nghệ và phát triển NNL chất lượng cao. Chú trọng phát triển NNL ở các vị trí lãnh đạo, quản lý, chuyên gia có trình

độ chuyên môn, kỹ năng, có phẩm chất chính trị nhằm tăng cường đẩy mạnh phát triển KT- XH tỉnh Tây Ninh nhanh và bền vững đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; xây dựng và phát triển NNL nông nghiệp có trình độ góp phần vào phát huy được tiềm năng, thế mạnh nông nghiệp của tỉnh nhằm mục tiêu chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp xanh, bền vững, đảm bảo sinh kế cho người dân và bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

Do vậy, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế cũng đã tác động không nhỏ đối với vấn đề phát triển NNL nói chung và phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp; góp phần đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH của tỉnh và trên cả nước. Do đó, cần xây dựng đội ngũ NNL nông nghiệp chất lượng cao. Bên cạnh đó, Tây Ninh là tỉnh có rất nhiều tiềm năng, thế mạnh cho phát triển nông nghiệp, tạo nên những giá trị riêng biệt của tỉnh; đòi hỏi cần phải có đội ngũ NNL có kỹ năng, trình độ, biết áp dụng những công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp để tạo ra những sản phẩm năng suất, chất lượng góp phần tăng cường xúc tiến đầu tư thương mại, mở rộng và tạo thị trường tiêu thụ nông sản; góp phần xây dựng thương hiệu sản phẩm, nâng tầm các sản phẩm OCOP của tỉnh và gắn kết các sản phẩm OCOP với du lịch nông thôn.

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo ra những thời cơ và thách thức đối với phát triển KT- XH nói chung và đối với phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh nói riêng. Vì vậy, tỉnh Tây Ninh cần có những chủ trương, chính sách phát triển NNL nông nghiệp nhằm đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn phát triển nông nghiệp của tỉnh, phát huy được những tiềm năng, thế mạnh nông nghiệp của tỉnh. Đồng thời, quan tâm giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh nhằm thực hiện mục tiêu phát triển KT- XH tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 2

Nguồn nhân lực và phát triển NNL nói chung và NNL nông nghiệp chất lượng cao nói riêng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển KT- XH của đất nước và đối với tỉnh Tây Ninh nói riêng. Trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, để phát triển toàn diện, đồng bộ, Đảng, Nhà nước luôn chú trọng đề ra những chủ trương, đường lối phát triển NNL đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Chương 2, luận án tập trung chủ yếu nghiên cứu cơ sở lý luận về NNL, phát triển NNL; CNH, HĐH; NNL nông nghiệp, phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp. Trên cơ sở đó, làm rõ quan niệm, đặc điểm và tính tất yếu của quá trình CNH, HĐH; chủ thể, nội dung, phương thức của phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp; những yếu tố tác động đến phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở nước ta nói chung và ở tỉnh Tây Ninh nói riêng.

Trong quá trình xây dựng chủ trương, chính sách phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh cũng có sự tác động của một số yếu tố tạo ra những thuận lợi và khó khăn nhất định; đặc biệt là những hạn chế, bất cập ảnh hưởng đến sự phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Do đó, dựa trên những phân tích về cơ sở lý luận về NNL, phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp chính là cơ sở để luận án đi vào phân tích, đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh hiện nay; từ đó có những giải pháp phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp sao cho phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của tỉnh nhằm phát huy tối đa những tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH.

Chương 3

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH TÂY NINH- THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Khái quát về tình hình phát triển nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh

3.1.1. Về tình hình phát triển nông nghiệp

Tây Ninh là tỉnh nằm ở phía Bắc khu vực Đông Nam Bộ và thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có địa hình đặc trưng chuyển tiếp giữa đồi núi thấp xuống đồng bằng châu thổ sông, địa hình khá bằng phẳng, với xu thế thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam; nằm trong vùng nhiệt khí hậu nhiệt đới, cận xích đạo với các ưu thế như: tổng lượng bức xạ cao và ổn định, nhiệt độ bình quân cao đều quanh năm, tổng tích ôn lớn, số giờ nắng nhiều, mưa nhiều, ít bão... Điều này đã tạo cho Tây Ninh những lợi thế trong phát triển nông nghiệp theo hướng thâm canh, tăng vụ, xen canh, gối vụ, ứng dụng công nghệ cao. Tuy nhiên, nắng hạn và những ảnh hưởng của mùa khô kéo dài 6 tháng là một trong những yếu tố cũng có ảnh hưởng nhất định đối với sản xuất nông nghiệp.

Tây Ninh có nguồn nước mặt dồi dào, được cung cấp bởi sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông và hồ Dầu Tiếng (diện tích mặt nước 27.000ha, dung tích 1,58 tỷ m³, cùng hệ thống kênh mương thủy lợi dài 2.062,12km). Năng lực tưới của hệ thống thủy lợi cho sản xuất, chế biến công nghiệp đạt 148.610 ha/năm; vùng tưới triều khu vực ven sông Vàm Cỏ Đông với diện tích là 16.640 ha/vụ; diện tích tưới tiên tiến, tiết kiệm khoảng 34.971 ha; cấp nước công nghiệp khoảng 6,8 triệu m³ đáp ứng cơ bản yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng đáng kể, đặc biệt: “trong 9 tháng đầu năm 2025 tăng 9,52%. Trong đó, khu vực I (nông, lâm, thủy sản) tăng 4,33%;

khu vực II (công nghiệp, xây dựng) tăng 12,76%; trong đó, công nghiệp tăng 13,19%; khu vực III (thương mại, dịch vụ) tăng 8,07%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,19%; với tốc độ này, Tây Ninh đứng đầu vùng Đông Nam Bộ và xếp hạng 8/34 tỉnh, thành trên cả nước”[191]. Tỉnh Tây Ninh tiếp tục khẳng định vai trò trụ đỡ của nền kinh tế tỉnh. Tốc độ tăng trưởng khá cao, đạt bình quân 3, 64%/năm.

Về cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển dịch theo hướng hiệu quả và giá trị kinh tế cao; năng suất, chất lượng lúa ngày càng nâng lên; nhiều vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh và sản xuất theo tiêu chuẩn GAP được hình thành. Chương trình đột phá phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021- 2025 mang lại nhiều kết quả tích cực. Chăn nuôi chuyển dịch mạnh sang mô hình trang trại, gia trại quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn sinh học. Công tác quản lý, phát triển rừng bền vững được thực hiện chặt chẽ, tỷ lệ che phủ rừng đạt 9,75%. Kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp được quan tâm đầu tư. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả và thực chất. Chương trình mục tiêu nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đạt nhiều kết quả, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe nhân dân. Hoạt động sản xuất nông nghiệp duy trì đà tăng trưởng tích cực, chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp tiếp tục được triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra; góp phần tăng năng suất các cây trồng và vật nuôi chủ lực của tỉnh. Trong trồng trọt, “tổng diện tích gieo cấy đạt kết quả cao, tính đến năm 2025 đạt 702,360 ha, đạt 107,4% kế hoạch đề ra, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2024; sản lượng đạt 4,13 triệu tấn, đạt 109,5% kế hoạch, tăng 2%; trong đó, sản lượng lúa chất lượng cao ước đạt 70% tổng sản lượng lúa, tương đương 2,89 triệu tấn”[191]. Các cây trồng chủ lực sinh trưởng, phát triển tốt; sản lượng đạt khá như chanh, thanh long, na... Công tác phòng, chống dịch bệnh

trên cây trồng được quan tâm thực hiện, các sinh vật gây hại trên cây lúa và các cây trồng khác xuất hiện ở mức nhiễm nhẹ, do đó không ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Toàn tỉnh đã triển khai được 13 mô hình thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta lúa chuyên canh chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”, với diện tích 268 ha.

Về chăn nuôi, tình hình chăn nuôi năm 2025 nhìn chung ổn định. Công tác phòng, chống dịch bệnh, công tác tiêm phòng các bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi được quan tâm thực hiện, nhờ đó dịch bệnh được kiểm soát tương đối tốt, không xuất hiện các ổ dịch lớn ảnh hưởng đến phát triển đàn vật nuôi. Hoạt động kiểm dịch động vật và kiểm soát giết mổ được thực hiện chặt chẽ. Tình hình tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi năm 2025 có biến động tăng, giảm nhẹ: giá heo hơi, giá bò thịt, giá vịt thịt hơi tăng so với cùng kỳ; riêng giá gà thịt hơi; giá trứng gà, trứng vịt thương phẩm giảm so với cùng kỳ.

Về nông, lâm, thủy sản, trong năm 2025, hoạt động sản xuất nông nghiệp duy trì đà tăng trưởng tích cực; đã hiệu quả các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ lụt... hạn chế ảnh hưởng mức thấp nhất đến sản xuất, đời sống người dân. Nuôi trồng thủy sản được tập trung chỉ đạo theo khung thời vụ; tình hình tiêu thụ thủy sản thuận lợi, sản lượng nuôi trồng tăng so với cùng kỳ. Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp tiếp tục được triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra; góp phần tăng năng suất các cây trồng và vật nuôi chủ lực của tỉnh; phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp được triển khai hiệu quả, hình thành những chuỗi liên kết sản xuất- tiêu thụ trên các sản phẩm nông nghiệp. Lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản cũng tăng đáng kể, chỉ trong năm 2025, “sản lượng thủy sản thương phẩm thu hoạch tăng 7,8% so với cùng kỳ.; diện tích nuôi thủy sản thương phẩm toàn tỉnh là 9.280 ha, đạt 97,6% kế hoạch và tăng 1,9% so với cùng kỳ; nuôi lồng/ vèo 29.000m³, tăng

16%; tổng diện tích thu hoạch ước đạt 7.890 ha, sản lượng 169.300 tấn, đạt 101% kế hoạch và tăng 7,7%” [191]. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô năm 2024- 2025, trồng cây phân tán, trồng rừng và trồng lại rừng sau khai thác được tập trung triển khai thực hiện. Trong năm 2025, toàn tỉnh xảy ra 10 trường hợp cháy rừng nhưng được phát hiện sớm và chữa cháy kịp thời nên không ảnh hưởng đến cây rừng.

Trong xây dựng nông thôn mới, “toàn tỉnh có 67/82 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 82% số xã toàn tỉnh; 05/67 xã đạt nông thôn mới nâng cao, chiếm 7,5% số xã toàn tỉnh. Toàn tỉnh có 392 sản phẩm OCOP và có 10 điểm trung bày, thương mại sản phẩm OCOP”[191]. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp đạt được nhiều kết quả quan trọng, trong năm 2025, tổng số vốn phân bổ là 16.969,044 tỷ đồng. Đến ngày 29/10/2025, giải ngân 10.972,738 tỷ đồng, đạt 67,66% kế hoạch được giao, đạt 64,66% kế hoạch UBND tỉnh phân bổ. Sản xuất công nghiệp tăng 14, 74%; khai khoáng giảm 8,25%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 15,33%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 2,93%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,42%”[191].

Trong lĩnh vực thương mại- dịch vụ, tăng trưởng rõ rệt nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của tiêu dùng trong tỉnh, “luỹ kế từ đầu năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 206.765 tỷ đồng, tăng 15,6% so với năm 2024. Doanh thu bán lẻ hàng hoá đạt 149.387 tỷ đồng, tăng 16,03%; doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 590 tỷ đồng, tăng 30,58%, ăn uống đạt 21.843 tỷ đồng, tăng 14%; dịch vụ du lịch lữ hành đạt 141 tỷ đồng, tăng 50,87%; doanh thu dịch vụ khác đạt 34.804 tỷ đồng, tăng 14,73% so với năm 2024. Tổng giá trị xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong tỉnh đạt 25,67 tỷ USD, tăng 11,9% tương ứng 2,72 tỷ USD so với năm 2024 và chiếm 3,4% trong tổng trị giá xuất nhập khẩu cả nước. Trong đó, xuất khẩu là 14,59 tỷ

USD tăng gần 10% tương ứng tăng 1,31 tỷ USD; nhập khẩu là 11,08 tỷ USD, tăng 14,6% tương ứng tăng 1,41 tỷ USD so với năm 2024” [191].

Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước gắn kết với thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội. Công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ được đẩy mạnh, phục vụ phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực khoa học, công nghệ đạt được nhiều kết quả khả quan. Hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo được hình thành bước đầu có chuyển biến tích cực. Công tác chuyển đổi số được tập trung triển khai đồng bộ trên cả ba trụ cột (chính quyền số, kinh tế số, xã hội số), tạo chuyển biến rõ nét từ nhận thức đến hành động của hệ thống chính trị và người dân. Hạ tầng số được quan tâm đầu tư, các hệ thống ứng dụng dùng chung được đưa vào vận hành, kết nối đồng bộ với hệ thống của các bộ, ngành Trung ương, phục vụ tốt công tác quản lý, điều hành. Tây Ninh tập trung xây dựng các nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, thúc đẩy phát triển xã hội số; hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung phục vụ chính quyền số, xã hội số của tỉnh hoạt động ổn định, phát huy hiệu quả; hạ tầng viễn thông được quan tâm, phát triển khá đồng bộ, mở rộng vùng phủ sóng, nâng cao chất lượng dịch vụ di động; cung cấp dịch vụ mạng 5G phủ sóng 47/96 xã, phường trên địa bàn tỉnh tính đến năm 2025, đạt 48,95%; 100% người sử dụng, doanh nghiệp có khả năng kết nối internet; quản lý theo dõi 147 nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3.1.2. Về đầu tư hạ tầng phát triển nông nghiệp

Tỉnh Tây Ninh luôn chú trọng quan tâm đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông nghiệp nông thôn, phục vụ sản xuất đời sống dân sinh.

Về hạ tầng thủy lợi, quan tâm đầu tư triển khai thực hiện đảm bảo cấp nước, tưới tiêu, phát triển thủy lợi theo hướng khai thác đa mục tiêu mang lại hiệu quả thiết thực phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp. Giai

đoạn 2020- 2025, “thực hiện 67 dự án với Kế hoạch vốn giao: 1.394,58 tỷ đồng; đến nay, đã triển khai thực hiện 65/67 dự án, trong đó, có 45 dự án đã đưa vào sử dụng, 20 dự án đang triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ của từng dự án, 2 dự án vốn vay ODA; đầu tư, nâng cấp, sửa chữa 272 công trình/ dự án xây dựng tổng kế hoạch vốn 1436,63 tỷ đồng. Diện tích sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được cấp nước tưới tiêu khoảng 152.125 ha; cấp nước công nghiệp khoảng 6,5 triệu m³. Thực hiện kiên cố hóa 53,4 km kênh; nạo vét khoảng 127,6km kênh tiêu phục vụ cơ cấu ngành nông nghiệp, đảm bảo cấp nước tưới ổn định cho trên 28.520 ha và tiêu thoát nước kịp thời khoảng 17.779 ha đất sản xuất nông nghiệp, khơi thông dòng chảy, giải quyết được tình trạng ngập các vùng trũng thấp để chuyển đổi cơ cấu 6.279 ha cây trồng có giá trị kinh tế cao. Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới tiết kiệm nước đến năm 2025 đạt 33%, tăng 4,5% so với năm 2020”[192].

Đồng thời, tỉnh cũng quản lý, vận hành và khai thác “73 công trình cấp nước với tổng công suất thực tế 13.036/23/019 m³/ ngày đêm đạt 55,63% công suất thiết kế, cấp nước cho 25.128/27/791 hộ dân đạt 90,42% số hộ thực tế, đa số công trình cấp nước có công nghệ xử lý nước đơn giản, quy mô, công suất nhỏ, công suất thiết kế từ 50 đến 500m³/ ngày đêm, hoạt động liên tục 16 giờ/ ngày, cấp nước cho khu vực dân cư tập trung từ 50- 500 hộ dân. Trong giai đoạn 2020- 2025, tiếp nhận, quản lý và vận hành hệ thống cấp nước đô thị Mộc Bài với công suất thiết kế 7.000 m³ ngày/đêm, cấp nước cho 3.000 hộ dân và tiếp nhận hộ dân tại các công trình cấp nước tập trung. Đã triển khai thực hiện đầu tư nâng cấp, sửa chữa tại 11 công trình cấp nước với tổng kinh phí khoảng 72.500 triệu đồng đã góp phần đảm bảo công tác cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh. Năm 2025, nâng tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 72%, tăng 16,1% so với năm 2020; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%”[192].

3.1.3. Về xúc tiến đầu tư phát triển nông nghiệp

Trong những năm qua, tỉnh Tây Ninh cũng đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm thúc đẩy hoạt động trong phát triển nông nghiệp, cụ thể: tham gia 24 chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh. Trong giai đoạn 2021- 2025, thực hiện hỗ trợ cấp 140 mã số vùng trồng; trong đó có 121 mã số vùng trồng với tổng diện tích 1.497,53 ha cho loại cây trồng nhãn, chôm chôm, mít, thanh long, dưa hấu, chuối, xoài, chanh không hạt, sầu riêng phục vụ xuất khẩu sang các thị trường như: Trung Quốc, EU, Hoa Kỳ, Úc, New Zealand, Hàn Quốc; cấp 19 mã số vùng trồng với tổng diện tích 159,814 ha cho các loại cây trồng phục vụ nhu cầu tiêu thụ nội địa như lúa, măng cầu, bưởi, mít, sầu riêng, dưa lưới... Đối với hỗ trợ cấp mã số cơ sở đóng gói xuất khẩu, thực hiện hỗ trợ cấp 25 mã số cơ sở đóng gói xuất khẩu trái cây (xoài, chuối, dưa hấu, thanh long, chôm chôm, nhãn, vải, mít, sầu riêng) sang thị trường Trung Quốc, Úc, New Zealand. Đồng thời, trong giai đoạn 2021- 2025, tỉnh cũng thu hút, mời gọi đầu tư trong sản xuất nông nghiệp mang lại nhiều hiệu quả nhất là trong lĩnh vực chăn nuôi góp phần gia tăng quy mô chăn nuôi gia cầm, đàn heo theo hướng tập trung, trang trại lớn, góp phần chung vào tăng trưởng của ngành. Các dự án đầu tư chăn nuôi trang trại quy mô lớn, chuồng lạnh, kín, ứng dụng công nghệ cao phát triển nhanh, chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học, góp phần bảo vệ môi trường; tỉnh hiện có 160 dự án xin chủ trương đầu tư và có 122 dự án được chấp thuận chủ trương. UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 81 dự án nông nghiệp với vốn đầu tư là 7.626 tỷ đồng (35 dự án đang hoạt động, 33 dự án đang triển khai, 13 dự án chưa triển khai); trong đó, có 75 dự án chăn nuôi, 4 dự án trồng trọt và 2 dự án nuôi trồng thủy sản. Tham mưu UBND tỉnh ban hành 02 đề án: *thứ nhất*, Quyết định số 942/QĐ- UBND ngày 14/5/2024 về việc sửa đổi, bổ sung nội dung Đề án kèm theo Quyết định số 94/ QĐ- UBND ngày 12/01/2023 về phê duyệt vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

tỉnh Tây Ninh; *thứ hai*, Quyết định số 1419/ QĐ- UBND ngày 25/7/2024 phê duyệt Đề án Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Tây Ninh. Ngoài ra, thực hiện thu hút, hỗ trợ các dự án đầu tư có quy mô lớn, hiện đại nhằm phát triển chuỗi trồng trọt, chăn nuôi của tỉnh.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp chưa thực sự bền vững, chưa có nhiều đột phá, vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh cũng như giá trị kinh tế mang lại của sản xuất nông nghiệp truyền thống chưa cao; việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm; liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn ít, dẫn tới các chuỗi giá trị sản xuất chưa nhiều, chưa nâng cao giá trị sản phẩm sức cạnh tranh để đáp ứng yêu cầu sự phát triển. Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa, chuyển đổi số còn chậm chưa đáp ứng quá trình chuyển dịch sản xuất. Tình trạng cháy rừng, phát rừng, trộm cắp, vận chuyển nông sản trái phép vẫn còn xảy ra, chưa được ngăn chặn triệt để. Một số dự án đầu tư không duy trì các điều kiện theo quy định để tiếp tục được hỗ trợ làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Mặc dù còn một số tồn tại nhất định, nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên của các cấp Ủy, chính quyền trong thực hiện nhiệm vụ phát triển KT- XH của tỉnh nói chung và đối với phát triển ngành nông nghiệp nói riêng, ngành nông nghiệp của tỉnh vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt đóng góp quan trọng vào sự phát triển KT- XH của tỉnh. Những năm gần đây, thu hút đầu tư vào nông nghiệp nhất là các dự án chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao được tăng cường với nhiều nhà đầu tư chiến lược, có năng lực đóng góp đáng kể vào tăng trưởng ngành nông nghiệp nói riêng và KT- XH của tỉnh nói chung. Ngành nông nghiệp của tỉnh vẫn đóng vai trò là “trụ đỡ” trong phát triển KT- XH của tỉnh, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trong phát triển nông nghiệp. Trong thời gian tới, để thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp

và hiện thực hóa mục tiêu phát triển “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” cần tập trung phát triển các nguồn lực mà trọng tâm là NNL chất lượng cao có phẩm chất, trình độ chuyên môn, kỹ thuật, phục vụ cho phát triển nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh.

3.2. Thực trạng phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh

3.2.1. Những thành tựu

3.2.1.1. Về chủ thể phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Trong quá trình phát triển NNL công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp của cả nước nói chung và của tỉnh Tây Ninh nói riêng yếu tố chủ thể đóng vai trò quan trọng quyết định không nhỏ đến kết quả quá trình phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp, cụ thể:

Trước hết, trong những năm qua, Tỉnh Ủy, UBND luôn phát huy tốt vai trò trong đề ra những chủ trương, đường lối, chính sách về phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh nhằm đáp ứng những đòi hỏi thực tiễn phát triển KT- XH nói chung và phát triển ngành nông nghiệp trong địa bàn tỉnh nói riêng. Nhận thức rõ được vai trò của phát triển NNL nông nghiệp chất lượng cao đối với việc chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp, tỉnh Ủy, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành nhiều văn bản, kế hoạch, đề án nhằm tập trung phát triển đội ngũ NNL nói chung và NNL nông nghiệp nói riêng. Trong đó, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 1944/ QĐ- UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022, Ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất lượng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030; Tỉnh uỷ Tây Ninh triển khai Kế hoạch số 241- KH/TU về thực hiện Chỉ thị số 37- CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Công tác tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND đến các địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân được thực hiện hiệu quả; UBND đã ban hành Hướng dẫn số 2895/ HD- UBND ngày 13/9/2023 về thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên được thực hiện có hiệu quả. Đồng thời, Tỉnh Ủy Tây Ninh cũng ban hành Báo cáo số 230- BC/BCSD ngày 23- 4- 2024 Việc thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất lượng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030. Đồng thời, Tỉnh cũng ban hành nhiều văn bản nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển nông nghiệp đáp ứng điều kiện thực tiễn phát triển KT- XH của tỉnh: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2384- KH/UBND ngày 29- 7- 2022 thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Kế hoạch số 3808- KH/SNN ngày 24- 8- 2023 triển khai thực hiện các nhiệm vụ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 1378/ QĐ- UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 14- 5- 2024, phê duyệt sửa đổi, bổ sung nội dung Đề án Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 94/QĐ- UBND ngày 12/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Công tác tuyên truyền, chính sách thu hút nguồn nhân lực, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp được quan tâm, triển khai một cách kịp thời, tạo điều kiện để người dân trong và ngoài tỉnh tiếp cận được chính sách kịp thời, hiệu quả. Vai trò, trách nhiệm của các địa phương, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền trong việc tổ chức, triển khai được thực hiện hiệu quả; việc quản lý, sử dụng, tạo nguồn đối với đội ngũ NNL ngày càng được quan tâm, chú trọng; quan tâm tuyển chọn của cán bộ tham gia các khoá đào tạo,

bồi dưỡng đảm bảo yêu cầu về chất lượng NNL trước mắt và lâu dài; đồng thời, khuyến khích cho cán bộ học và tự học để đảm bảo trình độ theo quy định; đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp đặt ra.

Thứ hai, đội ngũ nguồn nhân lực, lao động trong địa bàn tỉnh nói chung và đội ngũ nguồn nhân lực nông nghiệp nói riêng luôn nhận thức rõ vai trò trách nhiệm đối với sự phát triển KT- XH của tỉnh. Do đó, luôn tích cực học tập nâng cao trình độ, chuyên môn đáp ứng nhu cầu lao động của ngành nông nghiệp. Đội ngũ người lao động tích cực tham gia học tập nhiều khoá học, bồi dưỡng nâng cao chất lượng NNL, có khả năng nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất thông qua các Chương trình đào tạo nguồn lực cho hợp tác xã (HTX), năng lực quản lý của “Giám đốc hợp tác xã”; tham gia các lớp tập huấn TOT để đào tạo học viên có khả năng tiếp nhận chuyển giao khoa học công nghệ áp dụng vào sản xuất. Do đó, chất lượng NNL ngày càng được tăng lên đáng kể đáp ứng yêu cầu về chất lượng NNL trong nông nghiệp. Đến năm 2025, tổng số lao động của hộ nông, lâm, nghiệp và thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật ở Tây Ninh là 446873 trong đó; trung cấp là 8.189 cao đẳng là 6505, đại học 12.017, thạc sĩ 204 và tiến sĩ là 4 [9; 234].

Thứ ba, các cơ sở giáo dục đào tạo, các trường cao đẳng, đại học luôn thực hiện tốt nội dung chương trình giáo dục đào tạo theo hướng hiện đại; đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, lao động trẻ ở nông thôn muốn khởi nghiệp các kỹ năng về nông nghiệp, kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số nông nghiệp. Các chương trình đào tạo thường xuyên được rà soát, đổi mới, chỉnh sửa đáp ứng được nhu cầu của người học, tăng cường gắn kết với thực hành, thực tế. Đẩy mạnh phát triển nghiên cứu khoa học gắn với chuyển giao, ứng dụng những công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất nông nghiệp. Điền

hình như Trường Cao đẳng Long An tăng cường đẩy mạnh liên kết đào tạo trình độ với trường Cao đẳng kỹ nghệ II đào tạo 69 học sinh nghề Logistics.

Thứ tư, các công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã và đơn vị sử dụng lao động luôn phát huy tốt vai trò trong việc định hướng phát triển, đào tạo lại NNL góp phần nâng cao chất lượng NNL nông nghiệp. Quy mô, số lượng HTX cũng phát triển tăng lên, các lĩnh vực hoạt động được mở rộng, phong phú. Các công ty, doanh nghiệp, HTX thường xuyên đổi mới, tăng cường ứng dụng, chuyển giao những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào quản lý, mô hình sản xuất, kinh doanh, nhằm tăng cường hiệu quả lao động và chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Các công ty, doanh nghiệp tăng cường mở rộng liên kết, trao đổi hợp tác, chuyển giao ứng dụng công nghệ, trao đổi kỹ thuật cho đội ngũ NNL. Do đó, tính đến năm 2025, “toàn tỉnh có 132 HTX nông nghiệp, đạt 114,8% tăng 42 HTX so với năm 2020; có 32/132 HTX ứng dụng công nghệ cao; 90/132 HTX tham gia chuỗi liên kết với doanh nghiệp. Một số mô hình HTX tiên tiến trong nông nghiệp được nhân rộng: HTX Măng Cầu Thanh Tân, HTX chăn nuôi Hiệp Phát, HTX cây ăn trái Bàu Đồn... Thành lập và duy trì sinh hoạt định kỳ 02 Hội quán: Sầu riêng Bàu Đồn tại xã Bàu Đồn và Măng cầu Tây Ninh”[191]. Thông qua các hội quán, người nông dân được chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, mô hình sản xuất hiệu quả; hội quán cũng là kênh trao đổi giữa người dân với chính quyền, đoàn thể, nhà khoa học; giúp hội viên, nông dân, người lao động nắm bắt, tiếp cận thông tin về khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp.

Thứ năm, gia đình luôn thực hiện tốt vai trò định hướng, giáo dục nghề nghiệp cho thành viên trong gia đình tham gia vào các lĩnh vực nghề nghiệp. Giáo dục nâng cao nhận thức về trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng và xã hội, từ đó, mỗi cá nhân người lao động luôn hiểu rõ được ý nghĩa của mỗi ngành nghề, lĩnh vực để tích cực tham gia học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, chuyên môn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân. Do đó, số lượng và chất lượng NNL nông nghiệp cung cấp nguồn lực cho phát

triển ngành nông nghiệp trong tỉnh được tăng lên đáng kể, số lượng lao động được bố trí vào các ngành nghề, lĩnh vực phù hợp với trình độ, khả năng của người lao động giúp giảm thiểu tối đa tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm cho người lao động.

Có thể nói, chủ thể đóng vai trò trong phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh luôn phát huy tốt vai trò, trách nhiệm về mục tiêu phát triển KT- XH của tỉnh nói chung và phát triển nông nghiệp hiện đại của tỉnh trong giai đoạn mới. Do đó, việc thực hiện quyết liệt, triển khai và nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của chủ thể tạo nên những thành tựu đáng kể trong phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp bền vững và nông nghiệp công nghệ cao; thực hiện mục tiêu chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

3.2.1.2. Về nội dung phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Nói đến nội dung phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp là tập trung phát triển về cơ cấu, số lượng và chất lượng NNL nông nghiệp theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp trong địa bàn tỉnh Tây Ninh. Trong những năm qua, Tỉnh uỷ Tây Ninh đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển NNL nông nghiệp chất lượng cao nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển KT- XH của tỉnh, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh nông nghiệp của tỉnh. Phát triển NNL được xem là nhiệm vụ trọng tâm chiến lược của tỉnh đặc biệt là phát triển NNL nông nghiệp đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. NNL nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến rõ rệt về mặt cơ cấu, số lượng và chất lượng NNL, cụ thể:

Thứ nhất, về cơ cấu, số lượng NNL nông nghiệp.

Tính đến năm 2024, tổng số cán bộ, công chức, viên chức là 20.789 người; trong đó, cán bộ, công chức là 2.443 người, chiếm 11,75% so với cán bộ

công chức, viên chức; khối cơ quan đảng, đoàn thể là 832 người, khối cơ quan hành chính nhà nước 1.611 người; cán bộ, công chức cấp xã 1.905 người, chiếm 9,16% so với CBCCVC. Số lượng viên chức là 16.441 người, chiếm 79,08% so với CBCCVC; trong đó viên chức sự nghiệp y tế 2.263 người (tỷ lệ 13,76%), viên chức sự nghiệp giáo dục 12.673 người (tỷ lệ 77,08%) [174]. Với số lượng CBCCVC trong địa bàn tỉnh có thể thấy tỉnh Tây Ninh có đội ngũ CBCCVC bảo đảm được cơ cấu, vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, hầu hết CBCCVC đã được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ theo tiêu chuẩn từng ngành nghề, lĩnh vực, với từng vị trí để đáp ứng yêu cầu công việc; đặc biệt, trong lĩnh vực nông nghiệp đều là những đội ngũ có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm và khả năng thích ứng với đòi hỏi thực tiễn.

Về cơ cấu đội ngũ NNL, xét về độ tuổi, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, độ tuổi dưới 40 tuổi 12.110 người (chiếm 58,25%); từ 41-50 tuổi 5.802 người (chiếm 27,90%); từ 51-60 tuổi 3.140 người (15,10%); trên 60 tuổi 34 người (0,16%); trong đó, NNL nữ là 13.357 người (64,25%); dân tộc thiểu số 250 người (1,20%) [174]. Trong đó, tính đến thời điểm ngày 01/7/2025, tổng số lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo ngành và theo vùng kinh tế như sau: Toàn vùng Đông Nam Bộ “tổng số 674, 551 người, trong đó: nông nghiệp là 641.356 người, lâm nghiệp là 4.960 người và thủy sản là 28.235 người. Toàn tỉnh Tây Ninh có số lượng đơn vị nông, lâm nghiệp và thủy sản là 245.923 trong đó: doanh nghiệp là 153; hợp tác xã 139, hộ lao động là 245.631 hộ”[9; 214]. Tổng số lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản phân theo nhóm tuổi của tỉnh Tây Ninh là 436.732 người, trong đó: lao động dưới 20 tuổi chiếm 1,90%, từ 20 đến dưới 30 tuổi chiếm 14, 39%, từ 30 đến dưới 40 tuổi chiếm 25,89%, từ 40 đến dưới 50 tuổi chiếm 30, 24%, từ 50 đến dưới 60 tuổi chiếm 27,58% [9; 237]. Như vậy, qua số liệu về thực trạng cơ cấu NNL nói chung và NNL nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh có thể thấy, NNL trong độ tuổi lao động của tỉnh đang ở thời kỳ dân số vàng,

chiếm tỷ lệ cao, đây là điều kiện thuận lợi của tỉnh để có lực lượng, đội ngũ NNL trẻ, thuận lợi cho việc lao động, học tập, tiếp thu kiến thức, khoa học kỹ thuật, những công nghệ tiên tiến, tạo điều kiện cho phát triển KT- XH của tỉnh nói chung và trong phát triển nông nghiệp nói riêng. Tính đến năm 2025, số lượng người lao động đến tuổi nghỉ hưu của tỉnh thấp hơn số lượng được tuyển vào làm; số lượng công chức, viên chức được tuyển mới là 3.079 người, số người nghỉ hưu theo chế độ lao động là 2.310 người. Mục tiêu đến năm 2030, tỷ lệ người lao động được bổ sung vào vẫn cao hơn tỷ lệ nghỉ hưu. Điều đó cho thấy, Tây Ninh luôn có những chủ trương, chính sách phát triển về cơ cấu, số lượng NNL để bảo đảm nguồn lao động cho các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh đến năm 2030. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động trên địa bàn tỉnh Tây Ninh không ngừng được tăng lên, tốc độ tăng trưởng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành nghề cũng tăng lên đáng kể và cho thấy sự khác biệt rõ rệt. Tỷ lệ thất nghiệp trên địa bàn tỉnh được cải thiện rõ rệt từ 3,36% năm 2023 xuống 3,19% năm 2024 và 2,92% năm 2025 [174]. Về cơ cấu, số lượng lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh tính đến thời điểm 01/7/2025 là 589.534 hộ trong đó: “nông nghiệp 222.084 hộ, chiếm 37,68%; lâm nghiệp 886 hộ chiếm, 0,15%; thủy sản là 7.285 hộ, chiếm 1,24%. Tổng số hộ nông thôn phân theo nguồn thu nhập nông nghiệp, toàn tỉnh Tây Ninh có 589.334 hộ trong đó, ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 221.853 hộ. Về cơ cấu, số lượng lao động nông thôn phân theo ngành kinh tế, Tây Ninh có tổng số 1.128.701 người trong đó: lĩnh vực nông nghiệp là 430.244 người, chiếm 38,12%; lâm nghiệp là 1.815 người, chiếm 0,16%; thủy sản là 13.593 người, chiếm 1,20%”[9].

Với tỷ lệ này, Tây Ninh có đội ngũ lao động dồi dào, đặc biệt cung cấp nguồn lao động cho phát triển nông nghiệp, ngành nông nghiệp có những kết quả nổi bật sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, phát triển chuỗi giá trị; đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng

công nghệ cao, nông nghiệp sạch có giá trị và hiệu quả cao; với tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn tỉnh năm 2025 đạt 385.200 ha, tăng 0,1% so với năm 2020 (tăng 560 ha); một số cây trồng tăng đáng kể như: cây mè (tăng 4.780 ha), cây sầu riêng (tăng 1.626 ha).

Cơ cấu nhân lực theo khu vực thành thị và nông thôn cũng có sự chuyển dịch mạnh, tỷ lệ lao động tại khu vực thành thị và nông thôn cũng có sự chuyển dịch mạnh theo các năm giai đoạn 2021 - 2025. Sự thay đổi này phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển KT- XH của tỉnh, phản ánh có trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 với tổng diện tích chuyển đổi là 8.827,4 ha, trong đó chuyển đổi các cây trồng hiệu quả kinh tế thấp sang trồng các loại đem lại hiệu quả kinh tế cao từ 3- 6 lần so với cây truyền thống. Giá trị bình quân thu được trên 01 ha đất khi thực hiện chuyển đổi cây trồng đạt trên 130 triệu đồng/ ha/ năm [192].

Bảng 3.1: Số lượng lao động tại thành thị và nông thôn 2021-2025

Tỉ trọng lao động tại	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng số (%)	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
Thành thị (%)	45,4	43,4	42,6	40,4	39,5
Nông thôn (%)	54,6	56,6	57,4	59,6	60,5

Qua đó, có thể thấy về cơ cấu, số lượng NNL tỉnh Tây Ninh có sự gia tăng và chuyển biến tích cực, đặc biệt là đối với NNL trẻ, trong độ tuổi lao động nhằm đáp ứng nguồn lao động phục vụ cho phát triển KT- XH của tỉnh nói chung và đối với lao động trong lĩnh vực nông nghiệp nói riêng đòi hỏi phải có đội ngũ lao động dồi dào, phù hợp với các ngành nghề phát triển nông nghiệp của tỉnh. Tỉnh cũng có những chủ trương, chính sách phù hợp nhằm phát triển số lượng và cơ cấu NNL bảo đảm cung cấp nguồn lực và những đội ngũ kế cận tránh trường hợp thiếu hụt NNL trong các lĩnh vực và trong nông nghiệp.

Thứ hai, về chất lượng NNL nông nghiệp

Trong giai đoạn 2021- 2025, được sự qaun tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Tây Ninh đã thực hiện tốt mục tiêu, chiến lược phát triển NNL nói chung và NNL trong lĩnh vực nông nghiệp nói riêng. Do đó, chất lượng NNL cũng được quan tâm, đầu tư và đạt được nhiều kết quả bảo đảm yêu cầu, nhiệm vụ phát triển KT- XH của tỉnh trước mắt và lâu dài.

Về trí lực, Các cấp uỷ đảng, chính quyền luôn quan tâm xây dựng đội ngũ NNL đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao; đội ngũ NNL được đào tạo về mặt chuyên môn, nghiệp vụ theo tiêu chuẩn, có tinh thần trách nhiệm, có sức khoẻ, thể lực tốt để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chất lượng NNL nông nghiệp ngày càng được nâng lên, có trình độ chuyên môn, có kỹ năng và được đào tạo bài bản. Tỉnh Tây Ninh có đội ngũ NNL có trình độ, được đào tạo qua các cấp bậc, cụ thể: Theo Báo cáo việc thực hện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất lượng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”. Về trình độ, tính đến năm 2025, tiến sĩ trong tỉnh là 12 người chiếm (tỷ lệ 0,05%); thạc sỹ 1.075 người (tỷ lệ 5,2%); đại học 13.918 người (tỷ lệ 67,46%); cao đẳng 3.335 người (tỷ lệ 15,43%); khác 2.915 người (tỷ lệ 14,02%). Số CBCCVC trình độ sau đại học là 4,91% (trong đó: cán bộ, công chức 426 tỷ lệ 9,79%; viên chức 595 tỷ lệ 3,61%); cán bộ lãnh đạo diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý 32,48%; cán bộ lãnh đạo diện cơ quan, đơn vị quản lý: 24,97%. Công tác đào tạo sau đại học và thu hút nhân tài đạt kết quả bước đầu: có 470 CBCCVC được hỗ trợ chính sách đào tạo sau đại học (chiếm 45,85% so với đội ngũ CBCCVC có trình độ sau đại học hiện nay). UBND tỉnh đã chọn cử 06 cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý tham gia chương trình đào tạo Thạc sỹ Điều hành cao cấp Chính sách công (liên kết vùng Đông Nam Bộ) tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh [174]. Ngoài ra, tỉnh Tây Ninh tính đến thời điểm ngày 01/7/2025 “có đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã phân theo giới tính là 447 người; trong đó, nam là 336 người, chiếm 75,17%, nữ là 111 người, chiếm 24,83%; phân theo

độ tuổi: dưới 41 tuổi là 68 người, chiếm tỷ lệ 15,21%; từ 41 đến 50 tuổi là 318 người, chiếm tỷ lệ 71,14%; từ 51 tuổi trở lên là 61 người, chiếm tỷ lệ 13,65%” [9; 154]. Toàn tỉnh có “số lượng lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo trình độ chuyên môn, kỹ thuật là 446.873 người, trong đó: lao động chưa qua đào tạo là 296.184 người, chiếm 66,28%; lao động qua đào tạo không có bằng cấp, chứng chỉ là 93.008 người, chiếm 20,81%; lao động có bằng cấp, chứng chỉ đào tạo là 19.708 người, chiếm 4,41%; lao động có trình độ sơ cấp là 11.054 người, chiếm 2,47%” [9; 214]. Về cơ cấu lao động của hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản trong độ tuổi lao động phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật: “lao động có trình độ trung cấp là 8.189 người, chiếm 1,83%; lao động có trình độ cao đẳng là 6.505 người, chiếm tỷ lệ 1,46%; lao động có trình độ đại học là 12.017 người, chiếm tỷ lệ 2,69%; lao động có trình độ thạc sĩ là 204 người, chiếm tỷ lệ 0,05%; lao động có trình độ tiến sĩ là 4 người” [9; 236]. Qua đó, NNL tỉnh Tây Ninh có trình độ, được đào tạo tăng lên đáng kể, có đội ngũ cán bộ chủ chốt có trình độ, chiếm tỷ lệ cao đáp ứng được mục tiêu phát triển nông nghiệp của tỉnh và mục tiêu chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp từ nông nghiệp truyền thống sang kinh tế nông nghiệp góp phần nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp, bảo đảm phát triển bền vững.

Nhằm nâng cao chất lượng NNL phục vụ công tác trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của tỉnh, đáp ứng mục tiêu của Đề án “Phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất lượng cao của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030”, Ban Cán sự đảng, UBND tỉnh đã thống nhất chủ trương (đề nghị Sở Nội vụ cùng với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh) phối hợp với Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành: Khoa học cây trồng, ngành Lâm học cho công chức, viên chức đang công tác trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của tỉnh;

hiện nay, tỉnh có 31 công chức, viên chức đã tham gia đào tạo; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 76,12%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31,01%, vượt kế hoạch năm 2025 đề ra [191].

Nhìn chung, đội ngũ NNL nông nghiệp của tỉnh ngày càng phát triển về chất lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có kỹ năng, kinh nghiệm để tập trung phát triển nông nghiệp của tỉnh. Do đó, ngành nông nghiệp của tỉnh có những bước phát triển, chuyển biến tích cực ở bốn lĩnh vực cơ bản: lĩnh vực trồng trọt, cơ cấu cây trồng phát huy được lợi thế, đáp ứng yêu cầu trong nước và phục vụ xuất khẩu; NNL có trình độ biết áp dụng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, phù hợp với điều kiện sản xuất của nông dân. Lĩnh vực chăn nuôi cũng phát triển mạnh tương xứng với tiềm năng, lợi thế của vùng hướng đến mục tiêu phát triển chăn nuôi hiệu quả, nâng cao năng suất, chất lượng, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Lĩnh vực thủy sản, NNL có trình độ biết áp dụng những công nghệ mới, tiên tiến vào bổ sung tái tạo nguồn lợi thủy sản, khai thác thủy sản theo hướng bền vững đảm bảo phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản; các mô hình nuôi hữu cơ, nuôi sinh thái được áp dụng theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật để nâng cao giá trị và phát triển bền vững. Lĩnh vực lâm nghiệp, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị các loại rừng; phát huy tiềm năng, vai trò của rừng đóng góp vào sự phát triển KT- XH; quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích rừng và đất quy hoạch, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng Tây Ninh giai đoạn 2021- 2030; bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ nguồn nước, tạo cảnh quan, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, có kiến thức ứng phó với biến đổi khí hậu; góp phần xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, văn minh và đảm bảo an ninh- quốc phòng vùng biên giới.

Về thể lực, qua phân tích thực trạng về cơ cấu, số lượng của NNL tỉnh Tây Ninh có thể thấy, NNL tỉnh Tây Ninh có độ tuổi khá trẻ, tỷ lệ người trong độ tuổi lao động cao, có sức khỏe, dẻo dai đây là một thế mạnh về thể lực của

NNL của tỉnh nói chung và NNL nông nghiệp nói riêng. Tình trạng sức khỏe của người dân trong địa bàn được cải thiện rõ rệt, tuổi thọ trung bình của người dân trong tỉnh được nâng lên. Để thực hiện mục tiêu phát triển thể lực NNL của tỉnh, tỉnh Tây Ninh quan tâm đầu tư công tác chăm sóc, khám chữa bệnh, sức khỏe người dân được duy trì, đảm bảo chất lượng, y tế cơ sở được tăng cường góp phần phục vụ tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người dân. Đến năm 2025, tình hình khám, chữa bệnh ngoại trú trong toàn tỉnh đạt 3.379.947 lượt; tổng số điều trị nội trú là 296.087 người. Công suất sử dụng giường bệnh sau sáp nhập là 85%; số ca tử vong toàn tỉnh sau sáp nhập là 215 người [191]. Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm được kiểm soát chặt chẽ và đảm bảo trên địa bàn tỉnh không xảy ra ngộ độc thực phẩm làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân. Chất lượng dân số được cải thiện, công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân được quan tâm, thực hiện có hiệu quả; góp phần cải thiện và nâng cao sức khỏe cho người dân. Tập trung triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 72- NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đến nay, tỷ lệ bác sĩ/ vạn dân đạt 10; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,08%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt 17,1%; hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đề ra.

Qua đó, có thể thấy triển khai tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe, tăng cường thể lực cho người dân trong địa bàn toàn tỉnh góp phần cải thiện sức khỏe, nâng cao thể lực, thể trạng cho NNL nói chung và NNL nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh nói riêng. Đồng thời, nói lên kết quả đã đạt được trong việc triển khai đúng đắn có hiệu quả những chủ trương, đường lối của Đảng về chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Về phẩm chất NNL, xuất phát từ yêu cầu đẩy mạnh phát triển CNH, HĐH nông nghiệp tương xứng với tiềm năng, thế mạnh nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh đòi hỏi người lao động phải luôn nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm

của bản thân và tầm quan trọng của đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp đòi hỏi NNL phải luôn phát huy tinh thần chủ động, tích cực, sáng tạo, cống hiến vào thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh. Nhìn chung, đội ngũ NNL nông nghiệp của tỉnh có phẩm chất chính trị vững vàng, tinh thần trách nhiệm, sáng tạo; được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị; tỷ lệ CBCCVC đã được đào tạo về lý luận chính trị là 10.717 người (tỷ lệ 51,55%), trong đó, cao cấp 1.831 người, trung cấp 3.738 người, sơ cấp 5.148 người [191]. Đội ngũ NNL luôn phát huy được tinh thần, ý thức trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội; nỗ lực thi đua, cống hiến tài năng, tuổi trẻ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển KT- XH của tỉnh. Đồng thời, luôn chủ động, tích cực, tự giác, trau dồi những kiến thức, kỹ năng, học hỏi, tìm tòi sáng tạo và ứng dụng những khoa học- công nghệ tiên tiến vào thực tiễn phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh hướng đến mục tiêu phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao và phát triển kinh tế nông nghiệp; bảo đảm sinh kế cho nhân dân, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; kịp thời thích ứng với biến đổi khí hậu.

Có thể thấy, với sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND và chính quyền các cấp trong thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển KT- XH của tỉnh trong đó có phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp. NNL nông nghiệp của tỉnh ngày càng phát triển về cơ cấu, số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp nhanh, bền vững, hiệu quả, năng suất cao, góp phần bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống, phù hợp với khả năng và điều kiện của tỉnh; phát triển quy mô sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước; phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn; góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

3.2.1.3. Về phương thức phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Nhằm nâng cao hiệu quả phát triển NNL nói chung và NNL nông nghiệp tỉnh Tây Ninh nói riêng là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển KT- XH của tỉnh. Do đó, để nâng cao hiệu quả phát triển NNL, Tỉnh uỷ, UBND đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả phát triển NNL trong địa bàn toàn tỉnh nói chung và NNL nông nghiệp nói riêng. Trong đó, UBND tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 47/ 2022/ NQ- HĐND ngày 09/12/2022 về chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Tây Ninh; Kế hoạch số 1039/KH-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 18/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, UBND tỉnh Tây Ninh vừa ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 18/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ năm 2025 và 2026. Theo đó, để nâng cao hiệu quả phát triển NNL nông nghiệp tỉnh Tây Ninh đã tập trung triển khai có hiệu quả những phương thức chủ yếu thông qua đào tạo, bồi dưỡng; những chính sách sử dụng, thu hút, đãi ngộ NNL nông nghiệp và đạt được những thành tựu như sau:

Thứ nhất, thông qua đào tạo, bồi dưỡng NNL nông nghiệp.

Tỉnh đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng NNL gắn với mục tiêu phát triển nông nghiệp của tỉnh. Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học; các địa phương, cơ quan, đơn vị đã đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí đào tạo sau đại học cho 10 trường hợp (tron đó có 02 tiến sĩ; 8 thạc sĩ). Mạng lưới trường lớp tiếp tục

được sắp xếp và mở rộng, phát triển theo định hướng chất lượng cao; đa dạng hoá các loại hình đào tạo, phát triển hài hoà giữa giáo dục công lập và ngoài công lập. Cơ sở vật chất trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp, đảm bảo yêu cầu chất lượng dạy và học; tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 68,14%. Công tác phổ cập giáo dục, giáo dục thường xuyên, phân luồng học sinh, hướng nghiệp, dạy nghề trong nhà trường tiếp tục được quan tâm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Tây Ninh được triển khai đồng bộ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/2024/ NQ- HĐND ngày 06/12/2024 về chính sách thu hút, hỗ trợ giáo viên tại các cơ sở công lập giai đoạn 2025- 2030; góp phần giải quyết tình trạng thiếu giáo viên. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra- đánh giá và công tác quản lý giáo dục. Tăng cường ứng dụng các nền tảng, phần mềm trong quản trị, tích hợp công nghệ, trí tuệ nhân tạo; triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Triển khai có hiệu quả Chương trình đào tạo NNL đáp ứng phát triển ngành công nghiệp và nông nghiệp của tỉnh; phát triển hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, các ngành nghề trọng điểm theo quy hoạch tỉnh; đẩy mạnh việc liên kết với doanh nghiệp để triển khai tổ chức đào tạo nghề. Đồng thời, thực hiện triển khai có hiệu quả Chương trình đào tạo nguồn lực cho HTX, đào tạo ngành nông nghiệp trong đó có nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tỉnh đã đào tạo được 10 tiến sĩ và 91 thạc sĩ trong nước ở các ngành nông nghiệp, khoa học cây trồng, Thú y, Kinh tế nông nghiệp, lâm học, tài nguyên môi trường; quản lý tài nguyên môi trường, đất đai. Tỉnh đã phối hợp với Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh mở 02 lớp tiếng Anh với 65 học viên, nhằm từng bước nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng nhu cầu phát triển KT- XH trong điều kiện hội nhập hiện nay.

Tỉnh cũng phối hợp có hiệu quả với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tây Ninh, chính quyền địa phương, lồng ghép, tổ chức các buổi tập huấn, thực hiện các chuyên mục thông tin tuyên truyền các nội dung thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi, nước sạch, lâm nghiệp, nông thôn mới, phòng chống thiên tai...) góp phần nâng cao nhận thức cho nhân dân về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Thực hiện bổ sung thông tin về khoa học kỹ thuật cho nông dân, cập nhật các quy định pháp luật cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh vật tư nông nghiệp.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo, ứng dụng chuyển đổi số cho đội ngũ NNL được thực hiện có hiệu quả; xây dựng các công trình dữ liệu hệ thống công trình thủy lợi và triển khai tích hợp cơ sở dữ liệu hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh về Trung tâm IOC của tỉnh; mở các lớp tập huấn nâng cao nhận thức cho đội ngũ NNL về chuyển đổi số; tập huấn và thí điểm phần mềm đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP cho cán bộ phụ trách, các tổ chức, cá nhân, chủ thể OCOP thúc đẩy có hiệu quả kinh tế số trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Năm 2025, tổ chức 11 lớp tập huấn trên địa bàn tỉnh về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực nông nghiệp cho đội ngũ cán bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cán bộ làm việc trong HTX; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đồng thời, áp dụng chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất; thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác đào tạo tại vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để hướng dẫn lao động ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Vì vậy, việc ứng dụng tiên bộ, khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có bước chuyển biến đáng kể, góp phần gia tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất đáp ứng yêu cầu thay đổi đa dạng của thị trường. Hệ thống tưới tiêu tự động và bán tự động được trang bị trong các nhà màng, nhà lưới khoảng 55ha đối với các loại cây: dưa lưới, rau ăn lá, rau ăn quả (35ha), hoa lan (20 ha), sử dụng công nghệ

thiết bị điều khiển thông minh được hiển thị trên điện thoại thông minh và qua các thiết bị cảm biến nhiệt độ, để điều chỉnh lượng nước tưới và điều chỉnh nhiệt độ. Đồng thời, kết hợp hệ thống tưới tiêu tự động kết hợp với việc bón phân và phun thuốc bảo vệ thực vật để phòng trị sâu bệnh hại tránh gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. Ứng dụng phần mềm truy xuất nguồn gốc điện tử (KIPUS) tại tỉnh Tây Ninh, cho 194 tổ chức, cá nhân với tổng diện tích 1.503 ha trên các loại cây bưởi, chuối, măng cầu, xoài, nhãn, táo, bơ... và cấp 50.000 tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho 9 cơ sở (tổ chức, cá nhân) sản xuất cây ăn quả. Hỗ trợ cấp 100 mã số vùng trồng và 21 mã số cơ sở đóng gói trái cây tươi xuất khẩu sang các thị trường như: EU, Hoa Kỳ, Úc, New Zealand và Trung Quốc. Trong đó có 21.289 tem được kích hoạt, tương đương 25,5 tấn sản phẩm được truy xuất. Hỗ trợ chứng nhận VietGAP cho 48 cơ sở sản xuất (HTX, tổ hợp tác, liên kết sản xuất) với tổng diện tích là 1037, 19 ha. Trong đó: hỗ trợ chứng nhận VietGAP trên cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đã có chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP là 23 cơ sở/ 550 hộ/855,32 ha; hỗ trợ chứng nhận VietGAP trên cây rau trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đã có chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP là 25 cơ sở/230 hộ/181,87 ha. Lĩnh vực chăn nuôi có 62 cơ sở được chứng nhận VietGAP (39 cơ sở chăn nuôi heo, 22 cơ sở chăn nuôi gà, 01 cơ sở chăn nuôi bò) [190].

UBND tỉnh cũng tích cực triển khai thực hiện Quyết định số 46/2015/QĐ- TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp; Kế hoạch số 582/KH-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn năm 2025 đạt được nhiều kết quả quan trọng. Năm 2025, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ- Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long tổ chức đào tạo phê duyệt dự toán mở lớp Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) thiết kế bài giảng trực tuyến; Ứng dụng AI trong nâng cao hiệu quả quản lý, đào tạo

tại các cơ sở giáo dục cho 53 nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề tham gia đào tạo lao động nông thôn. Hiện đội ngũ, nhà giáo toàn tỉnh có 1.356 người (1.083 nhà giáo và 273 cán bộ quản lý). Trong đó, có 79 nhà giáo tham gia đào tạo nghề nông thôn. Đội ngũ giáo viên tham gia đào tạo nghề nông thôn cơ bản đủ số lượng, đảm bảo kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và nghiệp vụ sư phạm theo quy định để giảng dạy. Qua đó, góp phần đào tạo đội ngũ lao động nghề tại nông thôn có trình độ, bổ sung kiến thức trong tham gia sản xuất nông nghiệp và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại vào các mô hình sản xuất nông nghiệp: trồng trọt, chăn nuôi, lâm sản, thủy sản của tỉnh [193].

Công tác kiểm tra, giám sát trong triển khai công tác đào tạo cho lao động nghề nông thôn cũng được thực hiện. Ngày 01/8/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch số 434/ KH-SGDĐT về kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2025; Quyết định số 739/QĐ-SGDĐT ngày 20/10/2025 về việc thành lập đoàn kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2025. Qua kiểm tra, giám sát, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã phối hợp với các xã, phường triển khai đào tạo nghề nông thôn cơ bản theo đúng quy định; các lớp đào tạo nghề được tổ chức trực tiếp tại địa bàn các xã, thuận lợi cho việc đi lại của học viên. Các nghề chọn để phụ trách dạy phần lớn phù hợp với nhu cầu của người dân và định hướng sản xuất của địa phương, giúp cho học viên sản xuất kinh doanh nông nghiệp có hiệu quả cao hơn, được người dân đồng tình; điều kiện lớp học về âm thanh, ánh sáng, quạt, bàn ghế, cơ sở vật chất được đảm bảo. Theo đó, năm 2025, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với các xã, phường tổ chức 63 lớp đào tạo nghề cho 1.891/2330 lao động nông thôn, đạt 81,16% so với kế hoạch. Có 42 lớp đào tạo nghề nông nghiệp, với 1.233 học viên các nghề: trồng lúa, ứng dụng công nghệ cao, trồng mai vàng, mai chiếu thủy, trồng rau ứng dụng công nghệ cao, trồng cây ăn quả, cây nấm rơm, trồng nấm

bào ngư an toàn, thú y trên gia súc, thú y trên gia cầm, nuôi dê, nuôi ếch, nuôi heo theo hướng an toàn sinh học, trồng mè, trồng khóm, trồng lúa ứng dụng công nghệ cao, kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh cho gia súc, gia cầm, kỹ thuật khai thác mủ cao su, kỹ thuật trồng trọt và bảo vệ thực vật cây cảnh... Tổ chức đào tạo 21 lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp, với 658 học viên các nghề: kỹ thuật nấu ăn, kỹ thuật pha chế đồ uống, làm rau câu 3D... Trong tổng số 1.891 người tham gia học nghề có 06 người thuộc hộ có công với cách mạng; 07 người thuộc hộ nghèo, 28 người thuộc hộ cận nghèo, còn lại 1.850 lao động nông thôn khác tham gia học nghề. Tổng số lao động nông thôn đã hoàn thành khoa học là 1.891/1.891 người tham gia học nghề đạt 100%; số lao động nông thôn có việc làm sau học nghề là 1.548/1.891 người, đạt 81,86% người lao động tự tạo việc làm là chủ yếu.

Thứ hai, về thu hút, sử dụng và đãi ngộ NNL nông nghiệp. Tỉnh cũng ban hành và triển khai có hiệu quả cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng và đãi ngộ NNL nông nghiệp nhằm tập trung phát triển NNL nông nghiệp, tạo ra đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm để phục vụ cho phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH.

Thực hiện thu hút NNL chất lượng cao trong nông nghiệp, trên cơ sở thu hút nhân tài đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh, chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng NNL nông nghiệp. UBND tỉnh đã ban hành Danh mục thu hút NNL chất lượng cao, nhằm bổ sung nhân lực tỉnh còn thiếu trong các ngành nghề nông nghiệp, trong năm 2023, UBND tỉnh đã quyết định thu hút 02 trường hợp có trình độ thạc sĩ về công tác tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh: 01 trường hợp có trình độ thạc sĩ ngành Khoa học Nông nghiệp Trường Đại học Western Australia vào làm việc tại Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 01 trường hợp có trình độ thạc sĩ ngành Khoa học giáo dục và Đào tạo.

Thu hút, giải quyết và tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn, giảm thiểu tình trạng thất nghiệp cho lao động; triển khai tổ chức có hiệu quả Quyết định số 1919/ QĐ- UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022- 2025; Quyết định số 1184/QĐ- UBND ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2023. Tỉnh cũng ban hành và thực hiện tốt việc xây dựng đề án vị trí việc làm theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp. Qua đó, làm cơ sở để các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng lao động rà soát, sắp xếp và sử dụng lao động đúng vị trí, trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của cơ quan, đơn vị góp phần nâng cao hiệu quả làm việc. Đây được coi là nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện những chủ trương, đường lối của Đảng về rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy hành chính nhà nước để hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Tránh trường hợp chồng chéo, làm việc không đúng vị trí tương xứng với trình độ chuyên môn gây ảnh hưởng đến hiệu quả công việc. Đồng thời, tỉnh cũng triển khai thực hiện chính sách phát hiện ngay từ cơ sở đào tạo như: học sinh có triển vọng từ những năm cuối trước khi tốt nghiệp trung học phổ thông, học sinh đỗ thủ khoa, đạt giải quốc gia, quốc tế; sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện tốt của các cơ sở đào tạo để có những chính sách tạo nguồn, định hướng nghề nghiệp góp phần tạo nên nguồn nhân lực nông nghiệp chất lượng cao của tỉnh.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thi tuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo vị trí việc làm phù hợp với từng ngành nghề, lĩnh vực được đào tạo; đảm bảo hạn chế tối đa hiện tượng làm trái ngành nghề, không đúng chuyên môn trong nông nghiệp. UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị rà soát sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành Đề án “Rà soát, điều chỉnh biên chế gắn với vị trí việc làm công chức cơ quan, tổ chức hành chính thuộc UBND cấp tỉnh ở Tây Ninh”. Quyết

định số 986/ QĐ – UBND ngày 26/4/2023. Nguyên tắc của Đề án là không cắt giảm mang tính bình quân; mức độ tăng, giảm số lượng công việc và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phụ thuộc vào sự thay đổi về khối lượng công việc và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới tương ứng với từng ngành nghề, lĩnh vực nông nghiệp khác nhau. Đồng thời, tập trung nghiên cứu, xem xét tỷ lệ bố trí số lượng giữa các nhóm công chức “quản lý”, “chuyên môn nghiệp vụ” và nhóm “dùng chung” để đề xuất điều chỉnh tỷ lệ phù hợp với nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng biên chế trong lĩnh vực nông nghiệp. Công tác thi tuyển theo vị trí việc làm trong các cơ quan không ngừng được củng cố, đổi mới, bảo đảm tính công khai, minh bạch đối với người lao động; góp phần giảm thiểu những tiêu cực, chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ, củng cố niềm tin và tạo sự đồng thuận trong nhân dân. Rà soát, cập nhật, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị; bố trí, sắp xếp, phân công công chức, viên chức, người lao động theo đúng vị trí việc làm, đảm bảo phát huy hết năng lực, trình độ và sở trường công tác, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tỉnh cũng thực hiện tốt công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, đảm bảo đội ngũ kế thừa; thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, tiếp nhận, chuyển công tác, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác và đảm bảo các chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động đúng quy định, nhằm ổn định tư tưởng, giúp công chức, viên chức, người lao động yên tâm công tác, gắn bó với công việc và tận tâm cống hiến.

Tỉnh cũng triển khai thực hiện tốt chính sách thu hút, tuyển dụng nhân tài theo Nghị quyết số 47/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh, nhất là các lĩnh vực khó tuyển dụng như: nông học, trồng trọt, bảo vệ thực vật, thủy lợi, lâm nghiệp; triển khai xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức trong ngành, tiếp tục xem xét, cử công chức viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng. Đồng thời, tỉnh cũng xây dựng và ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm thu hút NNL có trình độ chuyên môn, nghiệp

vụ, có kết quả học tập từ giỏi, xuất sắc trở lên; có những chế độ khuyến khích cho những người học thạc sĩ, tiến sĩ về công tác tại Tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp; thường xuyên rà soát, thống kê thực trạng về trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nắm bắt và có những chính sách quan tâm giáo dục, đào tạo nhằm xây dựng những đội ngũ kế cận phù hợp với các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Tỉnh ban hành và triển khai chính sách hỗ trợ NNL chất lượng cao để phát triển nông nghiệp; nhiều dự án hỗ trợ phát triển nông nghiệp được triển khai có hiệu quả để người lao động yên tâm làm việc, đầu tư tâm huyết cho phát triển nông nghiệp: Chính sách hỗ trợ vay lãi phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025 theo Quyết định số 21/2019/ QĐ- UBND ngày 17/6/2019 của UBND tỉnh đã phê duyệt 14 Quyết định hỗ trợ dự án với diện tích 234,04 ha, hằng năm thực hiện hỗ trợ theo quy định với tổng kinh phí đã được hỗ trợ là: 6.922/11.418 triệu đồng, đạt 60,6% kinh phí được duyệt. Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đã phê duyệt được 13 dự án trong đó có 12 dự án cấp huyện 01 dự án cấp tỉnh với diện tích 1.758 ha, hằng năm thực hiện hỗ trợ theo quy định với tổng kinh phí đã hỗ trợ là 28.907/54.655 triệu đồng, đạt 52,8% kinh phí được duyệt. Chính sách hỗ trợ việc làm áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2022-2025, theo Quyết định số 18/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh đã hỗ trợ chứng nhận VietGAP trên các loại cây trồng tổng cộng có 59 cơ sở, diện tích 333,7 ha với tổng kinh phí hỗ trợ 1, 972 tỷ đồng trên các loại cây trồng vật nuôi thủy sản. Chính sách hỗ trợ NNL sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo Quyết định số 2375/ QĐ- UBND ngày 25/9/2018, Quyết định ssoo 1201/ QĐ- UBND ngày 05/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh đã hỗ trợ 18,26 tỷ đồng/9.754ha/ 6.264 hộ/ 68 xã. Chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Nghị

quyết số 29/2022/NQ- HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã giao 11,702 tỷ đồng cho 09 huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ thực hiện chính sách năm 2023, 2024 và đã đầu tư kiên cố hoá 01 tuyến kênh thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng với kinh phí là 0,455 tỷ đồng, giải ngân đạt 9,3% so với KH năm 2023; kiên cố hoá 20 tuyến kênh/ 7.809m trong năm 2024; kiên cố hoá 66 tuyến kênh/ 22.601m trong năm 2025. Giai đoạn 2023- 2025 thực hiện chính sách hỗ trợ kiên cố hoá 87/393 tuyến kênh, đạt tỷ lệ 22,13%. Chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước hộ gia đình, giai đoạn 2023- 2025 hỗ trợ lắp đặt hơn 4.168 hệ thống xử lý nước sinh hoạt hộ gia đình nông thôn, tổng kinh phí khoảng 25.008 triệu đồng. Năm 2024, UBND Tỉnh đã giao 6.590 tỷ đồng cho các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ thực hiện chính sách lắp đặt khoảng 1.315 hệ thống xử lý nước sinh hoạt cho hộ gia đình nông thôn và đến năm 2024, giải ngân 1.030, 5 triệu đồng [191].

Bên cạnh đó, Tỉnh Tây Ninh cũng ban hành và triển khai nhiều chính sách hỗ trợ thu hút cán bộ có trình độ, năng lực, chuyên môn trong lĩnh vực về công tác phục vụ phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh; thực hiện tốt chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, thưởng và những phúc lợi xã hội khác để tạo động lực cho người lao động yên tâm cống hiến; thực hiện cơ chế, chính sách khen thưởng kịp thời với những lao động có thành tích xuất sắc trong nông nghiệp và có những phát minh, sáng chế được ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn sản xuất nông nghiệp; tạo động lực môi trường làm việc hiệu quả cho người lao động yên tâm làm việc, cống hiến, thu hút nhân lực có trình độ tại các vùng lân cận để phục vụ cho phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Triển khai đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức gắn với những tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ, vị trí việc làm, tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong lao động. Qua đó, làm cơ sở cho việc xây dựng và ban hành những chủ trương, chính sách phát triển NNL đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển nông nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH của tỉnh.

3.2.2. Những hạn chế trong phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

3.2.2.1. Những hạn chế về chủ thể phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Về các cấp uỷ, tổ chức đảng và hệ thống chính trị nông nghiệp, nhân lực trong lĩnh vực quản lý nhà nước về nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh hiện nay chủ yếu do các phòng ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc đảm nhận. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế như sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa các cấp, công tác thanh tra, kiểm tra còn thiếu hiệu quả và việc áp dụng chính sách trung ương chưa phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương. Đồng thời, một hạn chế còn tồn tại trong đội ngũ CBCCVC nói chung và cán bộ, công chức, viên chức ngành nông nghiệp nói riêng là còn nhiều hạn chế về khả năng kỹ thuật, chuyển đổi số trong công việc nhất là phát triển nông với yêu cầu ngày càng cao về phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hiện đại gắn với chuyển đổi mô hình kinh tế nông nghiệp.

Việc ban hành những chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp còn nhiều hạn chế, chủ yếu mang tính bao quát chung trong toàn tỉnh mà chưa thực sự đi sâu vào đặc điểm, điều kiện của từng vùng, từng địa phương, từng ngành, lĩnh vực cụ thể. Các chủ trương, chính sách ban hành nhưng khi thực hiện chưa thực sự quyết liệt, chưa có trọng tâm, trọng điểm, vì thế, chưa đạt được hiệu quả cao trong chính sách phát triển NNL nông nghiệp của tỉnh. Một số cơ quan, tổ chức chưa thực sự đánh giá đúng mức vai trò phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh, chưa nhận phát huy vai trò nông nghiệp là “trụ đỡ” của nền kinh tế nói chung và đối với sự phát triển KT- XH của tỉnh nói riêng. Chất lượng của một số chủ trương, chính sách về mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao và bền vững trong tỉnh còn nhiều hạn chế, thiếu tính khả thi và và những khả năng dự báo với những thay đổi

thực tiễn trong nước và quốc tế; đặc biệt là những giải pháp đột phá đối với phát triển NNL nông nghiệp của tỉnh.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân trong việc thực hiện những chủ trương, chính sách của tỉnh còn nhiều hạn chế, chưa thực sự được quan tâm đúng mức, còn mang tính hình thức chưa đạt hiệu quả cao. Do đó, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả phát triển NNL phục vụ cho mục tiêu phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Về bản thân nguồn nhân lực nông nghiệp, nhân lực nông nghiệp còn có nhiều hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, số lượng chưa qua đào tạo hoặc đào tạo ngắn ngày không có chứng chỉ còn chiếm tỉ lệ cao, chỉ phù hợp với các loại hình lao động thủ công và dịch vụ bình dân, năng suất thấp, không đáp ứng được yêu cầu đổi mới công nghệ và chuyên môn kỹ thuật cao của ngành nông nghiệp. Sau đại dịch COVID-19, hàng vạn lao động đã chuyển hẳn sang nghề khác, khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tuyển dụng lại lao động có kinh nghiệm. Về kỹ năng chuyên môn của nhân lực nông nghiệp cũng còn nhiều hạn chế, thiếu các kỹ năng đặc thù hắt là ở các vị trí đòi hỏi tay nghề cao như ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, chuyển đổi số và các ngành công nghệ kỹ thuật hiện đại trong nông nghiệp. Chậm thích ứng với chuyển đổi số: Nhiều lao động chậm thích ứng, chậm đổi mới với xu hướng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số trong nông nghiệp. Một số lao động có xu hướng ưu tiên các ngành nghề công nghiệp, dịch vụ và các lĩnh vực phi nông nghiệp chưa thực sự yêu thích và mong muốn làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp nên

Về các cơ sở đào tạo, dạy nghề về nông nghiệp trên địa bàn Tây Ninh,

Nội dung chương trình đào tạo còn dàn trải, mang nặng lý thuyết chưa gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp của tỉnh; chưa có nhiều cơ sở thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm dẫn đến người học không có nhiều điều kiện được áp dụng thực tiễn, thiếu kiến thức thực tế. Năng lực đào tạo

nhân lực nông nghiệp trình độ cao của các cơ sở đào tạo về nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh còn rất hạn chế; chưa thể chủ động cung ứng lao động chất lượng cao phục vụ phát triển nông nghiệp của tỉnh. Trong những năm gần đây, với sự phát triển KT- XH duy trì ổn định với tốc độ cao, hạ tầng cơ sở được xây dựng và hoàn thiện, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh được nâng cao đã từng bước khắc phục được hạn chế này. Việc khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, tham gia vào lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề còn gặp khó khăn. Mặc dù tỉnh cũng đã có cơ chế, chính sách nhằm thu hút các doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực dạy nghề, nhưng doanh nghiệp chỉ quan tâm nhiều đến đào tạo lại cho người lao động bằng các khóa ngắn hạn theo nhu cầu, mà chưa đặt hàng đào tạo lao động từ các cơ sở dạy nghề. Việc đào tạo nâng cao năng lực cho doanh nghiệp thời gian qua gặp khó khăn. Do các quy định của Trung ương ban hành đã hạn chế khả năng tổ chức, cũng như tiếp cận các khóa đào tạo, bồi dưỡng của doanh nghiệp. Điều này sẽ làm cản trở quá trình nâng cao trình độ nhân lực của doanh nghiệp và hạn chế khả năng phát triển của doanh nghiệp hiện nay. Nguồn nhân lực được đào tạo, giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Số lượng lao động được đào tạo tăng lên rõ rệt nhưng chất lượng còn hạn chế (tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo nghề còn cao (30,5%). Mặc dù tỷ lệ giáo dục nghề nghiệp sau tốt nghiệp có việc làm đạt ở mức cao, nhưng số lao động tự tạo việc làm chỉ chiếm trên 54%, số còn lại chưa đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động [174].

Đối với các công ty, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lao động nông nghiệp.

Các công ty, tổ chức, doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến công tác đào tạo, đào tạo lại và phát triển NNL để phục vụ cho phát triển nông nghiệp do chi phí đào tạo và đào tạo lại lớn, nhiều công ty chưa thực sự dám đầu tư một lượng kinh phí lớn cho đào tạo NNL. Hơn nữa, việc cập nhật và đầu tư các trang thiết bị kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp lớn cũng làm ảnh hưởng

đến chi phí đào tạo, đầu tư phát triển đội ngũ NNL nông nghiệp. Tuy nhiên, thực tế có nhiều doanh nghiệp đầu tư kinh phí để phát triển đội ngũ NNL phục vụ cho phát triển nông nghiệp, các lĩnh vực, các khâu sản xuất nông nghiệp nhưng sau khi được đào tạo bài bản, có kỹ năng, có trình độ thì một số lao động có xu hướng tìm kiếm cơ hội việc làm với mức lương cao hơn và ở môi trường làm việc tốt hơn dẫn đến hạn chế trong phát triển NNL của các công ty, tổ chức, doanh nghiệp.

Đối với gia đình trong phát triển NNL nông nghiệp

Trong phát triển NNL nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh, bên cạnh những kết quả đạt được vai trò của gia đình cũng có những tác động nhất định đến kết quả phát triển NNL nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Một số gia đình do có tâm lý “thoát ly nông nghiệp” coi nông nghiệp là ngành nghề vất vả, đem lại hiệu quả kinh tế thấp mong muốn đầu tư vào các ngành nghề hot của xã hội và có khả năng thu hồi vốn nhanh. Do đó, trong định hướng nghề nghiệp chưa có sự định hướng đúng đắn, không thấy được những điểm mạnh trong phát triển nông nghiệp của tỉnh và chưa nhận thấy sự thay đổi của nền nông nghiệp hiện đại (4.0). Đồng thời, một số gia đình cũng chưa nhận thức được hết những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong hỗ trợ phát triển nông nghiệp, không có đầy đủ các thông tin về chính sách hỗ trợ khởi nghiệp hay các chương trình học bổng cho nông nghiệp để tư vấn định hướng cho con cái. Do đó làm ảnh hưởng đến những định hướng, chính sách phát triển NNL nông nghiệp của tỉnh và dẫn đến ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển nông nghiệp của tỉnh chưa phát huy hết được những tiềm năng, thế mạnh về nông nghiệp của tỉnh.

Như vậy, bên cạnh những kết quả đạt được trong phát huy vai trò của chủ thể đối với phát triển NNL nói chung và NNL nông nghiệp tỉnh Tây Ninh nói riêng cũng còn một số hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển NNL nông nghiệp và ảnh hưởng đến sự phát triển KT- XH của tỉnh Tây

Ninh trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học- công nghệ. Phát huy tốt những kết quả đạt được và khắc phục được những hạn chế về vai trò của chủ thể trong phát triển NNL công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp có ý nghĩa quan trọng góp phần phát huy tiềm năng, thế mạnh nông nghiệp của tỉnh, xứng đáng là “trụ đỡ” của nền kinh tế trong toàn tỉnh.

3.2.2.2. Những hạn chế về nội dung phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Xét về tổng thể đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực nông nghiệp chưa đủ mạnh, tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi, chưa thực sự đồng đều giữa các địa phương, ngành, lĩnh vực phát triển nông nghiệp, có những lĩnh vực thiếu trầm trọng nhân lực: nông học, thú y, bảo vệ thực vật... NNL chỉ tập trung ở các ngành công nghiệp, du lịch, dịch vụ và các ngành công nghệ thông tin, các ngành phi nông nghiệp dẫn đến số lượng NNL nông nghiệp còn thấp chưa đáp ứng được NNL phục vụ tương xứng với tiềm năng, thế mạnh phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức có trình độ sau đại học, cao cấp lý luận chính trị trở lên còn thấp; chất lượng năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa đồng đều; một bộ phận thiếu tính chuyên nghiệp, tính năng động, sáng tạo, kỹ năng và phương pháp giải quyết vấn đề không cao; một số khác chưa có khả năng dự báo tình hình, chưa chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, tham mưu giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh hiệu quả công việc chưa cao; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp còn nhiều hạn chế. Điển hình, số lao động có trình độ thạc sỹ và tiến sỹ làm trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm số lượng thấp, cụ thể: lao động có trình độ thạc sỹ là 204 người, chiếm tỷ lệ 0,05 %; lao động có trình độ tiến sỹ là 4 người trong tổng số lao động 4446.873 người [9; 236]; chủ yếu là lao động của hộ trong lĩnh vực nông nghiệp chưa qua đào tạo cụ thể là 296.184 người, chiếm tỷ lệ 66, 28%; lao động qua đào tạo không có bằng cấp, chứng

chỉ là 93.008 người, chiếm tỷ lệ 20,81%. Qua đó, có thể thấy số lượng lao động có trình độ chuyên môn cao còn thiếu hụt, số lượng lao động chưa qua đào tạo và qua đào tạo nhưng không có bằng cấp chứng chỉ chiếm tỷ lệ cao; chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH và chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Một bộ phận NNL nông nghiệp do chưa nhận thức được vai trò, trách nhiệm của bản thân dẫn đến chưa có tinh thần thái độ tích cực trong lao động, còn có thái độ thờ ơ, có lối sống buông thả, thực dụng, vi phạm các tệ nạn xã hội, coi thường kỷ luật, kỷ cương xã hội, vi phạm các giá trị nhân văn, đạo đức, chưa có tinh thần thái độ tích cực, ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội. Do đó, đây cũng là những yếu tố hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả phát triển NNL nông nghiệp của tỉnh trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH.

Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại tình trạng lao động có tác phong chưa chuyên nghiệp, ý thức tổ chức, kỷ luật chưa cao, chưa phát huy hết khả năng, tinh thần trách nhiệm; gây ảnh hưởng đến kết quả quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH của tỉnh; tình trạng tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, thiếu hiểu biết về pháp luật, ý thức trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội vẫn còn tồn tại. Điều đó cho thấy, thế giới quan nhận thức của NNL bị ảnh hưởng, không nhận thức được giá trị của bản thân, thờ ơ, bàng quan trước những trách nhiệm với cộng đồng, xã hội gây ảnh hưởng đến sự phát triển chung của tỉnh.

Theo kết quả khảo sát trong báo cáo thực hiện Đề án phát triển NNL của tỉnh Tây Ninh, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống còn nhiều hạn chế, cụ thể như sau: “Về phẩm chất chính trị vẫn còn 6,5% người được hỏi cho rằng rất không tốt, 19,5% cho rằng không tốt, 25,5% đánh giá ít tốt” [174]. Qua số liệu cho thấy phẩm chất chính trị của đội ngũ NNL là yếu tố quyết định đến chất lượng NNL. Trong quá trình lao động sản xuất, để nâng cao

hiệu quả lao động sản xuất nói chung và nâng cao hiệu quả phát triển nông nghiệp nói riêng NNL luôn phải nâng cao nhận thức, có phẩm chất đạo đức, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo mới góp phần tạo nên những thành tựu phát triển nông nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh.

Về mặt thể lực, mặc dù có nhiều cải thiện về thể chất, sức khỏe, tuổi thọ và chính sách tham gia bảo hiểm y tế nhưng nhìn chung thể trạng của người dân tỉnh Tây Ninh vẫn còn nhiều hạn chế. “Theo kết quả khảo sát đề án phát triển NNL tỉnh Tây Ninh có 45% số người được hỏi cho rằng thể lực của người dân tỉnh Tây Ninh vẫn còn thấp; 49% số người được hỏi cho rằng chính sách tham gia bảo hiểm của NNL ngành nông nghiệp còn thấp; 51% người được hỏi cho rằng khả năng chịu đựng, sức bền, độ dẻo dai thích ứng với các điều kiện thời tiết khắc nghiệt chưa tốt”[174]. Điều này dẫn đến chưa có đủ NNL làm trong những lĩnh vực cần độ bền, sự dẻo dai của NNL: trồng trọt, thủy sản, lâm nghiệp... làm ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh.

Về trí lực, Tỉnh cũng triển khai các chủ trương, chính sách nhằm nâng cao chất lượng NNL có trình độ, chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ và có khả năng ứng dụng khoa học- kỹ thuật tiên tiến, hiện đại vào sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, trình độ của người lao động ở các lĩnh vực còn không đồng đều, thiếu hụt lao động ở những vị trí kỹ thuật, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất nông nghiệp. Số lượng cán bộ nông nghiệp được tham gia đào tạo để tiếp thu những kiến thức, kinh nghiệm và khả năng ứng dụng và chuyển giao công nghệ ở nước ngoài còn hạn chế; theo báo cáo, tỷ lệ cán bộ nông nghiệp được đào tạo là 05, tỷ lệ 1,06%; cán bộ tài nguyên môi trường là 05, tỷ lệ 1, 06%. Trình độ của người dân không đồng đều, đa số còn dựa trên những kinh nghiệm bản thân tích lũy được từ thực tiễn sản xuất nông nghiệp; lao động còn thiếu kiến thức chuyên môn, trình độ khoa học kỹ thuật còn hạn chế, số lượng NNL có khả năng ứng dụng những công nghệ tiên tiến hiện đại còn ít,

chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất; số lượng lao động nghề được đào tạo có bằng cấp còn ít, lượng lao động chưa được đào tạo nghề trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao trong tỉnh là 53%; đội ngũ cán bộ công tác trong lĩnh vực nông nghiệp là tiến sĩ, thạc sĩ còn hạn chế; toàn tỉnh có 20 trường hợp thạc sĩ tốt nghiệp thuộc các ngành Luật kinh tế, Quản lý công, Quản lý kinh tế, Quản lý xây dựng, Quản lý Tài nguyên và Môi trường...[174]. Qua số lượng này cho thấy, số lao động có trình độ cao trong lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế, chưa tương xứng với mục tiêu chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp của tỉnh.

Do yêu cầu sáp nhập xã và kiện toàn bộ máy nên một số xã trong 6 tháng cuối năm 2025 chưa bố trí thời gian, nhân lực tổ chức các lớp nghề. Nhu cầu học nghề chưa được khảo sát sâu vì người dân tập trung ưu tiên cho việc ổn định nơi sinh hoạt, học tập và làm việc. Một số người dân chưa quan tâm học nghề do phải lao động mưu sinh, không sắp xếp được thời gian. Do đó, NNL tham gia học nghề rất ít, do không có nhu cầu; chủ yếu là lao động nông thôn khác. Học viên sau đào tạo chủ yếu tự tạo việc làm là chính; chưa huy động được các nguồn lực xã hội để tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chủ yếu dựa vào nguồn lực Nhà nước. Công tác gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp trong giải quyết việc làm cho lao động nông thôn chưa hiệu quả. Công tác cập nhật, báo cáo tiến độ đào tạo nghề cho lao động nông thôn một số địa phương còn chưa kịp thời. Một số địa phương vận động lao động nông thôn học nghề và duy trì sĩ số còn gặp nhiều khó khăn; số lượng lao động nông thôn học nghề phi nông nghiệp ở các xã chủ yếu sản xuất nông nghiệp của tỉnh còn ít nên khó thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động ở địa phương.

Như vậy, có thể thấy, bên cạnh những kết quả đã đạt được trong phát triển về cơ cấu, số lượng và chất lượng NNL nông nghiệp; phát triển NNL nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh vẫn còn một số hạn chế nhất định chủ yếu thể hiện ở

trình độ, phẩm chất, kỹ năng, dẫn đến chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ mới trong phát triển nông nghiệp của tỉnh; ảnh hưởng đến quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp

3.2.2.3. Những hạn chế về phương thức phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Kết quả thu hút tri thức trẻ và người có trình độ cao trong lĩnh vực nông nghiệp còn thấp, chưa thu hút được người có tài năng, các chuyên gia trong các ngành, lĩnh vực nông nghiệp vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị. Qua 6 năm chỉ thu hút được nhân tài số lượng là 59 trường hợp nhưng có 13 trường hợp (tỷ lệ 22,03%) được hưởng chính sách đã thôi việc [192].

Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC còn dài trải, chưa tập trung vào một số lĩnh vực trọng tâm trong chiến lược phát triển KT- XH của tỉnh trong đó có phát triển nông nghiệp, có lúc, có nơi chưa gắn với quy hoạch và nhu cầu sử dụng cán bộ, việc cử cán bộ công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng mới chỉ quan tâm đến số lượng, chưa quan tâm đến cơ cấu chuyên môn đào tạo. Diễn hình số lượng đào tạo liên quan đến công nghệ thông tin, máy tính: 29 (tỷ lệ 6,17%); nông nghiệp 05 (tỷ lệ 1,06%); tài nguyên môi trường 05 (tỷ lệ 1,06%) [192]. Với số lượng này cho thấy hạn chế trong công tác đào tạo nhân lực ngành nông nghiệp còn thấp, chưa tương xứng và đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh phát triển nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh dẫn đến những hạn chế trong phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Chế độ đãi ngộ, mức lương chưa cạnh tranh, chưa tương xứng với áp lực công việc, thời gian làm việc và chi phí sinh hoạt tại các khu du lịch trọng điểm; chế độ phúc lợi, bảo hiểm và cơ hội thăng tiến chưa rõ ràng hoặc không đủ sức hấp dẫn người lao động, thiếu các chính sách đãi ngộ cao để thu hút nhân lực chất lượng cao hoặc các chuyên gia. Trong công tác đào tạo bồi dưỡng nội bộ cũng còn nhiều hạn chế do thiếu ngân sách đào tạo, thiếu đội ngũ đào tạo nội bộ, thời gian đào tạo. Một số đơn vị còn hạn chế về môi trường làm

việc, thiếu tính chuyên nghiệp, mang tính mùa vụ, áp lực cao, thiếu hợp tác sâu rộng với các cơ sở đào tạo, thiếu sự chia sẻ kinh nghiệm dẫn đến sự không đồng nhất giữa kiến thức được học và nhu cầu thực tế của công việc.

Việc thực hiện chế độ lương, thưởng và những phúc lợi xã hội còn hạn chế với mức lương không hấp dẫn, mức lương trong ngành nông nghiệp tại Tây Ninh vẫn còn thấp so với các ngành nghề khác có thu nhập ổn định hơn (ví dụ: các khu công nghiệp), đặc biệt trong giai đoạn bị ảnh hưởng, thu nhập của người lao động trở nên phập phù. Tình trạng "nhảy việc" của nhân viên lành nghề diễn ra phổ biến giữa các cơ sở sản xuất nông nghiệp, các công ty trong tỉnh và giữa tỉnh với tỉnh bạn, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc duy trì ổn định và tích lũy kinh nghiệm; công việc ngành có tính mùa vụ cao, dẫn đến sự thiếu ổn định về việc làm và thu nhập, khiến lao động khó gắn bó lâu dài.

Việc thu hút nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia trên các ngành, lĩnh vực còn hạn chế; do đối tượng đáp ứng điều kiện thu hút nguồn nhân lực rất ít, các đối tượng là sinh viên xuất sắc đảm bảo tiêu chuẩn quy định theo Nghị định số 140/2017 ND-CP của Chính phủ để giới thiệu cho cấp có thẩm quyền xem xét, đưa vào diện thu hút chưa có. Các địa phương, cơ quan, đơn vị chưa thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ CBCCVC thuộc thẩm quyền quản lý, làm cơ sở đề xuất thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về trình độ chuyên môn cho CBCCVC để bảo đảm đáp ứng tiêu chí về ngạch, chức danh, vị trí việc làm và trình độ chuyên môn.

Bên cạnh đó, thủ tục thực hiện công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC còn gặp một số khó khăn: việc thực hiện lựa chọn cơ sở đào tạo bảo đảm đạt tiêu chuẩn, chất lượng, hiệu quả với kinh phí thấp là khó thực hiện; quy trình thực hiện thủ tục đấu thầu (các khóa có giá trị từ 100 triệu trở lên), lựa chọn cơ sở đào tạo, bồi dưỡng phải thực hiện nhiều bước, ảnh hưởng đến thời gian tổ chức, khai giảng các khóa bồi dưỡng, không đúng so với kế hoạch.

3.2.3. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế

3.2.3.1. Nguyên nhân của những thành tựu

Trong những năm qua, nhìn vào thực trạng phát triển NNL nông nghiệp tỉnh Tây Ninh có thể thấy, NNL nông nghiệp của tỉnh đang có sự chuyển biến tích cực về số lượng và chất lượng NNL; đáp ứng yêu cầu phát triển NNL nông nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp hiện đại, công nghệ cao, năng suất, chất lượng và hiệu quả. Để có được những thành tựu như vậy đó là do những nguyên nhân cụ thể như sau:

Thứ nhất, do có sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt của các cấp Ủy, cấp chính quyền trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH trong tỉnh nói chung và đối với phát triển NNL nông nghiệp đáp ứng mục tiêu phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hiện đại, bền vững. Sự phối hợp thống nhất hành động của các Sở, ngành, UBND các cấp, các tổ chức chính trị xã hội trong thực hiện nhiệm vụ và sự đồng thuận xã hội của toàn thể nhân dân trong địa bàn tỉnh cùng chung tay thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển KT- XH của tỉnh trong bối cảnh mới. Các cấp Ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp trong địa bàn Tỉnh đã ban hành nhiều văn bản, cơ chế, chính sách quan trọng nhằm định hướng, chỉ đạo, lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành triển khai thực hiện phát triển NNL, đặc biệt là NNL nông nghiệp chất lượng cao. Tỉnh luôn quan tâm phát triển NNL nông nghiệp về số lượng và chất lượng NNL đảm bảo cung cấp đội ngũ NNL về số lượng và chất lượng ở các lĩnh vực, ngành nghề nông nghiệp đặc biệt là những ngành nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất yêu cầu trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao. Quan tâm đầu tư phát triển NNL trong địa bàn tỉnh mạnh về số lượng, bảo đảm về chất lượng. Hệ thống giáo dục trong địa bàn tỉnh được quan tâm đầu tư thỏa đáng. Các chính sách hướng nghiệp gắn với nhu cầu sử dụng NNL của tỉnh Tây Ninh.

Thứ hai, công tác giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng NNL được quan tâm. Tỉnh Tây Ninh chú trọng đến công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp Ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp của các ngành, đoàn thể, sự đồng thuận tham gia hưởng ứng của người lao động nông thôn. Công tác đào tạo nghề, tạo việc làm đã và đã được phát huy hiệu quả thiết thực. Thông qua đào tạo nghề, hội viên nông dân được trang bị kiến thức, kỹ năng nghề, tiến bộ khoa học- kỹ thuật hiện đại, được bồi dưỡng thúc đẩy ý chí vươn lên, được hỗ trợ, tư vấn, nhiều học viên sáng tạo, mạnh dạn triển khai vào thực tiễn sản xuất, mở rộng quy mô mang lại hiệu quả kinh tế cao. Từ việc tham gia các lớp đào tạo nghề, hội viên nông dân từng bước từ bỏ các thói quen canh tác cũ chuyển sang áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, bổ sung kiến thức, kỹ năng, phương pháp mới vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng hàng hoá nông sản.

Thứ ba, NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh luôn phát nâng cao ý thức tự giác trong đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực cho bản thân để đáp ứng được yêu cầu thực tiễn phát triển KT- XH tỉnh Tây Ninh nói chung và phát triển nông nghiệp của tỉnh nói riêng. Nhằm phát huy được những tiềm năng, thế mạnh phát triển nông nghiệp của tỉnh, thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển KT- XH. Do đó, đòi hỏi NNL CNH, HĐH nông nghiệp cũng phải đáp ứng được nhu cầu phát triển nông nghiệp của tỉnh chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang phát triển kinh tế nông nghiệp; tập trung vào phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp bền vững, nông nghiệp giá trị gia tăng; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và thích ứng với những biến đổi thực tiễn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

Thứ tư, cơ sở thực tiễn của tỉnh Tây Ninh có nhiều điều kiện phát triển nông nghiệp, do đó, cơ bản người dân tỉnh Tây Ninh có sự gắn bó với mảnh đất quê hương, có kinh nghiệm làm nông nghiệp, luôn có ý thức trau dồi, rèn

luyện, phát huy khả năng sáng tạo, với những kỹ năng, kinh nghiệm tham gia vào phát triển nông nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế cao. Một bộ phận nông dân sau khi được đào tạo nghề tự tạo việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống; là lực lượng nòng cốt trong các tổ Hợp tác, HTX, chi, tổ Hội nông dân nghề nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động tại địa phương, góp phần giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội ở nông thôn. Việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo, góp phần thực hiện hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian nhàn rỗi cho lao động ở nông thôn.

Đồng thời, Tây Ninh cũng là tỉnh đi đầu của vùng Đông Nam Bộ trong thực hiện ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phát triển nông nghiệp; do đó, người dân có điều kiện làm việc trong môi trường thuận lợi, phát huy được khả năng, sức sáng tạo và những đam mê trong lao động sản xuất. Đây là một trong những yếu tố góp phần tạo nên những thành tựu trong phát triển NNL nông nghiệp chất lượng cao phục vụ phát triển KT- XH của tỉnh.

3.2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được đối với phát triển NNL CNH, HDH nông nghiệp còn tồn tại những hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển NNL CNH, HDH nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh. Những hạn chế này đều xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản như sau:

Thứ nhất, Tỉnh ủy, HĐND, UBND và hệ thống chính trị các cấp phải dồn toàn bộ nguồn lực cho công tác sắp xếp đơn vị hành chính, mô hình chính quyền hai cấp- nhiệm vụ bắt buộc và có tính chất ưu tiên. Bộ phận chuyên môn phải kiêm nhiệm nhiều công việc, không đủ thời gian cho công tác tổ chức mở lớp đào tạo. Công tác tuyên truyền được quan tâm thực hiện nhưng có lúc, có nơi chưa thực sự hiệu quả, chưa thực sự làm chuyển biến

nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về vị trí, vai trò của đào tạo nghề, phát triển NNL nông nghiệp đối với phát triển KT- XH, tạo việc làm, nâng cao thu nhập của người dân nông thôn. Một số lao động nông thôn học nghề có hoàn cảnh khó khăn phải lo kiếm sống nuôi gia đình nên chưa có điều kiện tham gia đào tạo nâng cao trình độ, chất lượng NNL phục vụ phát triển nông nghiệp.

Thứ hai, chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ chưa thực sự khuyến khích CBCCVC tận tâm với công việc, ảnh hưởng tới mức độ phát huy năng lực. Việc triển khai và thực hiện các chính sách thu hút, đãi ngộ NNL, đặc biệt là đối với các chuyên gia đầu ngành, cán bộ có trình độ chuyên môn giỏi chưa đủ mạnh, chưa quyết liệt dẫn tới chưa thực sự thu hút được nhiều NNL có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về tỉnh công tác ở một số ngành, lĩnh vực thiếu NNL như: chăn nuôi, trồng trọt... Công tác giáo dục, đào tạo chưa thực sự được quan tâm, đầu tư đúng mức, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng NNL của tỉnh. Việc sắp xếp, bố trí CBCCVC có nơi chưa phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, cùng một vị trí nhiệm vụ người thì nhiều việc, người thì ít việc làm ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc. Việc xây dựng vị trí việc làm, bản mô tả công việc chưa phù hợp, không đúng với thực tế.

Thứ ba, việc đánh giá hiệu quả làm việc của CBCCVC sau khi được hỗ trợ đào tạo sau đại học chưa được tiến hành đánh giá cụ thể. Việc hỗ trợ đào tạo sau đại học chủ yếu theo nhu cầu đăng ký của cơ quan có cá nhân chọn cử đi học, có cơ sở đào tạo dư luận đánh giá không cao. Quy định về chính sách thu hút nhân tài chủ yếu là thông qua bằng cấp theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Một số trường hợp tốt nghiệp loại giỏi được tạo nguồn tại các cơ quan, đơn vị nhưng khi thi tuyển vào công chức lại không trúng

tuyên. Bên cạnh đó, môi trường làm việc còn nhiều hạn chế, thiếu tính năng động, chưa có sự thay đổi trong cách quản lý hành chính vẫn còn theo lối cũ quản lý về giờ giấc gây ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc và chất lượng NNL.

Thứ tư, hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng còn nhiều hạn chế, phát triển chưa đồng bộ, chưa có cơ sở dữ liệu đảm bảo theo dõi, cập nhật đầy đủ, chính xác về cơ cấu, số lượng, chất lượng đội ngũ CBCCVC. Tính chất công việc ngày càng mới, yêu cầu ngày càng cao, mô hình, cách thức quản lý CBCCVC chưa được đổi mới nhiều; quy trình đánh giá thực thi công vụ chưa thật sát thực, còn mang nặng thủ tục hành chính. Việc thực hiện cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những CBCCVC năng lực không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chưa thực sự hiệu quả; gây ảnh hưởng đến chất lượng NNL nông nghiệp và làm giảm hiệu quả phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3.3. Một số vấn đề đặt ra đối với phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh hiện nay

3.3.1. Một số cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp chưa phù hợp với tiềm năng, thế mạnh phát triển nông nghiệp của tỉnh

Trong những năm qua, các cấp Ủy đảng, chính quyền và các tổ chức xã hội đã tích cực ban hành những chủ trương, đường lối, chính sách phát triển NNL nông nghiệp chất lượng cao nhằm thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển nông nghiệp của tỉnh trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và chiến lược phát triển KT- XH của tỉnh Tây Ninh trong thời kỳ đổi mới. Vấn đề phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh còn gặp những khó khăn, hạn chế. Điều này đặt ra vấn đề về cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực chưa phù hợp với tiềm năng, thế mạnh phát triển nông nghiệp của tỉnh, làm ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển NNL nông nghiệp và hiệu quả phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh.

Tây Ninh là tỉnh có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển nông nghiệp, là tỉnh đi đầu của Vùng Đông Nam Bộ trong phát triển nông nghiệp với tiềm

năng nông nghiệp lớn; với tổng diện tích 500.000 ha đất nông nghiệp với 22 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Với những tiềm năng phát triển nông nghiệp của tỉnh với những hiệu quả KT- XH của tỉnh cho thấy, Tây Ninh chưa phát huy được hết những tiềm năng, thế mạnh trong phát triển nông nghiệp của tỉnh. Điều này chứng tỏ, một số cơ chế, chính sách đề ra chưa thực sự bám sát vào yêu cầu thực tiễn phát triển CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh; chưa khai thác có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh nông nghiệp của tỉnh. Một số chính sách đề ra còn mang tính chung chung, chưa thực sự đi vào từng ngành, lĩnh vực và đặc thù của từng địa phương.

Nhằm thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển KT- XH của tỉnh, đặc biệt là trong bối cảnh hoàn thiện cơ cấu, tổ chức, sắp xếp tinh gọn hệ thống chính trị của tỉnh và vận hành theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; tỉnh Tây Ninh cũng có nhiều đổi mới về cơ chế, chính sách mang tính trọng tâm, trọng điểm nhằm phát huy tối đa lợi thế của từng ngành, từng lĩnh vực phù hợp với từng địa phương nhằm khắc phục những hạn chế, giải quyết những điểm nghẽn. Tuy nhiên, việc thực thi cụ thể chính sách trong bối cảnh tình hình mới của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, chưa kịp thời chỉnh sửa, bổ sung theo mô hình chính quyền mới nên chưa giải quyết triệt để được những điểm nghẽn trong phát triển NNL nông nghiệp chất lượng cao. Vì vậy, vấn đề đặt ra cần phải nhanh chóng ổn định tổ chức, vận hành chính quyền mới và hoàn thiện sửa đổi, bổ sung kịp thời cơ chế, chính sách phát triển NNL nông nghiệp phù hợp với yêu cầu thực tiễn đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh trong tình hình mới.

3.3.2. Yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp của tỉnh ngày càng cao nhưng chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được

Thực tiễn, yêu cầu sự nghiệp CNH, HĐH đất nước nói chung và của tỉnh nói riêng đang đặt ra yêu cầu cần phải phát triển NNL chất lượng. Quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp chính là nhằm tạo ra sự chuyển biến cơ

bản trong lĩnh vực nông nghiệp, hướng tới phát triển nền nông nghiệp xanh, bền vững, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Do đó, phát triển nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH nhằm mục tiêu phát triển nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tăng cường ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp đang là xu thế tất yếu nhằm tạo bước đột phá trong phát triển nông nghiệp; góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển KT- XH của tỉnh Tây Ninh.

Trong những năm qua, tỉnh Tây Ninh cũng đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển nông nghiệp đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển KT- XH của tỉnh đưa Tây Ninh trở thành tỉnh đứng đầu Vùng Đông Nam Bộ về sản lượng phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên, có thể thấy Tây Ninh vẫn chưa phát huy được hết những tiềm năng, thế mạnh phát triển nông nghiệp của tỉnh và đang đặt ra một số vấn đề cần phải giải quyết trong đó có chất lượng NNL nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh.

Mặc dù NNL nông nghiệp của tỉnh đã được quan tâm, đầu tư phát triển; chất lượng NNL đã có sự phát triển, NNL có kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm. Tuy nhiên, thực tế phát triển CNH, HĐH nông nghiệp đang đặt ra vấn đề cần phải có đội ngũ NNL nông nghiệp có trình độ cao, biết vận hành và ứng dụng trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến, hiện đại vào sản xuất. Tuy nhiên, phần lớn lao động nông thôn chỉ dừng lại ở việc vận hành máy móc cơ bản, người lao động gặp khó khăn trong việc vận hành, làm chủ công nghệ trong sản xuất nông nghiệp. Đội ngũ NNL được đào tạo bài bản, có trình độ còn thấp; thiếu đội ngũ kỹ thuật viên, kỹ sư thực hành. Tỷ lệ lao động trẻ có xu hướng chuyển việc làm tại các khu công nghiệp; trong khi đó, lao động ở nông thôn phần lớn là lớn tuổi, bị hạn chế về trình độ dẫn đến khả năng tiếp thu những công nghệ tiên tiến, hiện đại còn hạn chế. Bên cạnh đó, Chương trình đào tạo nghề nông thôn tại địa phương thường ngắn hạn, nặng về lý

thuyết canh tác cũ, chưa chú trọng vào các mô hình thực tế nông nghiệp hay kinh tế tuần hoàn. Đội ngũ lao động còn nặng về những kinh nghiệm, thói quen mà chưa quen với tính kỷ luật, tác phong công nghiệp làm trong các nhà máy.

Với trình độ, chất lượng đội ngũ NNL nông nghiệp còn nhiều hạn chế, mâu thuẫn với yêu cầu phát triển CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh. Thực tiễn phát triển nông nghiệp tỉnh Tây Ninh đang đặt ra yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển nền kinh tế nông nghiệp với mục tiêu phát triển nền nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp bền vững và nông nghiệp giá trị gia tăng nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp để tạo ra những sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Mục tiêu phát triển tạo ra các sản phẩm đạt tiêu chuẩn như GlobalGAP; VietGAP, phát triển nông nghiệp xanh, phát thải thấp. Vì vậy, vấn đề đặt ra phải xây dựng, phát triển được đội ngũ NNL nông nghiệp chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh tương xứng với tiềm năng, thế mạnh phát triển nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh trong thời kỳ mới.

3.3.3. Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia với giữ gìn cảnh quan, môi trường sinh thái; thích ứng với biến đổi khí hậu

Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra yêu cầu phát triển KT-XH của tỉnh Tây Ninh nói chung và đối với sự phát triển nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH nói riêng. Bên cạnh những cơ hội thuận lợi để phát triển kinh tế, tăng cường hợp tác, hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới cũng đặt ra những thách thức nhất định; đặc biệt là trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp theo xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, những vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống như an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường...

đang tác động mạnh mẽ, đa chiều, đe dọa nghiêm trọng đến sự ổn định, bền vững của nước ta nói chung và đối với tỉnh Tây Ninh nói riêng.

Với vị trí địa lý nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ, trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, nền nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh đang trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị toàn cầu và đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với sản phẩm nông nghiệp về chất lượng, về an ninh lương thực... Phát triển nông nghiệp phải hướng đến tiêu chí: phát triển nền nông nghiệp xanh hài hoà với môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên nông nghiệp và giảm thiểu phát thải ra môi trường; nông nghiệp bền vững bảo đảm nguyên tắc canh tác lâu dài, không làm suy thoái đất, tài nguyên, đảm bảo sinh kế cho nông dân hiện tại và tương lai; nông nghiệp giá trị gia tăng, chuyển đổi từ sản xuất thô sang chế biến sâu tạo ra những sản phẩm có giá trị cao đáp ứng “tiêu chuẩn xanh” trong bối cảnh hội nhập; đồng thời giữ gìn môi trường sinh thái, giữ gìn cảnh quan; thích ứng với biến đổi khí hậu.

Với mục tiêu phát triển nông nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đặt ra yêu cầu cần phải có đội ngũ NNL nông nghiệp chất lượng cao đáp ứng được mục tiêu phát triển CNH, HĐH nông nghiệp. Do đó, đội ngũ NNL nông nghiệp phải có trình độ, chuyên môn, có kỹ thuật tốt am hiểu về cách vận hành kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, hạn chế phát thải carbon, có kỹ năng thực hành nông nghiệp tuần hoàn nhằm giảm thiểu tối đa chi phí trong nông nghiệp và bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Đồng thời, NNL phải có kiến thức về nông nghiệp, kịp thời thích ứng với những biến đổi khí hậu; phát triển nông nghiệp phải bảo đảm hệ sinh thái tự nhiên và chống ô nhiễm môi trường; giữ gìn cảnh quan, môi trường để phát triển du lịch sinh thái bền vững.

Tiểu kết chương 3

Phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển KT- XH của cả nước nói chung và đối với tỉnh Tây Ninh nói riêng; góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của tỉnh trong thời kỳ mới. Trong chương 3, tác giả luận án tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản sau:

Thứ nhất, trên cơ sở khái quát tổng quan tình hình phát triển nông nghiệp tỉnh Tây Ninh, tác giả tập trung phân tích thực trạng phát triển NNL nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh trong giai đoạn hiện nay, trong đó, tập trung phân tích thực trạng về chủ thể, nội dung và phương thức phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp tỉnh Tây Ninh. Từ những phân tích đánh giá những thành tựu, hạn chế của phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp; chỉ rõ nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế trong phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh hiện nay.

Thứ hai, tập trung làm rõ những vấn đề đặt ra hiện nay đối với phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh trong giai đoạn hiện nay từ việc chỉ rõ những yêu cầu, đòi hỏi thực tiễn phát triển CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh với thực trạng phát triển NNL nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh trong giai đoạn hiện nay.

Qua đó, tác giả luận án có cơ sở đề xuất những quan điểm và giải pháp nhằm phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới ở chương 4 trên cơ sở bám sát vào thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh.

Chương 4

BỐI CẢNH, QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH TÂY NINH TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Bối cảnh mới tác động đến phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh

** Bối cảnh thế giới*

Tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, khó dự báo. Hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược, chủ nghĩa bảo hộ, xu hướng liên kết mới trên thế giới, chiến tranh thương mại diễn ra quyết liệt dẫn đến sự phân tách chuỗi cung ứng, trừng phạt về kinh tế, cuộc chạy đua về khoa học công nghệ giữa các quốc gia ngày càng gia tăng. Nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại, đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức với nhiều nguy cơ tiềm ẩn. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của các quốc gia tạo ra những thời cơ và thách thức to lớn đối với các quốc gia. Điều này làm xuất hiện và đặt ra hàng loạt các yêu cầu về ứng dụng chuyển đổi số trong phát triển kinh tế, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững dựa trên khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo tiếp tục phát triển mạnh mẽ và ngày càng trở thành vấn đề tất yếu không thể thiếu đối với sự phát triển của các quốc gia trên thế giới nói chung trong đó có Việt Nam.

Dưới tác động của cuộc Cách mạng khoa học và công nghệ tác động mạnh mẽ đến các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam, kinh tế thế giới chuyển mạnh sang kinh tế tri thức; các thành tựu của khoa học- công nghệ, kỹ thuật hiện đại được ứng dụng mạnh mẽ trong sản xuất, quản lý và tiêu dùng. Trong đó, kinh tế tri thức ngày càng đóng vai trò và là nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia; khoa học- công nghệ đang dần trở

thành lực lượng sản xuất trực tiếp, quan trọng quyết định đến thành tựu quá trình phát triển KT- XH. Bên cạnh đó, cục diện thế giới đang có những thay đổi đòi hỏi các nước trên thế giới xúc tiến thay đổi cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh phát triển khoa học- công nghệ và đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa nền quản trị quốc gia. Đặc biệt, với sự xuất hiện và ứng dụng của khoa học- công nghệ: trí tuệ nhân tạo (AI), Big Data (dữ liệu lớn), kinh tế số, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi xanh, tuần hoàn... đã tác động đến nền kinh tế của các quốc gia trong đó có Việt Nam, thúc đẩy quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế sâu rộng, thực chất, hợp tác góp phần thúc đẩy hợp tác, xúc tiến thương mại trong phát triển kinh tế. Môi trường chính trị, kinh tế và an ninh thế giới hiện nay đang có nhiều biến động, diễn biến phức tạp, nhanh chóng và khó dự báo. Tranh chấp thương mại, xung đột lãnh thổ, xâm phạm chủ quyền, tranh chấp tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ và khủng bố tiếp tục diễn ra gay gắt tại nhiều khu vực với những đặc điểm mới.

Bên cạnh đó, các vấn đề về toàn cầu và an ninh phi truyền thống trở thành một trong những vấn đề có tính cấp bách ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của các quốc gia. Các vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, năng lượng, nguồn nước, lương thực, biến đổi khí hậu và dịch bệnh diễn biến hết sức phức tạp. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn về địa chính trị, công nghệ cao và nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng khốc liệt. Sự bất ổn kinh tế vĩ mô, lạm phát và đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu đã gây ra những hệ lụy tiêu cực sâu sắc. Hàng loạt các vấn đề an ninh lương thực, an ninh tài chính, an ninh mạng, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.... ngày càng trở thành những vấn đề nóng, tác động mạnh mẽ, đa chiều, đe dọa sự tồn vong và phát triển của con người và xã hội loài người; ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự ổn định, phát triển bền vững của các quốc gia trên thế giới và đối với Việt Nam. Do đó, phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô

hình phát triển của nhiều quốc gia lựa chọn. Nhu cầu nông sản tiếp tục tăng, đặc biệt là các thực phẩm sạch, hữu cơ.

****Bối cảnh trong nước***

Trong nước, Việt Nam tiếp tục thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH để duy trì đà tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, nước ta cũng phải đối mặt với những khó khăn, thách thức về lạm phát, đứt gãy chuỗi cung ứng và nhu cầu nội địa; vấn đề an ninh lương thực quốc gia đang phải đối mặt với những thách thức lớn: áp lực thu hẹp diện tích và suy thoái tài nguyên đất; tác động của biến đổi khí hậu; biến động thị trường toàn cầu và biến cố địa chính trị; vấn đề chất lượng, an toàn thực phẩm và cân bằng dinh dưỡng; sức ép từ biến động dân số và chuyển dịch lao động.... Để thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển KT- XH của đất nước đang đặt ra yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo xu hướng tích cực, giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ. Điều này đòi hỏi cần phải tập trung nâng cao chất lượng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản phục vụ yêu cầu phát triển đất nước đảm bảo nông nghiệp đóng vai trò “trụ đỡ” của nền kinh tế, chuyển đổi tư duy từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp” tập trung vào phát triển giá trị sản phẩm, tính bền vững, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Chính Phủ sẽ tập trung phát triển kinh tế xanh và bền vững, trong đó, nông nghiệp là một trong những lĩnh vực trọng yếu. Dự báo trong thời gian tới, nông nghiệp sẽ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Mục tiêu đến năm 2045, phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh theo hướng nông nghiệp sinh thái, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, đem lại giá trị kinh tế cao, các sản phẩm nông nghiệp đạt chất lượng đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

Đồng thời, năm 2025 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong việc thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng chính quyền 3 cấp, triển khai đồng bộ, quyết liệt các quyết sách chiến lược nhằm tạo ra những bước đột phá về mọi mặt trong phát triển KT-XH của đất nước. Đối với tỉnh Tây Ninh, đây là dấu mốc quan trọng sau khi hai tỉnh Long An và Tây Ninh sáp nhập, điều này không chỉ đáp ứng yêu cầu khách quan tất yếu của thực tiễn mà còn là cơ hội lớn để tạo ra giá trị mới, là bước đi chiến lược nhằm tối ưu hóa tiềm năng, nguồn lực, tạo động lực đột phá phát triển nhanh hơn, bền vững hơn; góp phần hiện thực hóa khát vọng hình thành một cực tăng trưởng mới, phát triển nhanh và bền vững, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

Trong địa bàn tỉnh Tây Ninh, là một trong những tỉnh có tiềm năng lớn trong phát triển nông nghiệp khi có dư địa nông nghiệp lớn, hệ thống cơ sở hạ tầng nông nghiệp đặc biệt là hạ tầng thủy lợi tương đối hoàn thiện phù hợp với phát triển các cây trồng chủ lực như: lúa, mì, cao su, mía, các loại cây ăn quả và chăn nuôi trang trại. Tuy nhiên, tỉnh cũng phải đối mặt với những thách thức như: thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... đòi hỏi sản xuất nông nghiệp cần phải có sự chủ động thích ứng. Yêu cầu chuyển dịch nhanh từ nền nông nghiệp truyền thống sang nền kinh tế nông nghiệp, nông nghiệp tuần hoàn, tăng cường ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Như vậy, tình hình trong thế giới và tác động mạnh mẽ đến sự phát triển KT- XH của đất nước nói chung và đối với địa bàn tỉnh Tây Ninh nói riêng. Là tỉnh có những tiềm năng, thế mạnh nổi bật trong phát triển nông nghiệp đòi hỏi nền nông nghiệp của tỉnh phải có sự thay đổi, chuyển biến rõ rệt về cả định hướng, tư duy sản xuất, quy trình công nghệ, loại hình tổ chức, hợp tác liên kết nhằm tăng khả năng thích ứng để sản xuất theo kịp với thị trường nhằm tạo ra những sản phẩm năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và

khả năng cạnh tranh sản phẩm nông sản của tỉnh, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân. Sự chuyển dịch này đặt ra yêu cầu cao về phát triển nông nghiệp, muốn đạt mục tiêu phát triển nông nghiệp tỉnh cần tập trung xây dựng chính sách phát triển NNL nông nghiệp chất lượng cao, có trình độ, chuyên môn, có kỹ thuật nông nghiệp, có khả năng ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao trong sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển CNH, HĐH nông nghiệp trong tỉnh. Tập trung thực hiện các đột phá chiến lược và tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng đổi mới, sáng tạo, công nghệ cao, chuyển đổi ssoo, chuyển đổi xanh, trên nền tảng các động lực chính là: công nghệ cao, logistics thông minh, nông nghiệp sinh thái- tuần hoàn và du lịch bền vững. Đặc biệt tiếp tục tái cơ cấu mạnh mẽ ngành nông nghiệp, hình thành các chuỗi giá trị và thương hiệu có sức hút, cạnh tranh cao trên thị trường trong nước, quốc tế gắn với xây dựng nông thôn mới văn minh, kiểu mẫu.

4.2. Một số quan điểm cơ bản phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh

4.2.1. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp phải được xem là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị trong toàn tỉnh Tây Ninh

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (NNL) phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nông nghiệp tại Tây Ninh phải được xác định là nhiệm vụ then chốt, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của toàn bộ hệ thống chính trị. Đây là quan điểm có tính chất định hướng, chỉ đạo xuyên suốt, đồng thời quy rõ trách nhiệm của các bên liên quan.

Bản chất của phát triển NNL nông nghiệp là một tiến trình giáo dục - đào tạo toàn diện nhằm nâng cao cả về phẩm chất, trí lực lẫn thể lực cho người lao động. Qua đó, giúp họ đáp ứng các tiêu chuẩn mới của sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp quốc gia nói chung và tỉnh nhà nói riêng, đóng góp tích cực vào

tăng trưởng kinh tế - xã hội (KT-XH) địa phương. Song song đó, công tác này cần gắn liền với việc chuyển biến nhận thức của xã hội về tầm quan trọng của nhân lực chất lượng cao trong nông nghiệp, cũng như yêu cầu phát triển toàn diện trên mọi lĩnh vực, ngành nghề và địa bàn. Chính vì quy mô và tầm ảnh hưởng sâu rộng này, việc phát triển NNL bắt buộc phải huy động sức mạnh hợp lực từ toàn hệ thống chính trị.

Về mặt nội dung, quan điểm này định vị rõ trách nhiệm và nâng cao nhận thức của các lực lượng xã hội từ cấp vĩ mô đến vi mô, từ trung ương đến cơ sở. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, sở, ban, ngành và địa phương tại Tây Ninh cần định hình phát triển NNL nông nghiệp vừa là cái đích hướng tới, vừa là công cụ cốt lõi để hiện thực hóa các nguồn lực khác nhằm phục vụ CNH, HĐH. Trong bối cảnh hiện nay, chất lượng NNL nông nghiệp chịu sự tác động của nhiều biến số như: hệ thống giáo dục - đào tạo, cơ chế đầu tư, chính sách quản lý, sử dụng và quy hoạch cán bộ. Những bài toán đặt ra cho Tây Ninh rất đa dạng, từ nhận thức, hành động, năng lực lãnh đạo, quản lý cho đến khâu tổ chức thực hiện và thi đua khen thưởng. Do đó, tỉnh cần phải áp dụng linh hoạt, đồng bộ các giải pháp và công cụ quản lý của cả hệ thống chính trị.

Giá trị cốt lõi của quan điểm này nằm ở chỗ thúc đẩy sự đồng thuận, nhất quán trong hành động của các chủ thể. Phát triển NNL nông nghiệp phải đảm bảo tính toàn diện: mở rộng về quy mô (số lượng), nâng cao về chất lượng (đồng bộ cả thể lực, trí lực, tâm lực) và tối ưu hóa cơ cấu. Dựa trên vị trí và chức năng chuyên biệt, từng cơ quan, tổ chức sẽ thiết lập các phương án hành động cụ thể, đóng góp hiệu quả vào chiến lược nhân lực nông nghiệp của tỉnh và cả nước. Bản chất của phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp tại Tây Ninh thực chất là một khoản "đầu tư chiến lược" dài hạn cho con người. Giai đoạn tới, các cấp ủy Đảng và chính quyền cần đổi mới căn bản phương thức quản lý nhà nước về nhân lực. Cần cải cách mạnh mẽ các cơ chế, chính sách và công cụ điều tiết, chú trọng đến môi trường làm việc, chính sách việc

làm, thu nhập, hệ thống an sinh xã hội, nhà ở... đặc biệt là các chế độ đãi ngộ dành cho nhóm nhân lực chất lượng cao.

Bên cạnh vai trò định hướng của Nhà nước, lãnh đạo các sở, ngành và địa phương cần rà soát, đánh giá chính xác nhu cầu đào tạo thực tế để xây dựng các chiến lược phát triển NNL mang tính đặc thù cho từng cơ quan, doanh nghiệp và địa bàn. Công tác giáo dục - đào tạo cần được chỉ đạo sát sao với nhiều hình thức linh hoạt, phù hợp với năng lực địa phương, tạo điều kiện tối đa để người lao động ứng dụng tri thức vào thực tiễn sản xuất. Đồng thời, cần kiến tạo một môi trường thuận lợi, bảo đảm các nguồn lực phụ trợ và có chính sách khuyến khích, tạo động lực để người lao động chủ động tự học tập, nâng cao trình độ. Huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị sẽ biến công tác phát triển NNL thành một phong trào sâu rộng, thu hút mọi nguồn lực xã hội. Các chương trình, chiến lược CNH, HĐH nông nghiệp do các cấp ủy, chính quyền khởi xướng cần được triển khai đồng bộ, linh hoạt theo từng giai đoạn, phù hợp với đặc thù công việc và điều kiện thực tế của từng địa phương. Đây là những nguyên tắc cốt lõi cần được quán triệt sâu sắc và vận dụng một cách sáng tạo

4.2.2. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp phải gắn với thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Tây Ninh

Đổi mới toàn diện giáo dục - đào tạo và tạo đột phá trong chiến lược phát triển nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm, vừa mang tính cấp bách vừa mang tính dài hạn của Tây Ninh. Mục tiêu là xây dựng một lực lượng lao động có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn cao và cơ cấu ngành nghề tối ưu. Dựa trên thực trạng và xu thế phát triển KT-XH đến năm 2030 và tầm nhìn xa hơn, công tác phát triển NNL nông nghiệp của tỉnh cần tập trung vào các trọng tâm sau: Trí thức hóa đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo cấp xã; Chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ cấp huyện; Đào tạo có tầm nhìn chiến lược cho đội ngũ cán bộ cấp tỉnh; Chuyên nghiệp hóa đội ngũ công chức, viên chức sự

nghiệp; Xây dựng đội ngũ chuyên gia khoa học - công nghệ, nhà quản trị doanh nghiệp và lực lượng lao động lành nghề đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH.

Trong sơ đồ các nguồn lực nền kinh tế, NNL giữ vai trò chủ đạo, là chìa khóa để khai thác, điều tiết và phát huy tối đa giá trị của các nguồn lực vật chất khác. Việc tối ưu hóa chất lượng NNL, đặc biệt là nhân lực nông nghiệp chất lượng cao, sẽ biến "vốn con người" thành động lực cốt lõi thúc đẩy kinh tế Tây Ninh tăng trưởng nhanh và bền vững. Đây được coi là mắt xích đột phá chiến lược để tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, dịch chuyển mạnh mẽ sang nền kinh tế xanh, kinh tế tri thức dựa trên khoa học - công nghệ và chủ động hội nhập quốc tế. Công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng hiệu quả NNL, đồng thời kiến tạo một môi trường cạnh tranh lành mạnh để thu hút nhân tài là trách nhiệm chung của toàn hệ thống chính trị và nhân dân. Tỉnh cần tập trung phát triển nhân lực nông nghiệp chất lượng cao và lao động có kỹ năng; đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tối ưu hóa môi trường đầu tư, kinh doanh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Từ đó, thu hút hiệu quả các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế, phát triển mạnh mẽ và bền vững khu vực kinh tế tư nhân cả về quy mô lẫn chất lượng.

Nâng cao năng suất lao động xã hội là nền tảng để tăng cường năng lực cạnh tranh, ổn định xã hội và phát triển kinh tế bền vững. Chiến lược nhân lực phải có trọng tâm, trọng điểm, tập trung xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong từng giai đoạn bám sát yêu cầu KT-XH trong nước và bối cảnh quốc tế. Tỉnh cần ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ (bao gồm công chức, viên chức, công nhân kỹ thuật) có năng lực ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất, hướng đến một nền nông nghiệp bền vững. Bên cạnh đó, cần chú trọng đào tạo nghề và thúc đẩy dịch chuyển cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang các khu vực kinh tế khác tại nông thôn. Thiết lập cơ chế kết nối chặt chẽ giữa doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề; ban hành chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao. Công tác này phải được các cấp ủy Đảng, chính

quyền xem là nhiệm vụ thường xuyên, gắn chặt với mục tiêu phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh. Là một tỉnh của Vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ, Tây Ninh sở hữu nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển các ngành kinh tế động lực, đặc biệt là nông nghiệp. Do đó, chiến lược phát triển NNL nông nghiệp phải xuất phát từ thực tiễn và giải quyết trực diện các điểm nghẽn của tỉnh.

Thực tế hiện nay cho thấy Tây Ninh đang đối mặt với nhiều thách thức lớn: thiếu hụt lao động trình độ cao trong nông nghiệp để "đi tắt đón đầu" công nghệ; sự mất cân đối lực lượng lao động giữa các vùng miền, đặc biệt là khu vực nông thôn. Ngoài ra, nhu cầu về cả số lượng lẫn chất lượng nhân lực phục vụ quá trình chuyển dịch từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao đang vô cùng cấp thiết. Vì vậy, quan điểm phát triển NNL có trọng tâm, trọng điểm, sát với nhu cầu của từng ngành, từng địa phương là một tất yếu khách quan. Trong giai đoạn đẩy mạnh đổi mới và CNH, HĐH nhằm đưa đất nước trở thành quốc gia phát triển có thu nhập trung bình cao, Tây Ninh phải chủ động tiếp cận các thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kinh tế tri thức. Tỉnh cần tập trung ngay vào các lĩnh vực mũi nhọn như nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái gắn với bảo tồn môi trường (điển hình là khu du lịch Núi Bà Đen). Chủ thể quyết định sự thành bại của tiến trình này là đội ngũ các nhà khoa học, chuyên gia giỏi, nhà quản lý xuất sắc, công nhân kỹ thuật cao và những người nông dân được đào tạo bài bản. Vì vậy, việc tập trung nguồn lực phát triển nhanh NNL nông nghiệp chất lượng cao, tránh đầu tư dàn trải, kém hiệu quả là nội dung cốt lõi trong Chiến lược phát triển NNL đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh.

Để nâng cao chất lượng đào tạo NNL nông nghiệp, cần phải gắn liền với tín hiệu thị trường; đảm bảo các tiêu chuẩn chuẩn hóa, hiện đại hóa và xã hội hóa. Thời gian qua, công tác giáo dục - đào tạo của tỉnh đôi lúc còn mang tính chủ quan, chưa sát thực tế nhu cầu thị trường và đặc thù nông nghiệp của từng

vùng. Hệ quả là tình trạng "vừa thừa, vừa thiếu" nhân lực; nhiều doanh nghiệp phải tốn chi phí đào tạo lại, gây ra hiện tượng "lãng phí kép" cho cả Nhà nước lẫn doanh nghiệp, trong khi bài toán thiếu nhân lực chất lượng cao vẫn chưa có lời giải. Do đó, đào tạo phải bám sát nhu cầu thực tế của thị trường, của doanh nghiệp và sản xuất nông nghiệp địa phương theo mô hình "đào tạo theo địa chỉ". Hệ thống đào tạo cần xây dựng các bộ tiêu chuẩn, phương pháp đánh giá và cấp chứng chỉ bám sát các khung chuẩn tiên tiến trong khu vực và quốc tế nhằm tránh tụt hậu. NNL nông nghiệp Tây Ninh không chỉ cần đáp ứng thị trường nội địa mà phải từng bước thích ứng với thị trường lao động quốc tế trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

Nội dung giảng dạy cần cập nhật liên tục các tri thức khoa học hiện đại, đặc biệt là các công nghệ lõi của Cách mạng công nghiệp 4.0 ứng dụng trong nông nghiệp. Phương pháp dạy và học cũng phải đổi mới theo hướng phát huy tính chủ động, tư duy độc lập và năng lực sáng tạo của người học. Chính sách phát triển NNL phải dựa trên thế mạnh tự nhiên và nhu cầu KT-XH thực tế của tỉnh. Từng ngành, từng lĩnh vực cần có các cơ chế đặc thù nhằm phân bổ nhân lực hợp lý, tránh tình trạng cục bộ nơi thừa nơi thiếu, làm ảnh hưởng đến tiến trình phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, xây dựng và phát triển văn hóa - con người Tây Ninh là nhiệm vụ xuyên suốt. Cần hình thành hình mẫu người Tây Ninh “năng động, sáng tạo, hào sảng, lành mạnh, văn minh, thân thiện”, phát huy tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm”. Đây chính là nguồn lực nội sinh bảo đảm cho sự phát triển bền vững thông qua việc xây dựng môi trường văn hóa đồng bộ từ gia đình đến cộng đồng. Cần kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa, hướng tới mô hình "nông nghiệp văn hóa và sáng tạo" nhằm vừa kích thích tăng trưởng vừa giữ gìn bản sắc địa phương. Đầu tư đào tạo NNL nông nghiệp chất lượng cao không chỉ nâng cao vị thế ngành nông nghiệp mà còn góp phần nâng cao dân trí, giảm nghèo bền vững và phát triển toàn diện KT-XH của tỉnh trong bối cảnh mới.

4.2.3. Phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp phải được xem là nội dung quan trọng hàng đầu, một trong ba khâu đột phá trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh

Phát triển NNL nông nghiệp chất lượng cao và lao động có kỹ năng, kết hợp với nâng cao quy mô, chất lượng dân số là khâu đột phá cấp bách nhằm phục vụ mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh. Nhiệm vụ này phải gắn liền với công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị; cải cách giáo dục - đào tạo theo định hướng trung ương và đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến.

Tây Ninh cần phát triển đồng bộ NNL nông nghiệp cả về số lượng lẫn chất lượng, trang bị các kỹ năng thiết yếu để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế nông nghiệp mới dưới tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0. Cần kết hợp chặt chẽ giữa phát triển nhân lực với ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, tận dụng tối đa thời kỳ cơ cấu dân số vàng và các cơ hội hội nhập. Các nhóm nhân lực cần được ưu tiên bao gồm: nhân lực kỹ thuật, nhân trị công nghệ, quản trị doanh nghiệp, quản lý xã hội và chăm sóc con người. Đồng thời, cần đẩy mạnh công tác hướng nghiệp sớm cho học sinh từ bậc trung học cơ sở.

Tỉnh cần từng bước giải quyết các điểm mắt cân đối trong cấu trúc nhân lực hiện tại. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng NNL tại chỗ; kết hợp giữa đào tạo nhanh nhân lực chất lượng cao tại địa phương và xây dựng chính sách thu hút chuyên gia, lao động trình độ cao từ các tỉnh thành khác hoặc từ nước ngoài về cống hiến lâu dài. Mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là đưa Tây Ninh trở thành tỉnh có ngành nông nghiệp phát triển mạnh, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và bền vững. Tạo đột phá trong đổi mới giáo dục, gắn phát triển NNL nông nghiệp chất lượng cao với tiến bộ khoa học - công nghệ. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng các thành tựu công nghệ của Cách mạng 4.0 vào đời sống, trọng tâm là hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, chính quyền số nhằm từng bước

hình thành nền kinh tế số.

Sản phẩm của quá trình đào tạo phải là đội ngũ lao động nông nghiệp có năng lực thực hành giỏi, đạo đức nghề nghiệp tốt, thể lực đảm bảo và tư duy sáng tạo nhằm tối ưu hóa năng suất lao động. Tỉnh cần điều tiết tốt quan hệ cung - cầu lao động, tạo dựng môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến bình đẳng để giữ chân nhân tài. Hạt nhân của chiến lược này là việc chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, tính chuyên nghiệp cao, tận tụy phục vụ nhân dân và có năng lực làm việc trong môi trường quốc tế.

Đổi mới và hoàn thiện công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Quy hoạch là khâu then chốt và phải đi trước một bước nhằm dự báo chính xác nhu cầu về quy mô, cơ cấu nhân lực cho toàn bộ nền kinh tế nói chung và ngành nông nghiệp nói riêng. Công tác quy hoạch đòi hỏi cách tiếp cận tổng thể, toàn diện và phải bám sát định hướng Chiến lược phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 của tỉnh. Đó là định hướng dịch chuyển từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang kinh tế nông nghiệp; quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Quy hoạch cũng cần tính đến yếu tố đặc thù của Tây Ninh như văn hóa, tâm linh, cơ cấu trình độ và các làn sóng dịch chuyển lao động, di dân cơ học. Các yếu tố này quyết định trực tiếp đến chất lượng đầu ra của NNL. Thời gian qua, Tây Ninh đã bước đầu dịch chuyển từ mô hình “đào tạo theo năng lực” sang “đào tạo theo nhu cầu”. Tuy nhiên, giai đoạn tới đòi hỏi sự chuyển biến quyết liệt hơn: đào tạo phải chủ động đón đầu các xu thế mới của thị trường lao động. Mục tiêu giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045 không chỉ dừng lại ở việc cung cấp cái thị trường cần, mà phải đi trước một bước, cung cấp những sản phẩm nhân lực mà thị trường sẽ cần, đặc biệt là cho các ngành mũi nhọn như du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo... Để làm được điều này, nội dung và phương thức đào tạo cần đổi mới dựa trên

sự kết hợp giữa chuẩn đầu ra của các Bộ ngành (Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội) và yêu cầu thực tế từ đơn vị sử dụng lao động. Hiện nay, sự tham gia của các doanh nghiệp vào khâu xây dựng chương trình đào tạo tại địa phương vẫn còn hạn chế. Do đó, tỉnh cần thiết lập một cơ chế phối hợp chặt chẽ, bảo đảm sự gắn kết hữu cơ giữa 3 nhà: Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp.

Cơ quan quản lý nhà nước cần hoàn thiện quy hoạch và ban hành các chính sách phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; các quyết định đầu tư cơ sở vật chất cần đảm bảo tính đồng bộ để phát huy tối đa công năng. Bản thân các cơ sở đào tạo phải cải tiến cơ chế quản lý, đánh giá và đãi ngộ để tạo động lực cho người lao động. Đội ngũ giảng dạy và quản lý cần được tạo điều kiện tối đa để học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp. Hệ thống chính sách giữ vai trò định hướng, tạo động lực và là hành lang pháp lý cho mọi hoạt động phát triển NNL. Dù đã ban hành nhiều chính sách đột phá nhằm thu hút nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực trọng điểm như y tế, giáo dục... nhưng Tây Ninh vẫn cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định hiện hành và bổ sung các chính sách mới để kịp thời đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn. Ngoài ra, cần điều chỉnh quy định để đảm bảo sự nhất quán, đồng bộ trong các chủ trương phân luồng giữa giáo dục đại học và hệ thống đào tạo nghề.

4.3. Những giải pháp phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới

4.3.1. Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp Ủy đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị- xã hội về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh những năm qua đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Trong đó, phải kể đến vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp Ủy đảng, chính quyền cơ sở trong việc triển

khai thực hiện những chủ trương, đường lối chính sách về phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh. Đây là một trong những yếu tố cơ bản quyết định đến thành công của phát triển đội ngũ NNL nông nghiệp và thành công của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh.

Thực trạng phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh đã chứng minh rõ vai trò, tầm quan trọng của trong lãnh đạo chỉ đạo của các cấp Ủy, tổ chức đảng trong việc đề ra những chủ trương, chính sách phát triển NNL nông nghiệp gắn với mục tiêu, chiến lược phát triển nông nghiệp của tỉnh nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh góp phần hiện thực hoá mục tiêu chiến lược phát triển KT- XH của tỉnh trong giai đoạn mới.

Các cấp Ủy, tổ chức đảng cần tăng cường đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đề ra những chủ trương, chính sách phát triển NNL nông nghiệp chất lượng cao; thực hiện ban hành những văn bản Chỉ thị, Kế hoạch, nội dung chiến lược phát triển NNL nông nghiệp chất lượng cao gắn với mục tiêu phát triển CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh. Do đó, các cấp ủy, tổ chức đảng cần có những chính sách phát triển chất lượng NNL nông nghiệp nhằm tạo ra đội ngũ NNL nông nghiệp có trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm, có thể lực và phẩm chất đạo đức trong phát triển nông nghiệp. Trong đó, chú trọng chính sách giáo dục đào tạo NNL trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm trang bị cho người lao động kiến thức chuyên môn, kỹ năng, tay nghề có khả năng ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất nông nghiệp; có phẩm chất đạo đức trong lao động sản xuất nông nghiệp nhằm sản xuất những sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao và bảo đảm yêu cầu giữ gìn môi trường sinh thái; đảm bảo sinh kế cho nông dân.

Đồng thời, các cấp Ủy, tổ chức đảng, chính quyền nhất là người đứng đầu phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, giám sát, coi trọng chất lượng hiệu quả công tác đào tạo, phát triển NNL nông nghiệp, lao động nông thôn; rà soát, cập nhật nhu cầu ngành, nghề, trình độ chuyên môn

cần đào tạo gắn với nhu cầu lao động của các Doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nghề phù hợp với thị trường lao động. Kế hoạch phát triển KT- XH, nhu cầu học nghề, việc làm của người dân, gắn với bảo tồn, phát huy không gian văn hoá, tiềm năng du lịch của khu vực nông thôn; tổ chức đào tạo nghề gắn với mô hình nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, hướng tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sản xuất hàng hoá.

Tăng cường đổi mới hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy quản lý ngành theo hướng tinh gọn, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tập trung nhân lực, nguồn lực vào những nhiệm vụ trọng yếu trong quản lý, kiến tạo ra giá trị mới cho ngành, tăng cường phân cấp cho địa phương. Tinh giảm thủ tục, minh bạch thông tin, quy trình hoá công việc gắn với từng cá nhân, tổ chức. Đổi mới công tác tuyển dụng, thu hút nhân tài, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức đảm bảo chất lượng, nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp và đạo đức, trách nhiệm. Khuyến khích, thu hút nhân lực cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng triệt để trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, được đầu tư theo hiệu quả đóng góp, đẩy mạnh xã hội hoá thu hút nguồn lực đầu tư cho ngành.

Đổi mới, nâng cao vai trò của Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã để thực sự trở thành đại diện bảo vệ quyền lợi và phục vụ cho hội viên nông dân và thành viên HTX. Nâng cao vị thế, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội; các hội, hiệp hội nghề nghiệp, đưa các tổ chức xã hội ở nông thôn vào tham gia vào quá trình phát triển KT- XH, môi trường, thể chế trong nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng cộng đồng dân cư ở nông thôn hiện đại, dân chủ, công bằng, văn minh theo phương châm: *“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”* để người dân thực sự đóng vai trò chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển.

Bên cạnh đó, cần nâng cao nhận thức về vai trò trách nhiệm của các địa phương, cơ quan, đơn vị nhất là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền trong việc quản lý, sử dụng, tạo nguồn đối với lao động nông nghiệp; có cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học và tự học để đảm bảo trình độ, không ngừng nâng cao trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tổ chức sắp xếp bộ máy tinh gọn; làm rõ vai trò, trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức. Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ đảm bảo bố trí đúng người, đúng việc và sử dụng đúng cách theo từng vị trí, năng lực. Tăng cường kiểm tra, đánh giá cán bộ sau đào tạo, bồi dưỡng để lấy kết quả đào tạo, bồi dưỡng làm kết quả đánh giá, xếp loại cho cán bộ.

4.3.2. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho đội ngũ nguồn nhân lực về quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp của tỉnh

Để nâng cao hiệu quả phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh cần thực hiện nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của đội ngũ NNL trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp. Nâng cao ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ NNL, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước nói chung và của tỉnh Tây Ninh nói riêng về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới, cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Đa dạng các kênh tuyên truyền đảm bảo tính hiệu quả, lan toả trong nhân dân, đội ngũ lao động. Qua đó, NNL nông nghiệp thấy rõ được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong quá trình phát triển CNH, HĐH nông nghiệp; từ đó, nêu cao ý thức tự giác, chủ động tích cực của đội ngũ NNL trong học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề cho bản thân; tích cực tham gia các lớp học bồi dưỡng để tiếp thu những kiến thức, khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại để ứng dụng trong sản xuất nông

nghiệp nhằm đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp theo hướng: phát triển nền nông nghiệp bền vững: đảm bảo cơ hội phát triển cho các thế hệ tương lai, khả năng thích ứng và chống chịu biến động, cân đối, hài hòa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế, tái tạo nguyên liệu, năng lượng,... trong sản xuất; Phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sinh thái: áp dụng các quy trình sản xuất thân thiện môi trường, bảo vệ cảnh quan; sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư và tài nguyên đầu vào, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường, sức khỏe con người; tôn trọng và vận dụng các quy luật tự nhiên để phát triển nông nghiệp thuận thiên, đa dạng; Chuyển từ ngành sản xuất sang phát triển nền kinh tế nông nghiệp; từ phạm vi sản xuất nông nghiệp sang tích hợp đa ngành dịch vụ, công nghiệp; từ đơn giá trị nông sản sang tích hợp sản phẩm đa giá trị; từ tập trung hỗ trợ người sản xuất sang hỗ trợ tất cả các tác nhân trong chuỗi giá trị; phát triển nông nghiệp công nghệ cao: phát triển và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, giá trị, chất lượng, khả năng thích nghi, hiệu quả sản xuất, giảm tổn thất... phát triển nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số vào các quy trình sản xuất nông nghiệp.

Tập trung phát triển NNL hướng đến thực hiện đảm bảo công bằng, phúc lợi xã hội ở nông thôn tạo điều kiện để NNL nông nghiệp yên tâm lao động, cống hiến và nâng cao trình độ cho bản thân NNL. Lấy người nông dân nông thôn là chủ thể, trọng tâm phát triển, đảm bảo tiếp cận bình đẳng. Chủ động phòng, chống rủi ro, đảm bảo địa bàn cư trú và đời sống của cư dân nông thôn an ninh và an toàn trước thiên tai, dịch họa, dịch bệnh và các biến động bất lợi; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về các biện pháp phòng tránh ứng phó và hỗ trợ kịp thời thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh. Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững, đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức giảm nghèo, dứt điểm việc xóa đói và tiến đến giảm nghèo trên toàn tỉnh. Đồng thời, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân.

Củng cố truyền thống văn hoá tốt đẹp và quan hệ gắn kết cộng đồng đa dạng tại nông thôn để chủ động phát huy nội lực và tinh thần tự chủ, tự hào, đoàn kết, sáng tạo trong các hoạt động đời sống, phát triển kinh tế, phát triển du lịch nông thôn, tăng hiệu quả quản lý xã hội và tài nguyên thiên nhiên. Tiếp tục phát huy phong trào: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” gắn với “xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở với phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” nhằm tạo động lực khơi dậy sức mạnh và nguồn lực nhân dân trong quá trình phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng, tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở.

4.3.3. Tăng cường đổi mới giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đảm bảo thực chất, có hiệu quả, có kỹ năng nghề, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, ngành nghề đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng nền nông nghiệp. Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn; thường xuyên rà soát, bổ sung ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu người học và tình hình thực tế của địa phương; chương trình đào tạo cần chú trọng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp để đáp ứng những yêu cầu của CNH, HĐH nông nghiệp, kiến thức về vệ sinh lao động, pháp luật, kinh doanh, các kỹ năng mềm và đổi mới sáng tạo cho lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyên đổi số trong tất cả các khâu của quá trình đào tạo. Nghiên cứu, đổi mới nội dung chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hướng mở, linh hoạt, phù hợp với

phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và người học. Phát huy tính chủ động của người học, gắn kết đào tạo nghề với học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập ở khu vực nông thôn, góp phần xây dựng giai cấp nông dân phát triển toàn diện, có ý chí, khát vọng xây dựng quê hương phồn vinh, hạnh phúc, có trình độ học vấn, năng lực đổi mới sáng tạo và tổ chức sản xuất tiên tiến, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư vấn, hướng nghiệp, lựa chọn ngành nghề phù hợp; tập trung đào tạo lại nguồn nhân lực nông thôn, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ, gắn với bảo tồn, phát huy các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống ở khu vực nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại. Gắn kết chặt chẽ giữa Nhà nước với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong việc xây dựng các mô hình kết nối giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động; vận dụng chính sách của Trung ương thúc đẩy phát triển nhân lực, cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn. Triển khai thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2030, gắn với thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2030. Tiếp tục ưu tiên đào tạo nghề cho lao động thuộc diện đối tượng chính sách, người có công, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật; quan tâm đào tạo nghề cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp các trình độ giáo dục nghề nghiệp kết hợp học văn hóa phổ thông để nâng cao kiến thức văn hóa và nâng cao kỹ năng nghề cho học sinh, sinh viên trước khi tham gia thị trường lao động; vận dụng các chính sách hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề cho người lao động, đặc biệt là lao động trong các khu công nghiệp, bộ đội

xuất ngũ, người cao tuổi còn đủ sức khỏe có nhu cầu tham gia thị trường lao động. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Thực hiện thống nhất việc quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu công tác, theo chức danh đương nhiệm và chức danh quy hoạch; đảm bảo CBCCVC đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn theo quy định. Đào tạo sau đại học thông qua việc đặt hàng, lựa chọn các học viện, trường đại học, các tổ chức đào tạo có uy tín, chất lượng. Áp dụng các phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đa dạng như tập trung, bán tập trung, online, kết hợp nghiên cứu thực tiễn, sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với đối tượng học viên và loại hình lớp học.

Tăng cường kết nối, tranh thủ sự hỗ trợ của các cơ quan ngoại giao, các trường đại học quốc tế, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài để tổ chức các khóa bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài (hoặc liên kết nước ngoài) cho NNL; tổ chức các khóa học theo chuyên đề, mời chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy, giới thiệu kiến thức, công nghệ mới cho cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý. Tăng cường nội dung thực hành, thảo luận và xử lý tình huống thực tiễn nhằm nâng cao tư duy chiến lược, kỹ năng xử lý tình huống, quản trị sự thay đổi,... cho đội ngũ NNL nông nghiệp. Tổ chức các chương trình hội thảo, diễn đàn trao đổi ý kiến với các nhà khoa học, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu của nước ngoài, các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn chất lượng cao (bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, năng lực chuyên môn, giải quyết các vấn đề thực tiễn đang và sẽ đặt ra trong quá trình phát triển của tỉnh). Chú trọng đào tạo, thu hút NNL theo Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về công tác tại các phòng, cơ quan, đơn vị ở các lĩnh vực khó tuyển dụng: nông học, trồng trọt, thủy lợi, lâm nghiệp...

Tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao dân trí và đời sống của người dân nông thôn; về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và sự chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, người dân về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tới phát triển kinh tế nông nghiệp, cơ cấu ngành nghề và trình độ sản xuất tại khu vực nông thôn. Quảng bá, nhân rộng những mô hình hay, cách làm mới, hiệu quả sau học nghề. Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần gắn với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho người dân, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số khu vực nông thôn; phát triển nguồn nhân lực có chất lượng.

Đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với phương thức sản xuất tiên tiến, hiện đại, phù hợp với nền nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao; nâng cao giá trị gia tăng, phát huy lợi thế, tiềm năng phát triển kinh tế của tỉnh. Có chính sách đầu tư, hỗ trợ cho đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phát triển kinh tế tập thể khu vực nông thôn. Triển khai các chương trình, đề án đào tạo, đào tạo lại lao động phục vụ chuyển đổi nghề cho người dân do biến đổi khí hậu và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tăng cường bảo đảm nguồn lực, các điều kiện nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Hỗ trợ về vốn, phương tiện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu việc làm sau học nghề. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo nghề. Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho công tác đào tạo nghề, khuyến khích tư nhân, doanh nghiệp

trong và ngoài nước đầu tư phát triển cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tiếp tục đầu tư đồng bộ, đảm bảo cơ sở vật chất cho đào tạo nghề, nhất là những nghề gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, với công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp đủ về số lượng, đảm bảo có chất lượng; huy động sự tham gia của các nhà khoa học, các nghệ nhân, doanh nhân, người sản xuất giỏi, lao động có tay nghề cao tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

4.3.4. Tập trung phát triển các nguồn lực cho phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp

Thứ nhất, tăng cường đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, hoàn thiện quan hệ sản xuất.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ nông dân sản xuất hiệu quả, tiếp cận thị trường, nguồn vốn, mua sắm máy móc, tích tụ đất đai, áp dụng công nghệ để phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng quy mô sản xuất và tham gia hợp tác xã, liên kết với doanh nghiệp trong các chuỗi giá trị. Đổi mới, phát triển hợp tác xã trở thành tác nhân kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp; thực hiện các hoạt động hỗ trợ hợp tác xã mua và phân phối chung vật tư đầu vào, liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ nông sản đầu ra và cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất bao gồm cả tín dụng. Khuyến khích và hỗ trợ các hợp tác xã phát triển thành doanh nghiệp; hợp tác xã chủ động xây dựng chuỗi giá trị nông sản... Hình thành hệ thống các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đóng vai trò hạt nhân (cung cấp đầu vào, chế biến, thương mại) liên kết với nông dân, dẫn dắt chuỗi giá trị và phát triển thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành và chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ theo Quyết định số 291/QĐ-SNN ngày 07/2/2022 của UBND tỉnh phê duyệt đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn

2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu và mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu nước ngoài. Hoàn tất sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước và các công ty nông nghiệp.

Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho NNL nông nghiệp; trình độ, hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, lao động ở nông thôn muốn khởi nghiệp các kỹ năng về nông nghiệp, kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số nông nghiệp.

Tăng nguồn vốn đầu tư công trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trong nông nghiệp. Có cơ chế, chính sách phù hợp để xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp và huy động mọi nguồn lực hợp pháp đầu tư vào nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trong nông nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học có trọng tâm, trọng điểm gắn với chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến và chuyển đổi số, coi đây là một trong những động lực và giải pháp có tính chất quyết định đến sự thành công của tái cấu trúc ngành nông nghiệp.

Đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức và hoạt động khuyến nông, đảm bảo bộ máy tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với từng loại hình sản xuất và địa phương. Phối hợp chặt chẽ công tác đào tạo, nghiên cứu và khuyến nông.

Thứ hai, tập trung phát triển khoa học- công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho NNL nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng và khả năng cạnh tranh.

Tập trung thực hiện Chương trình, Kế hoạch, Quyết định của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Trong đó, tập trung xây dựng hoàn thiện thể chế, khung pháp lý, cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy doanh nghiệp, tổ chức

khoa học và các chủ thể đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh trong năm 2026; Xây dựng Đề án thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Tây Ninh; thành lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh. Tiếp tục tập trung đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyên giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong các ngành, lĩnh vực quan trọng cho đội ngũ NNL nông nghiệp theo định hướng đột phá phát triển của tỉnh. Đẩy mạnh triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy hợp tác, liên kết giữa cơ quan quản lý, viện, trường, chuyên gia, doanh nghiệp nhằm huy động hiệu quả nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng cường hoạt động hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ. Tập trung thúc đẩy bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế. Hỗ trợ, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp từ việc nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; triển khai Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025 của HĐND tỉnh Tây Ninh hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Thực hiện hiệu lực, hiệu quả các nội dung đổi mới trong quản lý về khoa học, công nghệ, nhất là trong công tác đề xuất, đặt hàng, tuyển chọn tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại địa phương. Tăng cường triển khai dịch vụ khoa học và công nghệ góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Phát triển hạ tầng số đồng bộ theo hướng hiện đại, tập trung xây dựng các nền tảng số dùng chung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho cơ sở dữ liệu của tỉnh, kết hợp ứng dụng các công nghệ hiện đại phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy chuyển đổi số; mở rộng cung

cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp. Hướng dẫn tri thức số, kỹ năng số cho người dân, thúc đẩy phát triển xã hội số; thực hiện có hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng trong mọi hoạt động.

Thứ ba, huy động mọi nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng KT- XH, ưu tiên đầu tư các công trình trọng điểm, các công trình thuộc khâu đột phá, hạ tầng giao thông, điện, nước, đô thị, văn hoá- xã hội.

Tập trung khai các công trình giao thông trọng điểm, đột phá, trực động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Đường trục động lực Bình Dương - Tây Ninh - Long An; Đường trục động lực Vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh; Đường trục động lực Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang (trục Đường tỉnh ĐT.827E); Đường trục động lực Tân An - Bình Hiệp; Đường trục động lực Đức Hòa; Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Gò Dầu - Xa Mát,... Từng bước đầu tư nhựa hóa các tuyến đường giao thông chính đến trung tâm các xã, nhất là xã có đường biên giới, vùng có truyền thống cách mạng, vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh,...

Tiếp tục phát triển hạ tầng viễn thông theo hướng chuyển dịch từ truyền thống sang hạ tầng số. Phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các trạm thu phát sóng di động (trạm BTS); xây dựng hệ sinh thái số bằng việc hợp tác giữa tỉnh và doanh nghiệp; thúc đẩy phát triển mạng và 5G rộng khắp toàn tỉnh; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học và các ngành trọng điểm như sản xuất, y tế, logistics. Phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng về công nghệ 5G và tạo điều kiện thuận lợi về chính sách để doanh nghiệp triển khai và thương mại hóa 5G, đồng thời đảm bảo nguồn vốn và hiệu quả kinh tế cho các dự án. Thu hút, đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng nước sạch, thúc đẩy phát triển hạ tầng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như điện mặt trời, điện khí hóa lỏng... đảm bảo đáp ứng

yêu cầu phát triển. Phát triển hạ tầng điện, ưu tiên đầu tư các công trình quan trọng đáp ứng nhu cầu điện phục vụ sản xuất, kinh doanh, nhất là cung cấp điện cho các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tiếp tục hỗ trợ triển khai đầu tư dự án Nhà máy Nhiệt điện LNG Long An I & II và các dự án năng lượng tái tạo tại Hồ Dầu Tiếng.

Tăng cường quản lý chất lượng đô thị, thiết lập lại trật tự trong quản lý đất đai, quản lý đô thị. Phát triển đô thị tinh theo hướng kiến trúc đô thị phải đảm bảo chất lượng, tầm nhìn, đồng bộ và có cách tiếp cận theo hướng đô thị bền vững, sinh thái, thông minh và có điểm nhấn, mang nét đặc trưng riêng của địa phương. Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa gắn với hiệu quả kinh tế đô thị. Chú trọng phát triển các đô thị lớn tiếp giáp với Thành phố Hồ Chí Minh và vùng đô thị công nghiệp, mang tính liên kết cao và tạo động lực mới cho quá trình phát triển của tỉnh. Đa dạng hóa các loại hình nhà ở, khuyến khích, đẩy mạnh đầu tư phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân. Đồng thời, quan tâm công tác chỉnh trang đô thị hiện hữu, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rác thải tập trung cho các đô thị và các khu vực có điều kiện trên địa bàn tỉnh; từng bước hiện đại hoá hạ tầng và dịch vụ ở khu đô thị nông thôn, đáp ứng cơ bản đời sống của người dân, tiến đến chất lượng đô thị.

4.3.5. Thúc đẩy hợp tác công tư và chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp.

Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; phấn đấu nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2.0 (PCI) năm 2026 duy trì Top đầu cả nước. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh, duy trì nằm trong tốp đầu của cả nước; vận hành tốt Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, hạn chế tối đa việc người dân, doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần, khắc phục tình trạng quá hạn trong giải quyết thủ tục hành

chính....; tiếp tục xây dựng đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương (DDCI) của tỉnh. Xây dựng hình ảnh Tây Ninh là một tỉnh có môi trường đầu tư tiềm năng, thân thiện, bình đẳng trong mắt các nhà đầu tư. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư bảo đảm có hiệu quả; tổ chức tiếp xúc với các tập đoàn kinh tế mạnh trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế để tranh thủ cơ hội thu hút đầu tư, quan tâm thu hút các dự án đầu tư nước ngoài có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, sử dụng đất hiệu quả. Duy trì tổ chức đối thoại với doanh nghiệp theo định kỳ hàng quý, liên hệ chặt chẽ Hội, Hiệp hội doanh nghiệp các nước và vùng lãnh thổ để kịp thời nắm bắt và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Công bố, công khai các quy hoạch, các dự án đầu tư lớn để doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân nắm thông tin.

Chú trọng phát triển NNL chất lượng cao nhằm mục tiêu phát triển các thành phần kinh tế, trong đó tập trung khắc phục các yếu kém của kinh tế tập thể, nhất là đối với hợp tác xã nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp; khuyến khích phát triển hợp tác xã với hình thức mở rộng quy mô thành viên, hoạt động đa ngành; ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh; sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết với doanh nghiệp. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Tiếp tục phát huy vai trò kinh tế tư nhân theo hướng là động lực quan trọng của nền kinh tế; tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp chất lượng cao, nâng cao năng suất lao động; đẩy mạnh đổi mới máy móc, trang thiết bị, quy trình sản xuất theo hướng hiện đại để tăng tính cạnh tranh. Huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Nghiên cứu xây dựng danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức đối tác công tư. Các dự

án đối tác công tư phải được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng; công tác chuẩn bị hồ sơ và công việc sơ bộ cần được ưu tiên và tập trung thực hiện trước khi bắt đầu các cuộc thảo luận đối tác công tư với các nhà đầu tư tiềm năng.

Tích cực hợp tác với các Bộ, ngành Trung ương để tranh thủ tối đa các nguồn vốn Trung ương, vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư kết cấu hạ tầng KT-XH. Thực hiện tốt công tác thu, chi ngân sách. Tăng tính bền vững và khai thác hiệu quả các nguồn thu; các giải pháp chống thất thu, nợ thuế, chuyển giá. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng hiệu quả, bền vững, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đảm bảo chi cho phòng chống dịch bệnh, cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng an ninh. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động tín dụng, ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, phát triển nông nghiệp, HTX. Phấn đấu huy động vốn tăng bình quân 11%/năm; dư nợ tín dụng tăng bình quân 15%/năm, trong đó nợ xấu dưới 3%/tổng dư nợ.

Phát huy vai trò động lực dẫn dắt, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của đầu tư công và phát triển NNL. Quản lý, giám sát chặt chẽ đầu tư công; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh giải ngân nguồn vốn. Tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng ngay từ đầu năm 2026, phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch giao; nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ đầu tư, chấn chỉnh công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đảm bảo công khai, minh bạch; kiên quyết xử lý kịp thời đối với các chủ đầu tư vi phạm, nhà thầu chậm tiến độ; tiếp tục triển khai việc lựa chọn nhà thầu qua mạng đảm bảo hoàn thành tỷ lệ theo quy định của Trung ương. Tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư; đẩy nhanh tiến độ dự án đầu tư công trên địa bàn mình quản lý.

Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp thâm nhập thị trường tiêu thụ mới, nhất là các thị trường khó tính

nhằm đa dạng hoá thị trường xuất khẩu; chú trọng xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm. Hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu phát triển sản xuất có giá trị gia tăng cao nhằm đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu và tham gia tích cực vào chuỗi giá trị toàn cầu, đảm bảo tăng trưởng xuất khẩu đạt hiệu quả, bền vững. Phát huy lợi thế cửa ngõ giao thông, giao thương quan trọng từ Việt Nam sang Campuchia và các nước trong khu vực ASEAN; tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biên mậu. Kịp thời thông tin về thị trường thế giới, những thay đổi về chính sách, các rào cản kỹ thuật trong thương mại, tập quán buôn bán của thị trường, nội dung của các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết để doanh nghiệp tận dụng tốt nhất lợi thế thị trường, ưu đãi về thuế quan, nâng cao khả năng cạnh tranh, đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại hiện đại, dịch vụ cảng, logistics,...; tiếp tục mời gọi đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ giao nhận, logistics theo định hướng quy hoạch tạo động lực phát triển các loại hình thương mại văn minh, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế; củng cố và phát huy vai trò các kênh phân phối truyền thống, phục vụ sinh hoạt của dân cư; hỗ trợ vận hành có hiệu quả Cảng Quốc tế Long An hơn nữa. Thực hiện có hiệu quả mục tiêu phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản, Đề án thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng lưới phân phối nước ngoài, Đề án tiêu thụ hàng hóa nông sản chủ lực Tăng cường cầu nối, giới thiệu, liên kết hợp tác sản xuất, tiêu thụ, nhất là liên kết hợp tác với các tỉnh, Thành phố Hồ Chí Minh để thúc đẩy tiêu thụ nông sản. Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh giúp quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường, phát triển giao dịch thương mại điện tử trên các sàn thương mại điện tử uy tín. Hỗ trợ tiếp cận thực hiện chuyển đổi số, tham gia vào cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0...

Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, đặc biệt là buôn lậu qua biên giới; đề ra giải pháp để quản lý thị trường kinh doanh hàng hóa trên không gian mạng, góp phần kiểm soát thị trường, chống gian lận thương mại, cạnh tranh không lành mạnh trong thương mại điện tử. Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch hấp dẫn để thu hút du khách trên cơ sở phát huy các tiềm năng về du lịch sinh thái, các khu di tích, lịch sử văn hóa và liên kết với các tỉnh, thành trong khu vực. Tăng cường kết nối để phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, hình thành chuỗi giá trị văn hóa - du lịch, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động đa dạng nguồn lực nhằm xây dựng ngành du lịch bền vững, hiện đại, giàu bản sắc. Tạo điều kiện, tập trung thu hút đầu tư, khai thác hoàn thành các mục tiêu theo quy hoạch chung đối với Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen trở thành trung tâm du lịch tâm linh - sinh thái đặc sắc của khu vực phía Nam với đẳng cấp quốc tế, gắn với bảo tồn văn hóa, cảnh quan thiên nhiên và xây dựng thương hiệu du lịch quốc gia, kết nối với Tòa Thánh Tây Ninh, hồ Dầu Tiếng, Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát, Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Căn cứ Trung ương Cục miền Nam... trong hành trình du lịch văn hóa, lịch sử truyền thống đặc sắc. Đồng thời khai thác hiệu quả các điểm du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, nông thôn tiềm năng như: Khu du lịch Làng nổi Tân Lập, Khu du lịch Cánh đồng bất tận, Khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen.

Tiểu kết chương 4

Trên cơ sở đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh; Chương 4 tác giả đề xuất một số quan điểm cơ bản và giải pháp cơ bản mang tính định hướng nhằm phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh như sau:

Thứ nhất, phân tích bối cảnh mới tác động đến phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh trên cơ sở phân tích những tác động của tình hình trong nước và quốc tế đến phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh

để làm cơ sở đề xuất những quan điểm, giải pháp mang tính đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn trong nước, quốc tế và trong địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Thứ hai, đưa ra hệ thống các quan điểm mang tính chiến lược, định hướng cho việc phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh; những quan điểm đều xuất phát từ thực trạng phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh và những đòi hỏi thực tiễn phát triển CNH, HĐH ở tỉnh nói chung và đối với nông nghiệp nói riêng.

Thứ ba, từ cơ sở của thực trạng phát triển NNL và các quan điểm phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp trên đây, tác giả luận án đề xuất một số giải pháp cơ bản để phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới, trong đó tập trung vào 5 giải pháp cơ bản, trọng tâm gắn với thực tiễn phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh.

Có thể nói, từ việc đề xuất những quan điểm định hướng và những giải pháp phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới sẽ tạo ra NNL nông nghiệp chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp và thực tiễn phát triển KT- XH tương xứng với những tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Tây Ninh.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về NNL và phát triển NNL luôn được xem là vấn đề trọng tâm đối với sự phát triển của mỗi quốc gia trong đó có Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn mới, Đảng ta luôn nhấn mạnh đến phát triển nguồn nhân lực, coi đó là chìa khóa cơ bản quyết định đến thành công của quá trình phát triển KT- XH. Phát triển nguồn nhân lực chính là hướng đến mục tiêu phát triển con người- yếu tố hàng đầu của lực lượng sản xuất, con người luôn được xem là vị trí trung tâm, là mục tiêu, động lực của quá trình phát triển đất nước. Trong suốt quá trình lãnh đạo, Đảng ta luôn vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển con người nhằm đáp ứng những đòi hỏi thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp, nhằm phát huy tốt vai trò, vị trí trở thành bộ đỡ của nền kinh tế đất nước, phát triển nguồn nhân lực ngày càng trở thành nhiệm vụ chiến lược, trọng tâm. Đặc biệt, trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp là điều kiện cơ bản để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tạo điều kiện phát triển và vận hành mô hình nông nghiệp thông minh, hiện đại; góp phần thực hiện mục tiêu phát triển “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Tại Đại hội XIV, Đảng ta đề ra đột phá chiến lược về phát triển NNL chất lượng cao: “Tập trung chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nhân tài; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”[59; 147]. Phát triển NNL nông nghiệp chất lượng cao là điều kiện tiên quyết để thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững.

Trong những năm qua, tỉnh Tây Ninh luôn quan tâm, chú trọng phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh nông nghiệp của tỉnh; xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm có thể lực tốt, đáp ứng đòi hỏi thực tiễn đẩy mạnh CNH, HĐH và phát triển KT- XH của tỉnh; góp phần thực hiện mục tiêu mà Đảng ta đã nhấn mạnh tại Đại hội XIV: “Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hiện đại trong nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp; phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới”[59; 94].

Vì vậy, để giải quyết được mục đích nghiên cứu của luận án, nghiên cứu sinh tập trung làm rõ một số vấn đề cơ bản: làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của phát triển nguồn nhân lực CNH, HĐH nông nghiệp, những yếu tố tác động đến phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh; phân tích thực trạng phát triển nguồn nhân lực CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh; chỉ rõ những vấn đề đặt ra đối với phát triển NNL CNH, HĐH nông nghiệp tỉnh Tây Ninh. Trên cơ sở đó, đề xuất những quan điểm, giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh trong thời gian tới.

Có thể nói, phát triển nguồn nhân lực CNH, HĐH nông nghiệp luôn được xem là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị trong toàn Tỉnh; đặc biệt, trong bối cảnh Tây Ninh thực hiện sáp nhập với tỉnh Long An cũ và vận hành bộ máy chính quyền địa phương hai cấp. Tỉnh Tây Ninh cần xây dựng những chủ trương, chính sách, chiến lược cụ thể nhằm phát triển, đào tạo NNL chất lượng cao nói chung và NNL trong lĩnh vực nông nghiệp nói riêng nhằm đáp ứng thực tiễn đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp của tỉnh. Trải qua hơn 50 năm hình thành và phát triển, ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh đã từng bước đóng góp quan trọng vào sự phát triển KT- XH của tỉnh,

luôn khẳng định vai trò là trụ đỡ thúc đẩy, hỗ trợ phát triển cho các ngành kinh tế khác. Từ xuất phát từ nền nông nghiệp thấp, canh tác lạc hậu, bị tàn phá bởi chiến tranh với cơ sở hạ tầng phụ vụ cho sản xuất nông nghiệp gần như là không có cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp chính quyền, sự nỗ lực vươn lên của người dân, doanh nghiệp đã từng bước giúp sản xuất nông nghiệp của tỉnh giải quyết được nạn đói, khắc phục tình trạng thiếu lương thực để vươn lên thoát nghèo và từng bước làm giàu bằng nông nghiệp; góp phần cải thiện cuộc sống cho người dân, nâng cao chất lượng nông thôn của tỉnh và xây dựng tỉnh ngày càng giàu đẹp, văn minh. Đồng thời, góp phần vào sự phát triển KT- XH của đất nước, hiện thực hóa mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội hướng tới thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; đưa đất nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN TỚI
ĐỀ TÀI CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Hồng Thật (2026), “Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh, *Tạp chí Cộng sản*, tháng 3.
2. Nguyễn Hồng Thật (2026), “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, đăng ngày 08-5- 2026.
3. Nguyễn Hồng Thật (2026), “Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh”, *Tạp chí Thanh niên Việt*, tháng 6.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Ngọc Anh, Phạm Minh Đức (2013), “Thu nhập của nông hộ trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá- nhìn từ góc độ các yếu tố đầu vào của sản xuất”, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, (195), tr.71-78.
2. Nguyễn Thị Ánh (2020), *Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững ở nước ta*, Tạp chí Cộng sản, tháng 10.
3. Phạm Thị Kim Anh (2023), “Giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo Nghị quyết số 29- NQ/TW”, *Tạp chí Tài chính*, ngày 11-9-2023.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của BCHTW Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân*.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Nghị quyết số 29- NQ/TW ngày 17-11-2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Nghị quyết số 19- NQ/TW ngày 16-6-2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2024), *Chỉ thị số 37- CT/TW ngày 10-7-2024 về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn*.
8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2025), *Nghị quyết số 71- NQ/TW ngày 22-8-2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
9. Ban chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp Trung ương (2026), *Kết quả Tổng Điều tra nông thôn, nông nghiệp 2025*.
10. Bùi Quang Bình (2004), “Sử dụng nguồn nhân lực nông thôn Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, 3(7), tr.76-81.
11. Nhiệm Trọng Bình (2004), “Sự thăng hoa của thực tiễn xây dựng toàn diện xã hội khá giả - bàn về quan điểm phát triển, quan điểm thành tích, quan

điểm nhân tài, quan điểm quần chúng”, *Nhân dân Nhật báo*, (12), Bắc Kinh, Trung Quốc.

12. Lưu Tiểu Bình (2011), *Lý luận và phương pháp đánh giá nguồn nhân lực hiện nay*, Nxb. Đại học Vũ Hán, Trung Quốc.

13. Trần Thanh Bình (2003), *Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế. Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

14. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2011), *Quyết định 2534/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2011-2020*.

15. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2014), *Quyết định 1323/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2014-2020*.

16. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2023), *Báo cáo kết quả công tác năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023*.

17. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ (2008), *Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15/5/2008 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn- Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn*.

18. Nguyễn Đình Bắc (2018), “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, *Tạp chí Cộng sản*, (906).

19. Nguyễn Trọng Bảo (1996), *Gia đình, nhà trường xã hội với việc phát triển, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ người tài*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

20. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2006), “*Nguồn nhân lực chất lượng cao: hiện trạng phát triển, sử dụng và các giải pháp tăng cường*”, Hà Nội.
21. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011), “*Báo cáo tổng hợp quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011- 2020*”, Hà Nội.
22. Trần Xuân Cầu và Mai Quốc Chánh (2012), *Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực. Trường Đại học Kinh tế quốc dân*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
23. Tân Châu (2025), “Chủ động nguồn nhân lực cho giai đoạn phát triển mới”, *Báo Đại biểu nhân dân*, ngày 08-3.
24. Mai Quốc Chánh (chủ biên) (1999), “*Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước*”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Lê Thị Chiên, Thành Thu Trang (2023), “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá”, *Tạp chí Tuyên giáo*, ngày 09- 01-2023.
26. Nguyễn Trọng Chuẩn (2002), *Một số vấn đề về Triết học - con người - xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
27. Nguyễn Trọng Chuẩn (2016), “Nhân tố con người và văn hoá trong sự phát triển bền vững đất nước”, *Tạp chí Triết học* (2), tr.45-49.
28. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Thế Nghĩa, Đặng Hữu Toàn (2002), *Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Đình Chung (2018), “Tây Ninh phấn đấu trở thành tỉnh phát triển công nghiệp hiện đại”, *Báo Tây Ninh Online*, ngày 24-11.
30. Thu Chung (2022), “Nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển bền vững tỉnh Quảng Ninh”, *Cổng Thông tin điện tử Quảng Ninh, quangninh.gov.vn*, ngày 02-12-2022.
31. Chính phủ Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ Nước Cộng hòa*

xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện.

32. Chính phủ Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2011), *Quyết định 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011- 2030.*

33. Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2026), *Nghị quyết số 85/ NQ- CP, ngày 04/4/2026 Về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 219- KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19- NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*

34. Đỗ Minh Cương và Nguyễn Thị Doan (2001), “*Phát triển nguồn nhân lực giáo dục đại học Việt Nam*”. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

35. Trương Bồi Cương (2019), *Nông nghiệp và Công nghiệp hóa*, Nxb. Thương vụ, Bắc Kinh.(张培刚 “农业与工业化”, 商务印书馆出版社, 北京)

36. Lê Khánh Cường (2023), “Phát triển nguồn nhân lực cho ngành nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, ngày 16-11-2023.

37. Phùng Danh Cường (2010), "Phát triển con người ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, (8).

38. Nguyễn Chí Dũng (2010), *Một số vấn đề cấp thiết trong phát triển xã hội và quản lý xã hội ở nông thôn nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị- Hành chính, Hà Nội.

39. Nguyễn Hữu Dũng (2002), “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (8), tr.25-30.

40. Nguyễn Hữu Dũng (2003), *Sử dụng hiệu quả nguồn lực con người ở Việt Nam*, Nxb. Lao động - xã hội, Hà Nội.
41. Nguyễn Văn Dũng (2011), “*Nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng phát triển kinh tế thời kỳ mới: từ chiến lược đến thực thi*”, Kỷ yếu hội thảo khoa học Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, Trường đại học Kinh tế- Luật, Hà Nội.
42. Phạm Ngọc Dũng (2014), *Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Lã Trọng Đại (2022), “*Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá: phương thức quan trọng xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường*”, *Báo Đại biểu nhân dân*, ngày 04-12-2022.
44. Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (2025), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ I nhiệm kỳ 2025- 2030*.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành trung ương*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Khoá X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.91.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập II*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
61. Hải Đăng (2024), “Đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hiện có”, *Báo Tây Ninh*, ngày 13-9.
62. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
63. Lê Thị Hồng Điệp (2010), “*Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
64. Lê Cao Đoàn (chủ biên) (2008), “*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới*”, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

65. Tiến Dũng (2023), “Quảng Ninh nỗ lực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 04-8-2023.
66. Nguyễn Minh Đức và Hồ Phan Lâm Trường (2014), “Một số vấn đề thực tiễn về phát triển nguồn nhân lực vùng Trung Bộ”, *Tạp chí Nghiên cứu con người* (5), tr.34- 37.
67. Trần Khánh Đức (2010), “*Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*”, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
68. Nguyễn Văn Giàu (2015), “Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và những vấn đề đặt ra trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 29-6-2015.
69. Jeffrey Rissman (2024), *Công nghiệp không carbon: chuyển đổi công nghệ và chính sách để đạt được thịnh vượng bền vững*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. Việt Khoa (2025), “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu tình hình mới”, *Cổng thông tin điện tử Tây Ninh*, ngày 24-02.
71. Lưu Song Hà (chủ biên) (2015), *Nguồn nhân lực nữ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
72. Nguyễn Thái Hà (2022), “Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0”, *Tạp chí Tài chính*, *tapchitaichinh.vn*, ngày 19-11-2022.
73. Nguyễn Thị Thanh Hà (2014), *Đội ngũ trí thức Giáo dục Đại học Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
74. Phạm Minh Hạc (chủ biên) (1996), *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

75. Phạm Minh Hạc (1996), *Phát triển giáo dục, phát triển con người phục vụ phát triển kinh tế- xã hội*, Nxb. khoa học xã hội, Hà Nội.

76. Phạm Minh Hạc (2001), “*Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá*”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

77. Phạm Minh Hạc, Phạm Thành Nghị, Vũ Minh Chính (chủ biên) 2004, “*Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực, niên giám nghiên cứu số 3*”, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

78. Phạm Minh Hạc (2007) (Chủ biên), “*Phát triển văn hoá, con người và nguồn nhân lực thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

79. Tạ Ngọc Hải (2013), “Một số nội dung về nguồn nhân lực và phương pháp đánh giá nguồn nhân lực”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, truy cập ngày 18-6-2024.

80. Trần Kim Hải (1999), *Sử dụng nguồn nhân lực trong quá trình CNH, HĐH ở nước ta*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

81. Phạm Thị Hạnh (2020), “Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, *Tạp chí Cộng sản*, tapchicongsan.org.vn, ngày 21-02- 2020.

82. Nguyễn Phan Thu Hằng (2017), *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại tập đoàn dầu khí Việt Nam đến 2025*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học kinh tế - Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

83. Vũ Lệ Hằng, Phùng Thế Đông (2024), “Điều kiện để hiện thực hoá mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, ngày 31-5-2024.

84. Nguyễn Quang Hậu (2012), *Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Phú Thọ*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Nông nghiệp, Hà Nội.

85. Nguyễn Huy Hiệu (2011), “Giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

XHCN theo tinh thần nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, (6), tr.15-18.

86. Thẩm Vinh Hoa - Ngô Quốc Diệu do Nguyễn Như Diệm dịch (2008), *Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài kể lớn trăm năm chấn hưng đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

87. Trần Thị Vân Hoa, Đỗ Thị Đông (2024), *Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

88. Hoàng Ngọc Hoà (), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá ở nước ta*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

89. Nguyễn Hữu Hồi (2024), “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, ngày 14-3-2024.

90. Nguyễn Mai Hương (2011), “*Kinh nghiệm một số quốc gia Châu Á về phát triển nguồn nhân lực trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế* - bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, (27), tr.52-58.

91. Nguyễn Thị Giáng Hương (2016), *Phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

92. Đoàn Văn Khái (2005), *Nguồn lực con người trong quá trình CNH, HĐH ở Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

93. Đặng Cảnh Khanh (2005), *Nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số: Những phân tích xã hội học*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.

94. Đặng Cảnh Khanh (2011), “Phát triển nguồn nhân lực trẻ”, *Báo Nhân dân cuối tuần*, ngày 23-3-2011.

95. Nguyễn Văn Khánh (chủ biên) (2010), *Xây dựng và phát huy nguồn nhân lực trí tuệ Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

96. Bùi Thị Ngọc Lan (2010), *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2010, “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức*, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, ĐTKH.

97. Lê Thị Ái Lâm (2002), *Phát triển nguồn nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo ở một số nước Đông Á. Kinh nghiệm đối với Việt Nam*, LATS Kinh tế. Viện Kinh tế thế giới.

98. Trương Lập, Trình Nam, Thiều Lập Quốc (2023), *Công nghiệp Hiện đại hóa - Con đường xây dựng cường quốc sản xuất trong thời đại mới*, Nxb. Công nghiệp Điện tử, Bắc Kinh. (张立、程楠、邵立国 (2023), *工业现代化——新时代的制造强国之路*, 电子工业出版社, 北京)

99. Đinh Thị Bích Liên (2020), “Đến năm 2030, Tây Ninh phấn đấu trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại”, *Báo Công Thương*, ngày 17-4.

100. Bùi Sĩ Lợi (2002), *Phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Thanh Hoá đến năm 2010*. LATS Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

101. V.I.Lênin (1974), *Toàn tập*, tập 29, Nxb. Tiến bộ, Matxcova.

102. V.I. Lênin (1995), *Toàn tập*, tập 38, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

103. Hoàng Thuỳ Linh, Vũ Trọng Thiện (2024), “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm kinh tế, tài chính của châu Á”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 31-3-2024.

104. Nguyễn Thị Bích Loan (2022), “Những giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045”, *Trang Thông tin điện tử, Hội đồng Lý luận Trung ương, hdl.vn*, ngày 12-7-2022.

105. Nguyễn Lộc (2010), *Những vấn đề cơ bản về phát triển nguồn nhân lực Việt Nam*, Mã số: B2006-37-02TĐ, ĐTKHNN, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

106. Tăng Minh Lộc (2008), “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn”, *Tạp chí Cộng sản*, (19).

107. Vũ Thị Phương Mai (2004), “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao qua thực tiễn công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở một số nước”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, (11).

108. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

109. C.Mác và Ph.Ăngghen (1996), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

110. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, Tập 20, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

111. C.Mác và Ph.Ăngghen (1996), *Toàn tập*, Tập 27, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

112. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

113. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

114. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

115. Tuấn Minh (2007), “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, *Báo Hải Phòng online*.

116. Phạm Văn Mọi (2010), *Giải pháp phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ ở Hải Phòng phục vụ CNH, HĐH*, Luận án tiến sĩ quản lý kinh tế, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

117. Bun Sạ Thiên King Keo Bun Nong (2013), “Phát triển nguồn lực con người với việc phát triển tay nghề”, *Tạp chí Nhà Quản lý*, (11).

118. Hương Ngát (2024), “Tây Ninh: phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, ngày 24-12.

119. Trần Thị Minh Ngọc (2001), *Sử dụng nguồn nhân lực nông thôn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam*, LATTS Viện Kinh tế học.

120. Nguyễn Thị Nguyệt (2014), “Một số vấn đề phát triển nông nghiệp Việt Nam trong những năm gần đây”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, tr. 38-47.

121. Nguyễn Văn Nghi (2023), “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước”, *Tạp chí Công thương*, ngày 16-5-2023.

122. Phạm Công Nhất (2007), *Phát huy nhân tố con người trong phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

123. Vũ Phương Nhi (2025), “Tây Ninh: Công nghiệp và dịch vụ du lịch là động lực chủ yếu cho tăng trưởng”, *Báo điện tử Chính phủ*, truy cập ngày 24-4-2025.

124. Bùi Văn Nhơn (2006), *Quản lý và phát triển nguồn nhân lực xã hội*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

125. Phạm Thành Nghị (2007), *Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

126. Phạm Thành Nghị, Vũ Hoàng Ngân (chủ biên) (2004), *Quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

127. Nguyễn An Ninh (2010), *Những nhân tố mới tác động đến triển vọng của CNXH ở Việt Nam*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.

128. Chu Tiến Quang, Nguyễn Hữu Tiến, Lê Xuân Đình, Lưu Đức Khải, Nguyễn Thị Hiên và Trần Toàn Thắng (2005), *Huy động và sử dụng các nguồn lực trong phát triển kinh tế nông thôn - Thực trạng và giải pháp*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

129. Nhi Trần (2021), “Tìm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong sản xuất nông nghiệp”, *Báo Tây Ninh*, ngày 18-6.

130. Nguyễn Ngọc Phú (2010), *Nguồn nhân lực và nhân tài cho phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam trong tiến trình đổi mới-những vấn đề lý luận*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

131. Phùng Hữu Phú (Chủ biên) (2011), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra trong tình hình hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

132. Vũ Văn Phúc và Nguyễn Duy Hùng (đồng chủ biên) (2012), *Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

133. Vũ Văn Phúc, Phạm Việt Dũng, Phùng Bảo Ngọc (Đồng chủ biên) (2015), *Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.

134. Nguyễn Văn Phúc, Mai Thị Thu (Đồng chủ biên) (2012), *Khai thác và phát triển tài nguyên nhân lực Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

135. Lê Văn Phục (2010), “Kinh nghiệm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của một số nước trên thế giới”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (6).

136. Nguyễn Phương (2018) (Hệ thống), *Cẩm nang xây dựng nông thôn mới chính sách phát triển ngành nghề, nông nghiệp, nông thôn*, Nxb. Nông nghiệp, Tp. Hồ Chí Minh.

137. Võ Văn Phương (2012), “Tây Ninh đẩy mạnh phát triển công nghiệp- tiểu, thủ công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 18-7.

138. Hồ Sỹ Quý (2003), *Con người và phát triển con người trong quan niệm của C.Mác và Ph. Ăngghen*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

139. Hồ Sỹ Quý (2007), *Con người và phát triển con người*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

140. Phạm Văn Quý (2005), *Các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển nguồn nhân lực phục vụ CNH, HĐH*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Viện Kinh tế Việt Nam, Hà Nội.

141. Trần Quang Quý (2012), “Hợp tác giáo dục và phát triển nguồn nhân lực Việt Nam - Lào”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (9), tr.64-67.

142. Trần Gia Quý, Hoàng Quân Tuệ (2009), *Nghiên cứu Vấn đề Công nghiệp hóa và Công nghiệp Hiện đại hóa Trung Quốc*, Nxb. Quản lý Kinh tế, Bắc Kinh. (陈佳贵.黄群慧(2009),“中国工业化与工业现代化问题研究”, 经济管理出版社, 北京)

143. Phan Ngọc Quỳnh(2019), “Một số kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, ngày 29-6-2019.

144. Bùi Ngọc Quỳnh, Phạm Quốc Quân (2023), “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 04-6-2023.

145. Nguyễn Văn Quyết, “Xây dựng nông thôn mới- Một số vấn đề đặt ra hiện nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, tháng 5 năm 2013.

146. Tô Huy Rứa, “Một số vấn đề về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, số 12-2014.

147. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Tây Ninh (2022), *Báo cáo số lượng lao động được giải quyết việc làm của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2022, kế hoạch 2020-2025*.

148. Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh (2023), *Báo cáo chất lượng cán bộ, công chức, Tây Ninh*.

149. Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh (2024), “*Tây Ninh quan tâm đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực công*”, ngày 29-11.

150. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh (2020), *Dự án Quy hoạch nông nghiệp tỉnh Tây Ninh*.

151. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh (2020), *Báo cáo Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Tây Ninh*.

152. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam- Hôm nay và mai sau*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

153. Nguyễn Hồng Sơn (2024), “Một số nội dung chủ yếu trong đường lối, chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá liên quan đến chuyển đổi công nghiệp”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 12-11-2024.

154. Phạm Minh Sơn (2025), *Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.

155. Phương Kỳ Sơn (1997), “Con người, yếu tố quyết định nhất của lực lượng sản xuất”, *Tạp chí Triết học*, số 3-1997.

156. Đặng Thị Tố Tâm (2023), “Những vấn đề đặt ra đối với công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam”, *Tạp chí Xây dựng*, ngày 10-11-2023.

157. Phan Thị Thanh Tâm (2000), *Các giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước*, LATTS, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

158. Nguyễn Kim Thản, Hồ Hải Thụy và Nguyễn Đức Dương (2005), *“Từ điển Tiếng Việt”*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn.

159. Đỗ Thị Thạch (2011), *“Chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong văn kiện Đại hội XI của Đảng”*, Tạp chí Lịch sử Đảng, (7), tr.32-35.

160. Nguyễn Thanh (2001), *“Phát triển nguồn nhân lực và vai trò của giáo dục - đào tạo đối với phát triển nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta hiện nay”*, Luận án tiến sĩ Triết học, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.

161. Nguyễn Thanh (2005), “*Phát triển nguồn nhân lực phục vụ CNH, HĐH đất nước*”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
162. Thanh Thanh (2023), “Phát triển nguồn nhân lực, góp phần đưa Tây Ninh phát triển nhanh và bền vững”, *Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Tây Ninh*, ngày 21-4.
163. Trần Thanh (2024), “Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh”, *Cổng Thông tin điện tử Chuyển đổi số Quảng Ninh*, *quangninh.gov.vn*, ngày 25-4-2024.
164. Ngô Đăng Thành, Trần Quang Tuyền và Mai Thị Thanh Xuân (2010), *Các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
165. Trần Thắng (2013), “Phát triển nguồn nhân lực trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, 6.
166. Chu Thị Thảo (2021), “Giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho ngành nông nghiệp ở Việt Nam”, *Tạp chí Công thương*, số 15, tháng 6.
167. Vũ Bá Thê (2005), *Phát huy nguồn lực con người để công nghiệp hóa, hiện đại hóa: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
168. Nguyễn Thanh Thịnh (2014), “Đổi mới chính sách để thu hút nguồn nhân lực trẻ”, *Tạp chí Lao động cuối tuần* (22), tr.33- 37.
169. Lương Quang Thọ (2024), “Quảng Ninh chú trọng phát triển nguồn nhân lực số”, *Báo Nhân dân*, *nhandan.vn*, ngày 20-3-2024.
170. Nguyễn Văn Thông (2023), “Phát triển nguồn nhân lực ở Quảng Ninh hiện nay - Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Cộng sản*, *tapchicongsan.org.vn*, ngày 15-3-2024.
171. Văn Tất Thu (2011), *Nhân tài và những vấn đề cơ bản trong sử dụng, trọng dụng nhân tài*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

172. Nguyễn Tiệp (2005), “Tác động của WTO đối với phát triển nguồn nhân lực Việt Nam”, *Tạp chí Lao động xã hội*, (300).

173. Tỉnh Ủy Tây Ninh (2022), *Kế hoạch số 129-KH/TU ngày 04/01/2023 của Tỉnh ủy Tây Ninh về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

174. Tỉnh Ủy Tây Ninh (2024), *Báo cáo số 230- BC/BCSD việc thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất lượng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030, ngày 23-4-2024*.

175. Trần Quốc Toàn (2022), “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: Thực trạng, vấn đề và giải pháp”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 27- 5-2022.

176. Tổng cục Thống kê (2025), *Báo cáo tình hình phát triển Kinh tế- xã hội Quý IV, năm 2025*.

177. Đặng Thanh Tuấn, Nguyễn Tuấn Khanh (2024), “Thực trạng và giải pháp thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài trong khu vực công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”, *Tạp chí Việt Nam hội nhập*, ngày 29-01.

178. Trung tâm Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực (2002), *Từ chiến lược phát triển giáo dục đến chính sách phát triển nguồn nhân lực*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

179. Nguyễn Ngọc Tú (2012), *Nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án tiến sĩ kinh tế chính trị, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

180. Đỗ Xuân Tuất (2020), “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam chuyển mình trong đổi mới và phát triển”, *Báo Nhân dân điện tử*, ngày 24 tháng 01.

181. Phạm Hồng Tung (Chủ biên) (2008), *Lược khảo về kinh nghiệm phát hiện, đào tạo và sử dụng nhân tài trong lịch sử Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

182. Nguyễn Thị Tùng (2014), “Vấn đề phát triển nguồn nhân lực trẻ ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục lý luận* (3), tr.50-55.

183. Nguyễn Thị Tùng (2016), *Phát triển nguồn lực con người trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Nghệ An hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

184. Trần Văn Tùng (2005), *Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực tài năng - kinh nghiệm của thế giới*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

185. Trần Văn Tùng, Lê Ái Lâm (1996), *Phát triển nguồn nhân lực kinh nghiệm thế giới và thực tiễn nước ta*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

186. Việt Tùng (2016), “Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 23-02-2016.

187. Trung tâm Nghiên cứu Hiện đại hóa Trung Quốc thuộc Viện Khoa học Trung Quốc (2020), *Tiên tuyến mới của Công nghiệp Hiện đại hóa*, Nxb. Khoa học, Bắc Kinh; (中国科学院中国现代化研究中心 (2020), “工业现代化的新前沿”, 科学出版社, 北京)

188. Trương Xuân Trường (2019), “Phát triển nông thôn và vai trò của văn hóa trong phát triển nông thôn ở nước ta”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 28 tháng 10.

189. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (2023), Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh về *nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

190. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (2024), *Quyết định số 942/ QĐ-UBND ngày 14-5-2024 phê duyệt sửa đổi, bổ sung nội dung Đề án Vùng sản*

xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 94/QĐ- UBND ngày 12/01/2023 của UBND Tỉnh.

191. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (2025), *Báo cáo đánh giá thực hiện phát triển Kinh tế- xã hội đến năm 2025, kế hoạch phát triển Kinh tế- xã hội năm 2026.*

192. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (2025), *Báo cáo tổng kết nhiệm vụ phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn 5 năm giai đoạn 2021- 2025 và phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2026- 2030.*

193. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (2026), *Báo cáo kết quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026, ngày 15-01-2026.*

194. Huỳnh Văn Xô (2024), “Tây Ninh: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, *Sở Khoa học và Công nghệ Tây Ninh*, ngày 05-10.

195. Hoàng Văn (2023), “Nguồn nhân lực cho nông nghiệp 4.0- nguồn nhân lực chất lượng cao thiết và yếu” bài 1, *Tạp chí Kinh tế nông thôn*, ngày 6-12.

196. Hoàng Văn (2023), “Nguồn nhân lực cho nông nghiệp 4.0- Cần thay đổi tư duy về nghề nông”- Bài 2, *Tạp chí Kinh tế nông thôn*, ngày 15- 12.

197. Đào Quang Vinh (2006), *Phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn*, LATTS, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

198. Nguyễn Tấn Vinh (2015), *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

199. Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (2004), *Quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

200. Viện Ngôn ngữ học (2010), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

201. Cấn Anh Vũ (2022), “Phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp chất lượng cao”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, ngày 19- 4.

***Tài liệu tiếng Anh**

202. Adeyemi, O. O. 2011, *Human capital investment in the developing world: an analysis of praxis*, Schmidt Labor Research Center Seminar Series.

203. Anastasia A. Katou (2008), *The Impact of Human Resource Development on Organisational Performance: Test of a Causal Model*, Journal of Behavioral and Applied Management 10·November 2008.

204. Niveen M. Al-Sayyed (2014), *Critical Factors affecting Human Resource Development in the Arab World*, Life Science Journal 2014;11(4s).

205. P.V.C. Okoye, Raymond A. Ezejiofor (2013), *The Effect of Human Resources Development on Organizational Productivity*, International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences, October 2013, Vol. 3, No. 10.

206. Priyanka Rani, M. S. Khan (2009) trong công trình: “*Impact of Human Resource Development on Organisational Performance*” (Tác động của phát triển NNL đến hiệu năng của tổ chức).

207. Thomas O.Daveport (1999), *Human capital: What it is and why people invest it*, Jossey- Bass Publishing House, San Francisco.

208. Xiao Z. (2008). *Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Chính phủ Trung Quốc*, Nguyễn Diệu Tú dịch, Hội thảo Cải cách hành chính dành cho các nước châu Á, Bộ Thương mại Trung Quốc từ ngày 03/4-22/4/2008, Trung Quốc.

209. William J.Rothwell, Robert K.Prescott và Maria W.Taylor do Vũ Thanh Vân dịch (2010), *Chuyển hoá nguồn nhân lực: Thể hiện tầm lãnh đạo chiến lược nhằm thích ứng với các xu hướng tương lai*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

*** Các Trang web**

- 210. <https://www.tapchiconsan.org.vn/>.
- 211. <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/>.
- 212. <https://tapchilyluanchinhtri.vn>.
- 213. <https://www.quanlynhanuoc.vn>.

PHỤ LỤC**Phụ lục 1: Kết quả thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tây Ninh trước khi hợp nhất, nhiệm kỳ 2020- 2025**

STT	Chỉ tiêu	Nghị quyết Đại hội XI	Ước năm 2025	Ước giai đoạn 2021- 2025	Đánh giá
I. Về kinh tế					
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh tăng bình quân (%)	7,5	10,18	7,01	Không đạt
2	Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) USD	4.500 trở lên	4.760	4.760	Đạt
3	Cơ cấu kinh tế trong GRDP năm cuối giai đoạn (giá hiện hành) (%)				Không đạt
	Nông- lâm- thủy sản	14-15	18,43	18,43	
	Công nghiệp- xây dựng	51-52	47,51	47,51	
	Dịch vụ (chưa tính thuế sản phẩm, khoảng 3-5%)	32-33	29,88	29,88	
4	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP (%)	36% trở lên	35,5	36,1	Đạt
5	Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 1 ha đất trồng trọt (triệu đồng)	115	115	115	Đạt
6	Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân (%)	15,5% trở lên	15,30	11,13	Không đạt
7	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ tăng bình quân (%)	10% trở lên	13,09	10,93	Đạt
8	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân (%)	10% trở lên	5,7	5,7	Không đạt
9	Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân (%)	Trên 8%	10,6	10,6	Đạt
10	Phấn đấu tỷ lệ đô thị hóa (%)	50% trở lên	50	50	Đạt
II. Về văn hóa- xã hội					

11	Số lao động có việc làm tăng thêm hàng năm (lao động)	Trên 16.000	Trên 16.000	18.596	Đạt
12	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và dạy nghề (%)	75	75	75	Đạt
13	Tỷ lệ thất nghiệp (%)				Đạt
	-Khu vực thành thị	1,65	Dưới 1%	Dưới 1%	
	-Khu vực nông thôn	1,35	1,35	1,35	
14	Tỷ lệ hộ nghèo (Theo Nghị quyết HĐND, phấn đấu năm 2025 xóa hết hộ nghèo theo chuẩn Trung ương) (%)	Dưới 1%	0	0	Đạt
15	Số bác sĩ, số giường bệnh bình quân/ vạn dân				Đạt
	-Số bác sĩ (bác sĩ)	10	10	10	
	-Số giường bệnh viện (giường)	30	30	30	
16	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi) (%)	Dưới 19%	17,9	17,9	Đạt
17	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	100	100	100	Đạt
III. Về môi trường					
18	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh dân cư thành thị, nông thôn (%)	100	100	100	Đạt
	Trong đó: số hộ sử dụng nước sạch tăng so với đầu kỳ (%)	10	16,9	16,9	
19	Tỷ lệ che phủ rừng (đã loại trừ cây cao su) (%)	16,4% trở lên	16,4	16,5	Đạt
20	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được xử lý, thu gom (%)	100	100	100	Đạt

Phụ lục 2: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) ước giai đoạn 2026- 2030 của tỉnh Tây Ninh

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM					Bình quân giai đoạn 2016- 2020	Bình quân giai đoạn 2021- 2025	Bình quân giai đoạn 2026- 2030
		2026	2027	2028	2029	2030			
Tốc độ phát triển GRDP	%	110,04	110,29	110,12	110,18	110,35	108,12	106,73	110,20
Khu vực I	%	102,55	102,69	102,90	103,00	103,05	101,95	103,64	102,84
Khu vực II	%	113,74	113,91	113,21	113,06	113,07	113,56	108,93	113,40
Trong đó: Công nghiệp	%	114,09	114,13	113,44	113,26	113,35	113,99	109,28	113,65
Khu vực III	%	108,36	108,28	108,31	108,33	108,48	105,94	105,76	108,35
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	108,07	108,13	108,14	108,19	108,16	108,25	103,62	108,14

Phụ lục 3: Một số chỉ tiêu kinh tế- xã hội chủ yếu giai đoạn 2026- 2030

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM					Bình quân giai đoạn 2026- 2030
		2026	2027	2028	2029	2030	
1.Tốc độ phát triển GRDP	%	110,04	110,29	110,12	110,18	110,35	110,20
Khu vực I	%	102,55	102,69	102,90	103,00	103,05	102,84
Khu vực II	%	113,74	113,91	113,21	113,06	113,07	113,40
Trong đó: Công nghiệp	%	114,09	114,13	113,44	113,26	113,35	113,65
Khu vực III	%	108,36	108,28	108,31	108,33	108,48	108,35
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	108,07	108,13	108,14	108,19	108,16	108,14
2.Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng	136.389	155.468	178.546	199.624	255.703	179.146
Nhà nước	Tỷ đồng	23.540	25.958	28.624	31.565	34.807	28.899
Ngoài nhà nước	Tỷ đồng	76.591	88.031	100.028	113.658	128.796	101.420
FDI	Tỷ đồng	36.258	41.478	49.894	54.402	62.100	97.652

3.Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh (*)	Nghìn người	1.748	1.769	1.790	1.811	1.832	1.832
4.Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc của tỉnh (*)	Nghìn người	1.723	1.749	1.776	1.803	1.831	1.831
5.Tốc độ tăng năng suất lao động	%	8,53	8,67	8,46	8,51	8,69	8,57
6.Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	292.199	341.362	401.344	470.492	553.232	411.726
7. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	115,18	115,21	114,45	114,28	114,37	114,70

**Ghi chú: (*) Số cuối giai đoạn 2030*